

TRUYỆN DÀI

TIỂU NGUYỆT

MỘT NGÀY DÀI

MỘT ĐỜI NGƯỜI



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI GIỚI THIỆU:

ĐÔI ĐIỀU CHIA SẺ VỀ TRUYỆN DÀI “MỘT NGÀY DÀI MỘT ĐỜI NGƯỜI” Của Nhà Văn Tiểu Nguyệt.

Nhà văn MANG VIÊN LONG

Cho đến thời điểm hôm nay - cuối năm 2019, sau 45 năm, tôi mới được đọc một Tác phẩm văn học, ghi lại hậu quả cuộc di tản lịch sử đầy nước mắt, và máu trên con lộ huyết mạch liên tỉnh số Bảy, nối liền các tỉnh cao nguyên với đồng bằng duyên hải miền Trung. Có thể nghĩ, truyện dài “*Một Ngày Dài Một Đời Người*” là cuốn phim cuối cùng của gần 21 năm chiến tranh tàn khốc ở Việt Nam, mà những vết thương hằn sâu về sự mất mát, chia ly, phân biệt, còn kéo dài suốt một đời người, có khi cả một thế hệ.

Nhớ lại bối cảnh lịch sử tháng Ba năm 1975: “...Sau khi Ban Mê Thuột thất thủ, ngày 14 tháng 3 năm 1975, trong cuộc họp khẩn cấp của các tướng lĩnh cao cấp và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu tại Cam Ranh đã đưa đến quyết định triệt thoái tất cả chủ lực quân của Quân Đoàn II và tất cả chiến xa, pháo binh cũng như máy bay ra khỏi Pleiku và Kontum. Lệnh triệt thoái được giữ kín trong vòng bí mật giữa những cấp chỉ huy Quân Đoàn, để tránh sự hoang mang cho tầng lớp hành chính cũng như dân chúng địa phương. Phần còn lại của các lực lượng Địa Phương Quân và các cơ sở hành chính vẫn tiếp tục làm việc với cấp tỉnh trưởng cũng như các cấp quận trưởng, như không có gì thay đổi (!).

Con đường cho cuộc triệt thoái lịch sử này đã được chọn là con đường hoang phế Liên Tỉnh Lộ 7B.

Từ Pleiku theo con Quốc Lộ 14 về hướng Ban Mê Thuột khoảng bốn mươi cây số sẽ gặp đầu mối đường Liên Tỉnh Lộ 7B. Ngã ba đường này thường được gọi là “chĩa ba” Mỹ Thạnh. Từ đây, con lộ 7B dài hơn hai trăm cây số xuyên qua vùng rừng núi hiểm trở, đi ngang qua thị xã Phú Bổn (Cheo Reo) và huyện Phú Túc trước khi đến Tuy Hòa.(1)”. **M**ấy ngày gần cuối tháng Ba, trên con đường số Bảy hoang phế, gồ ghề, hiểm trở sau nhiều chục năm không hề được tu sửa, hàng vạn con người già trẻ và các phương tiện xe cộ, đã chen nhau suốt ngày đêm để mong sớm về thị xã Tuy Hòa, giữa những làn bom đạn và sự đói khát, mệt mỏi rã rời. Trong đoàn người hỗn loạn, tháo chạy tìm sự an lành cho cuộc sống này, có bà Kim Trâm dẫn theo hai đứa con - bé Toàn hơn một tuổi, và bé Uyên vừa lên sáu, từ Pleiku, tìm về quê nhà Phú Hiệp, huyện Tuy Hòa.

Cuộc diu dắt hai con - là tài sản quý giá nhất của bà, đã trải qua bao gian nguy, sống chết trong gang tấc, rủi may chỉ vài phút, trên con đường đã thấm máu, và rải rác đây đó xác người nằm lại! Cuối cùng, Bà Kim Trâm đã tìm về đến quê nhà Phú Hiệp nhờ một duyên may, nhưng đã bỏ lạc mất bé Uyên giữa rừng.

Về với cuộc sống ở quê, những ngày đầu gian khó, bên hai người mẹ già, những người thân, cũng bấp bênh lận đận; bà Trâm đã vắng chồng - anh Tư, còn đang trôi nổi, hay bị gom học tập ở đâu đó, và nhất là bé Uyên không hề biết tin tức. Người đàn bà can đảm này, đã phải tự mình vượt qua mọi gian nguy, để đi thăm chồng (khi đã có tin tức); rồi nhiều lần mò lên con lộ số Bảy ngày nào, ghé lại những nơi đã cùng con bên cạnh, để dò tìm! Nỗi khổ thân xác của những tháng năm vào hợp tác xã nông nghiệp khi chưa biết việc đồng áng, số lúa công điền hằng tháng không đủ hai bữa cơm cho gia đình; không bằng nỗi đau chia ly tình nghĩa vợ chồng, và nỗi buồn quặn thắt khi mất đi một khúc ruột yêu quý.

Mãi bị cuốn trôi theo dòng đời oan nghiệt, đổi thay, đến chuyện cơm áo thời bao cấp, nhưng bà Trâm không ngớt nhớ thương chồng và tìm con. Hai niềm vui lớn của đời sống, với bà Trâm đã không còn lại gì. Bà khắc khoải từng ngày mong chờ chồng về sum họp, và hy vọng tìm thấy bé Uyên còn sống vất vưởng ở đâu đó, quanh những ngôi làng hiu quạnh ven đường.

Sau bốn năm, anh Tư đã được phóng thích, trở về với gia đình, nhưng bóng dáng bé Uyên vẫn còn mù mịt. Người ta đã tu sửa mới lại con lộ kinh hoàng, xây dựng lại nhà cửa; nhưng làm sao xoa dịu, bù đắp, hàn gắn lành lặn lại những mất mát, những vết thương tâm trong lòng hằng vạn con người, trong đó có bà Trâm? Vết thương chiến tranh để lại bao hậu quả nghiêm trọng sâu rộng, nghiệt ngã, thương đau, hơn người ta làm lại con đường, những chiếc cầu, những ngôi biệt thự, phố chợ.

Người ta hãnh diện đã “hàn gắn” vết thương chiến tranh dễ dàng, nhanh chóng, đàng hoàng hơn; nhưng những nỗi đau thâm lặn, sâu kín dài dặt tận đáy lòng, suốt cuộc đời mỗi người, thì dường như đã bị quên lãng? Từ “*Một Ngày Của Tháng Ba*” (chương I) đã kéo dài một đời của người đàn bà đau khổ!

Mười chương của truyện dài “*Một Ngày Dài Một Đời Người*” đã ghi lại một cách sâu sắc, đầy đủ, từng chặng đời gian truân của người đàn bà giàu lòng nhân ái, như một phát thảo đau buồn của kiếp nhân sinh, của con người, sau cuộc chiến tàn khốc. Đó là bức thông điệp khẩn thiết về Tình Thương Yêu, Niềm Tin và lòng Can Đảm trước bao nỗi thăng trầm của đời sống! Trong từng chương truyện, người đọc sẽ tìm thấy triết lý sống của đạo Phật được chuyển hóa, vận dụng một cách tinh tế, nhuần nhuyễn, linh hoạt; là những giọt sương tưới mát cho bao cảnh đời khô héo.

Sau cùng, “*Cuộc Hạnh Ngộ Màu Nhiệm*” (chương 9) của bà Trâm và bé Uyên sau bao biến chuyển đau lòng, và “*Niềm Vui Còn Lại Với Đời*” (chương 10) như một “*cái quả*” phải đến, dành cho những ai có tâm thành, biết trân quý nghĩa tình, sống cho Tình Yêu Thương trên đời này vậy!

(1) Ngày Tàn Cuộc Chiến (ký sự của Vĩnh Hiếu)

Quê nhà, tháng 12, Năm 2019

MANG VIÊN LONG

CHƯƠNG MỘT

MỘT NGÀY CỦA THÁNG BA

Bà Trâm bước xuống xe, móc túi áo trả tiền, rồi đi thẳng về phía bên kia đường, xuống chỗ có tảng đá lớn gần chân cầu, bên lùm cây cao che bóng mát. Bà đưa tay sờ, vuốt tảng đá, rồi ngồi xuống; ngược nhìn lên bầu trời cao xanh ngắt, lòng băng khuâng, ray rức, nhớ nghĩ. Tại không gian im vắng này đây, bầu trời xanh này đây, rừng núi bạt ngàn xa xa phía kia; bà đã mất bé Uyên, đứa con gái vừa mới sáu tuổi, đã phải chịu đựng cái đói, cái khát, sự hoảng sợ vì bom đạn suốt ngày đêm.

Dường như, năm nào vào những ngày tháng ba lịch sử ấy, bà đều tìm về đây - nơi bà đã lạc mất đứa con gái bé bỏng, ngây thơ, để tưởng nhớ, tìm kiếm. Mọi người trong gia đình, ai cũng cho rằng bé Uyên đã chết; nhưng linh cảm của một người mẹ, bà luôn nghĩ Uyên vẫn còn đâu đó trên cõi đời này; nên bà cố kiếm tìm, dù mọi hy vọng còn mờ xa phía trước. Tuy vậy, niềm hy vọng vẫn luôn le lói trong trái tim khô héo, đau khổ, yêu thương của người mẹ đang mong chờ.

Những tán lá cây rung rinh trong gió sớm như chào đón bà Trâm trở lại với vùng đất đỏ hoang vắng, cheo leo này. Trước mắt bà là vùng trời quá khứ đau thương, chia ly, ảm đạm vẫn còn thấp thoáng, réo gọi không nguôi. Bà Trâm ray rứt mãi với ý nghĩ, nếu như ngày ấy, bà không bị ngắt ở tảng đá kia, thì bà đã không lạc mất bé Uyên trong tay. Bà hối hận, loay hoay với ý nghĩ mình có lỗi, nên đã khiến bà bị bệnh đau liên miên - lâu dần, bị trầm

cảm, nhớ nhớ, quên quên; nhưng hình ảnh Uyên với những ngày loạn lạc, luôn in đậm trong tâm trí bà, thật rõ ràng, đau đớn.

Đã hơn ba mươi năm qua, dù xa cách phương trời, bé Uyên vẫn sống mãi trong lòng bà, với một đứa bé sáu tuổi, không lớn lên chút nào. Bé vẫn ngây thơ, trẻ con, trong từng giấc mơ đêm đêm mà bà có được. Trong tiếng xạc xào cây lá buổi sớm mai quanh khu rừng dọc đường, bà như nghe tiếng Uyên văng vẳng đâu đây: “*Mẹ ơi! Con đói!. Con mệt!*”, khiến nước mắt bà ràn rụa, chua xót. Hình ảnh cuộc chạy loạn hơn ba mươi năm trước bỗng trở về như một thước phim - từng đoạn, chậm rãi, rõ ràng...

Buổi sáng hôm đó, Kim Trâm xách giỏ đi chợ. Chị ngạc nhiên khi thấy chợ hôm nay sao mà vắng vẻ, chỉ còn lơ thơ vài hàng bày bán thưa thớt, kẻ mua cũng không có mấy người. Trông họ có vẻ vội vàng, thoáng chút sợ hãi. Có người mua ít đồ dùng rồi nôn nóng quay về. Kim Trâm không hiểu chuyện gì đã xảy ra, dù có chút lo lắng, nhưng vẫn bước thẳng vào trong chợ. Chị gặp Lành - một người quen thường đến may quần áo tiệm của chị.

Lành nhìn chị ngạc nhiên:

-Chị Trâm. Chị còn ở đây à? Vậy mà em tưởng chị đưa các cháu về quê rồi chứ? Người ta chạy hết rồi, chị không biết gì sao?

Kim Trâm lo lắng:

-Có chuyện gì sao? Mấy hôm nay chị không ra khỏi nhà, bận may lô quần áo cưới của khách quen. Gì vậy em?

Một người đàn bà chạy ngang qua, giọng hốt hải:

-Trời ơi! Còn đứng đây nói. “*Mấy ông*” sắp tới đây rồi, mau về lo mà chạy đi, kẻo không kịp.

Kim Trâm hốt hoảng:

-Thiệt không chị? Chị nghe ở đâu vậy?

Người đàn bà vừa chạy, quay lại nói:

-Còn thiệt với hông thiệt! Người ta chạy hết trơn rồi, kìa!

Lành giục:

-Tin thiệt đó chị, về lo thu xếp đi, kẻo không kịp.

Kim Trâm nhìn thấy đoàn người dắt nhau chạy hối hả dồn về phía tỉnh lộ 7, vội quay về nhà, lấy giấy tờ tùy thân, tiền bạc, bỏ ít quần áo vào cái xách mang lên vai, gửi Toàn - đứa con trai một tuổi trên lưng, tay dắt bé Uyên hòa theo bà con chòm xóm rời khỏi Pleiku di tản tránh bom đạn về hướng quê nhà - Tuy Hòa, Phú Yên, tìm sự sống. Vừa đi, chị vừa lo lắng cho anh Tư - chồng chị, chị không biết tin tức gì về anh, kể từ hai tuần trước anh về thăm nhà rồi trở lại đơn vị. Cả thị xã xôn xao sẽ cắt bỏ Pleiku từ mấy hôm

trước, nhưng chị nghĩ, chỉ là tin đồn thất thiệt mà thôi. Sao lại cắt bỏ? Đất nước nơi nào cũng quý, cũng tình nghĩa cơ mà!

Mỗi lúc, Kim Trâm thấy dòng người càng đông dần - người già, đàn bà trẻ em, lính tráng, chen nhau, hồi hả, hỗn độn, réo gọi, hô hét theo đoàn quân đang rút chạy ở phía trước, như dòng nước lũ hung bạo tràn về biển. Con đường đất nhỏ hẹp, bụi đỏ tung mù trời dưới cái nắng nóng hầm hập giữa tiết trời muốn chuyển vào hạ.

Tất cả cuộn chảy, trôi xuôi, không ngừng nghỉ - như cô chạy để thoát “*cái chết*” đang gần kề rượt đuổi phía sau lưng. Chạy mà không dám nhìn lui, không dám dừng nghỉ dù thân xác, đầu óc đã rã rời. Chiến tranh, bom đạn như gã hung thần, đói khát, đang nhe hàm răng chực vồ chụp những kẻ yếu đuối, quy ngã.

Trên bầu trời nắng chói, thỉnh thoảng có một vài chiếc trực thăng vòng qua, rồi bay thẳng, để lại tiếng động cơ âm ì, càng làm cho cái nắng, nỗi khiếp đảm thêm gay gắt hơn. Kim Trâm, cảm thấy khát nước đến khô cổ, dường như cuống họng chị nóng rát, xơ cứng lại, nhưng ngoái quanh không thấy dòng suối, ao nước nào; rồi chị vẫn phải bị cuốn theo dòng người đến rã rời, mệt lã.

Trong cảnh hỗn loạn, Kim Trâm luôn kéo bé Uyên bên mình, sợ con gái bị lạc giữa dòng người ào ạt. Bé Uyên ráng chạy lúp xúp theo mẹ, nhưng dường như cô bé đã quá đuối sức, vì đói khát, nhất là khiếp sợ!

Bé Uyên thều thào:

-Con mệt, mẹ ơi! không đi nữa đâu.

Kim Trâm an ủi con:

-Ráng lên con gái, người ta đi được, mình đi được.

-Nhưng con khát nước, đói bụng quá!

-Cố lên con ơi! Về đến Tuy Hòa, mẹ cho con đủ thứ.

Thế là Kim Trâm xốc gùi bé Toàn trên lưng cho ngay ngán lại, rồi cúi xuống bồng Uyên trên tay, cố chạy theo mọi người.

Cầm cúi chạy mãi, chạy mãi, như bị sức đẩy từ phía sau, sức hút từ phía trước; chị cảm thấy con đường như hẹp dần, dòng người chật cứng, va vào nhau, xiêu vẹo, thật hãi hùng. Con đường lồi lõm, đầy “ổ gà, ổ voi”, hình như ít ai qua lại, trông rất hoang vu; bước chân cứ muốn chúi nhào, vấp té. Trẻ con la khóc, tiếng người gọi nhau, kẻ chạy xuôi, người chạy ngược vì thất lạc; cùng tiếng động cơ xe; tạo thành thứ âm thanh hỗn loạn, hồi hả. Ai cũng có cảm giác cái chết đang gần kề quanh đây, nên dù có mệt, có đói, có

khát, vẫn cứ lê lét, không dừng. Trước nỗi sợ chết, con người thật đáng thương làm sao!

Đi đã một ngày đường, đôi chân Kim Trâm run rẩy, không thể lê đi được nữa. Mẹ con chị cùng một số người phải dừng lại tìm chỗ nghỉ qua đêm lấy sức, để sáng mai lên đường tiếp tục. Chị bẻ lá lót bên vệ đường cho bé Uyên nằm xuống, bên cạnh một gia đình (hai vợ chồng và hai đứa con - một trai, một gái). Kim Trâm nằm xuống, trật áo, ngực nhể nhại mồ hôi, cho thằng Toàn bú. Cả ngày không được bú, nên cậu bé ôm chặt vú mẹ nuốt ừng ực. Chị nghe như dòng sữa nóng chảy râng râng trong lồng ngực, cùng với cảm giác choáng váng vì đói khát, vì mệt, lẫn người. Toàn bú một chút đã hết sữa, cố bám chặt đầu vú mẹ nút mạnh, nhưng vẫn không còn gì. Kim Trâm đau nhức khắp người, rã rời; nỗi đau thể xác chị ráng chịu được, nỗi đau vì không có gì cho con ăn, làm chị choáng váng. Người vợ của gia đình kia nhìn mẹ con chị ái ngại:

-Sáng mai chúng ta phải đi sớm, một mình chị mà hai đứa trẻ, chị có đi được không?

Kim Trâm lo lắng, nhưng quả quyết:

-Tui sẽ cố gắng chị à! Không biết chúng ta đến đâu rồi nhỉ?

Người chồng trả lời:

-Con đường này tui chưa đi qua lần nào, không biết được đâu là đâu, chị à! Cứ đi, khi nào tới thì tới thôi.

Dòng người vẫn hối hả đi từng bước trong đêm tối.

Kim Trâm nói với vợ chồng gia đình nằm nghỉ lại bên cạnh:

-Khi nào anh chị đi, nhớ đánh thức giùm với nhé!

-Được rồi. Chúng ta phải nghỉ mới có sức đi tiếp. Chị ngủ một chút đi, tui sẽ gọi chị.

Nhiều người cũng nghỉ lại như Kim Trâm. Có lẽ, họ không đủ sức để lê bước theo đoàn người, phải nghỉ ngơi, để sớm mai còn có thể tiếp tục.

Bé Uyên rên rỉ:

-Mẹ ơi! Chân con đau.

Kim Trâm ôm con gái vỗ về:

-Cố lên con gái! Ngày mai sẽ có xe đi thôi. Con ngủ đi nhé!

Thằng Toàn bú một chặp không có gì, khóc tức tưởi một lúc rồi lăn ra ngủ. Kim Trâm ứa nước mắt khi liếc nhìn Uyên, chị biết ngày mai làm gì có xe mà đi. Hình ảnh ngôi nhà ngói đỏ rợp bóng tre ở quê nhà thấp thoáng, hiện dần trong suy nghĩ. Trâm ước ao được nằm trên chiếc phản kê bên cửa sổ nhìn ra khu vườn xanh mát rau cỏ, lá hoa. Chưa lúc nào chị cảm thấy quê

nhà cần thiết, đơm tình cho đời sống như lúc này. Cuộc đời người đàn bà làm vợ lính như chị, phải rày đây mai đó, theo chồng lên tận miền cao heo hút; có được bao ngày êm ấm, hạnh phúc đâu? Sự sống chết không biết như thế nào, có được may mắn hay không? Nhưng đã thương, đã nguyện sống cùng nhau, thì dù có trôi nổi, gian khổ thế nào, cũng phải chia sẻ, gánh chịu.

Kim Trâm là một thợ may giỏi, lành nghề, lại rất cần mẫn, chịu khó, nên dù ở đâu, chị cũng có thể sống được. Theo chồng lên Pleiku mấy năm nay, chị thuê nhà dọc phố Hoàng Diệu mở tiệm may, cả tuần chồng chị mới xin ra trại về thăm nhà một lần. Đôi khi, có lệnh “*cắm trại*” trăm phần trăm, hai ba tuần chồng chị mới xin được cái phép hai mươi bốn giờ. Tuy là đàn bà, Trâm cũng hiểu rằng, người đàn ông thời chiến là vậy, biết sao hơn được? Ai chẳng muốn được sống ấm êm trong mái gia đình, có vợ con bên cạnh? Nghĩ vậy, nên chị lấy công việc làm niềm vui, mong muốn có ngày im tiếng súng, hòa bình được lập lại; vợ chồng chị sẽ trở về ngôi nhà xưa, sống cuộc đời đặm bạc cùng ruộng vườn, bên lũy tre làng như thuở nào mới yêu thương nhau.

Kim Trâm chấp chờn theo niềm mơ ước về quê, sống êm ả bên lũy tre làng rợp bóng mát; bên bà con xóm giềng luôn gần gũi, đùm bọc, yêu thương. Ở đó, lưu dấu tuổi thơ hái hoa, bắt bướm; có những buổi trưa hè rong chơi không ngủ; có những đêm trăng cả nhà quây quần bên rổ khoai lang luộc, với những câu chuyện đời xưa. Nhớ lại, Trâm thấy lòng lâng lâng, như bay bổng về với những hoài niệm dấu yêu một thuở. Chị thiếp dần vào khung trời kỷ niệm xa xưa, với niềm hạnh phúc được sống lại những phút giây bình yên gần gũi.

Trời chưa kịp sáng, mọi người đã nhón nháo thức dậy, vội vã lên đường để tiếp tục những bước chân trốn chạy.

Kim Trâm lưng gù con trai, tay bồng con gái, cái xách trên vai chị đã rơi mất giữa đường tự lúc nào trong đám đông hỗn loạn buổi chiều. Một tiếng nổ lớn bỗng vang lên như trời long, đất lở ở phía trước. Khói thuốc súng, thuốc đạn ngui ngút bay lên trời cao và những tiếng la thất thanh, hãi hùng. Người người ngã xuống, lớp lớp người phía sau tràn lên, dẫm nhau mà chạy. Tiếng đạn pháo kích lại tiếp tục. Đoàn người hốt hoảng, chạy tán loạn. Kim Trâm không biết chạy về hướng nào, đôi chân chị mềm nhũn vì sợ hãi. Chị khóc. Từ nhỏ, chị chưa hề thấy cảnh nào hãi hùng như hôm nay - chị nghe ớn lạnh khắp sống lưng, run lẩy bẩy. Một người đàn ông phía sau chạy tới nói lớn: “*Chạy vào rừng tránh đạn pháo kích, bà con ơi! Chúng ta nhắm hướng đông mà đi, thế nào cũng về được Tuy Hòa*”. Nhìn thấy Kim Trâm

lung gửi con trai, tay bồng con gái, đứng khóc; anh ta vừa nói, vừa đưa tay ẵm bé Uyên thốc một cái, cõng trên vai: “Để tui cõng con bé giúp chị”. Kim Trâm nhẹ hẫng đôi tay, vội chạy theo bên cạnh anh ta cùng mọi người rẽ vào rừng, tránh xa con lộ loang lổ máu.

Người đàn ông cõng bé Uyên, hình như cũng là một người lính, đã cởi bỏ quân phục hòa lẫn vào dân, nên rất rành việc đi trong rừng. Anh ta đi trước dẫn đường, mọi người im lặng dè dặt, dò dẫm đi sau, sợ bị phát hiện và pháo kích. Đi một lúc, gặp một tốp người đang đi lạc trong rừng, thế là đoàn người lại đông thêm. Cả đoàn, ai cũng rã rời vì đói, khát, vì mệt mỏi, kinh hoàng; họ lết từng bước chậm rãi, với những vết xước, vết cào đầy máu vì gai, vì cây rừng cản lối.

Thình thoảng, tiếng pháo kích vẫn vang lên đì đùng, tiếng súng M16 từng tràng dài và AK “cắc bụp, cắc bụp” từ hướng con lộ 7 phía trái làm mọi người thêm kinh hoàng, hoảng sợ. Ai cũng giật mình khi có con chồn, con sóc, con chim sợ hãi những bước chân, tiếng nổ, chạy trốn xào xạc. Kim Trâm liên tưởng, mình như những con sóc, con chồn, con chim kia, cũng chạy trốn khỏi cái chết, chớ có gì khác hơn?. Súng đạn, cái chết không phân biệt ai. Mọi sinh vật đều ham muốn sống. Sự sống thật đáng quý làm sao!.

Một số người ngã quỵ không đi nổi, phải nằm lại dọc đường trong rừng; không biết rồi họ sẽ ra sao, có sống sót trở về không, hay là vĩnh viễn nằm nghe rừng hát khúc bi ca muôn thuở? Đôi chân Kim Trâm đã bị gai cào rách chảy đầy máu đau đớn, chị thềm nằm ngủ một giấc dài cho quên hết mọi lo âu, phiền não; nhưng đứa con trai trên lưng luôn nhắc nhở chị, phải gắng sức để đưa chúng trở về quê nhà an toàn như chị đã hứa. Nghĩ đến con, Kim Trâm như được tiếp thêm nghị lực, gắng bước những bước xiêu vẹo, đau đớn nghe thốn tận trong tim.

Cuối cùng, đoàn người cũng ra được khỏi rừng, gặp lại tỉnh lộ 7, tiếp tục xuôi về phía Tuy Hòa. Đi mãi, đi mãi, gặp một chiếc cầu, mọi người hăm hở ào xuống sông rửa mặt, uống nước. Khát nước từ hôm qua, nên ai cũng uống một hơi dài cho thỏa cơn khát. Dòng sông im lìm, lặng lẽ chảy, như gắng chờ nỗi niềm của miền cao về biển cả mênh mông; có hiểu được số phận những người đang uống nước kia, sẽ sống chết thế nào?.

Kim Trâm uống nước xong, không thể nào nhắc nổi chân, lết lại nằm ngã dài bên tảng đá bên cầu, chỗ có lùm cây che mát.

Người đàn ông cõng Uyên lại cho chị - giọng lo lắng:

-Chị có đi tiếp không?

Kim Trâm thấy trời đất như quay cuồng, chao đảo trong chiếc đầu khô nóng của mình. Chị thều thào:

-Cảm ơn anh! Tui không bước nổi.

Anh ta đưa bé Uyên lại cho chị, nhìn chị có vẻ dò xét:

-Mẹ con chị nằm nghỉ một lát rồi đi sau nhé! Tui đi đây.

Mọi người tiếp tục lên đường.

Kim Trâm nghe tiếng bé Uyên yếu ớt:

-Mẹ ơi! Con mệt! Con đói!

Kim Trâm muốn đưa tay ôm bé Uyên vào lòng, nhưng dường như đôi tay chẳng chịu nghe lời chị, nó không nhúc nhích. Thằng Toàn bò qua, bò lại trên người chị, la khóc đòi bú. Trâm gắng gượng chồm dậy, nhưng không thể. Rồi chị nghe tiếng khóc, tiếng kêu đói của các con văng vẳng, như từ đâu xa lác vọng về. Âm thanh đứt đoạn trong gió. Kim Trâm cố mở đôi mắt thật lớn, nhưng sao mắt chị vẫn cứ nhắm nghiền, nặng trĩu. Chị cảm thấy một màu đỏ trước mắt, rồi rộng dần lên, trở thành bảy sắc cầu vồng, các màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím, như trộn lẫn vào nhau, chớp nháy liên hồi. Kim Trâm thấy mặt đất rung chuyển, nhấc bổng chị lên; rồi bay bổng nhẹ nhàng lên cao, hòa vào những đám mây trôi lơ lửng giữa bầu trời rộng lớn. Chị bất tỉnh!

Kim Trâm nghe hơi ấm tỏa ra từ một vùng ánh sáng trong suốt trên cao phủ xuống người mình, có cảm giác được ai đó cho uống từng giọt nước cam ngọt ngào, tươi mát. Các cơ trong người chị như căng ra, đón nhận sự tươi mát thấm dần vào từng tế bào, từng thớ thịt, làm chị mát dịu, khỏe khoắn. Trâm thấy mình như vừa được trở về, sau một chuyến đi chơi xa, sống lại một cuộc đời khác. Chị cố mở mắt, hít thở thật đều, cựa mình, từ từ tiếp nhận cuộc sống. Kim Trâm nhúc nhích tay chân chậm rãi, cảm giác có gì đè nặng trên người. Chị tỉnh dần, đưa tay sờ lên ngực, giật mình vùng dậy, hai tay ôm chặt đứa con trai, nhìn sang bên cạnh không thấy Uyên, chị hoảng hốt nhìn quanh quất tìm kiếm. Trâm nhớ dần lại, tất cả như hiện ra trước mắt chị!.

Như có phép màu, Kim Trâm đã hồi sinh, trở về từ cõi chết. Trong chị, nỗi lo sợ lạc mất Uyên làm chị gầy gầy lạnh. Mỗi lúc, sự hoảng sợ tăng dần, chị hoảng hốt ôm con trai chạy tìm Uyên. Kim Trâm gọi lớn: “*Uyên ơi! Uyên ơi!*” hy vọng con gái chạy quanh quất đâu đây, tìm cái gì để ăn vì đói,

nghe tiếng chị gọi sẽ trở lại với chị. Nhưng rồi, Trâm cảm nhận được rằng, Uyên đã không còn ở gần nữa, toàn thân chị tê điếng, giọng gọi con lạc dần, cùng nỗi khổ đau tận cùng. Nhìn thấy ai, chị cũng hỏi: “*có thấy con bé Uyên nhà tui không chị ơi, anh ơi, cô bác ơi!*”, trong niềm hy vọng mong manh, le lói. Người chạy ngang qua nhìn thấy, đều lắc đầu thương cảm - cái cảnh này họ đã chứng kiến đầy dẫy trên đường loạn lạc này từ hôm qua rồi, biết làm sao được - sự may và cái rủi thật mong manh, gặp phải ai, thì người ấy phải gánh chịu, vậy thôi. Tất cả còn đang khập khiễng trên con đường may rủi đầy máu và nước mắt này.

Như người mất trí, Kim Trâm chấp tay, quỳ gối cúi lạy bốn phương tám hướng, cầu xin cho chị tìm được đứa con gái thương yêu. Nước mắt ràn rụa quanh mặt, chị khóc như chưa bao giờ được khóc. Chị lăn lộn trong nỗi đau đớn tột cùng, như ai đã cắt đứt ruột gan chị. Trâm choáng váng, nhìn đâu cũng thấy bóng Uyên, với tiếng khóc “*Mẹ ơi con đói! Con mệt!*”. Chị khóc đến mờ cả mắt, nhìn cảnh vật nhòe nhoẹt; đứa con trai trên lưng chị cũng gào thét vì đói khát.

Kim Trâm bỗng nhìn thấy Uyên thấp thoáng trong những đám mây trôi trên bầu trời cao trong xanh - thiên thần có đôi cánh nhỏ của chị ngày nào. Uyên nhìn chị vẫy vẫy đôi tay, như muốn nói với chị một điều gì đó, mà chị không nghe rõ. Chị cố sức gọi con thật lớn, hy vọng con chị sẽ nghe thấy mà trở về; nhưng con bé vẫn cứ bay cùng đám mây lơ lửng trên cao, mỉm cười nhìn chị. Kim Trâm cố hết sức chạy đuổi theo, giơ tay gào thét gọi Uyên trong tuyệt vọng. Chị lết dần ra giữa khoảng đất trống bên bờ sông, rồi ngã gục.

Một chiếc trực thăng đang bay trên bầu trời, bỗng vòng lại, hạ xuống thấp dần, thấp dần; rồi có một người nhảy xuống, bế xốc mẹ con Kim Trâm đưa lên máy bay. Mọi người chung quanh vội chạy tới chỗ máy bay đang đứng yên, nhưng chiếc trực thăng đã cất cánh vút lên trời cao thật nhanh, thả những vệt khói lam mờ, rồi bay thẳng về phía Tuy Hòa, Phú Yên. Tiếng động cơ ầm ĩ nhỏ dần và mất hút giữa trời chiều ảm đạm.

CHƯƠNG HAI

VỀ VỚI QUÊ NHÀ

Mấy hôm nay, từ thị xã đến làng quê, đâu đâu cũng cũng xôn xao về cuộc di tản trên tinh lộ 7 đầy máu và nước mắt, để tránh né bom đạn, thù hận; khiến bà Chín bàng hoàng, lo lắng cho số phận vợ chồng con trai bà - Anh Tư, chị Trâm và hai đứa cháu nội đang bị kẹt ở thị xã Pleiku.

Bà Chín đứng ngồi không yên, như có lửa đốt trong lòng, liền qua nhà ông bà Hải - cha mẹ con dâu bà, để nghe ngóng tin tức.

Vừa bước vào nhà, bà gặp Kim Lan - em gái của Kim Trâm, vừa dưới bếp đi lên. Bà hỏi:

-Ba má đâu cháu? Hôm nay có nghe tin tức gì của anh chị không?

-Dạ con chào bác Chín. Ba má con lên Đông Tác, chỗ tập trung những người di tản đưa về, tìm người quen hỏi thăm anh chị Tư rồi. Bác ngồi chơi uống chén nước, chắc cũng sắp về rồi đấy.

-Vậy hả cháu? Sao bác lo quá cháu ơi!

Kim Lan an ủi:

-Chắc hồng sao đâu bác. Hôm nay tụi cháu có học hành gì đâu, lo đi ủng lạo, quỳn gạo, tiền, quần áo, thuốc men; giúp đỡ cho những người được cứu về từ cuộc di tản, đang tập trung ở mấy trường học trên Đông Tác mà thôi, bác ạ.

Bà Chín hỏi dồn dập:

-Cháu có nghe tin gì về anh chị không? Có ai gặp tụi nó không vậy?

- Mạnh ai nấy chạy thoát thân, ai biết được ai, hở bác!. Ai cũng mệt mỏi, đói khát, bệnh đau, không nói năng gì nhiều - thấy thương lắm bác!

Bà Chín thần thờ:

-Cầu Trời Phật phù hộ cho tụi nó trở về an toàn. Có gì chắc bác chết mất cháu ơi!

Kim Lan nhìn gương mặt hốt hoảng, tái xanh của bà Chín - giọng nhỏ nhẹ:

-Không sao đâu bác. Mình ở hiền, sẽ gặp lành thôi. Chắc nay mai ảnh chỉ về chứ gì.

-Mong là vậy, cháu à!

Ông bà Hải đèo nhau trên chiếc xe đạp từ sáng sớm, lên Đông Tác tìm kiếm, thăm hỏi tin tức vợ chồng con gái từ những người chạy thoát được, trở về trong cuộc di tản ở tỉnh lộ 7. Hỏi thăm không ai biết gì về vợ chồng anh Tư, chị Trâm, càng làm ông bà lo lắng, sốt ruột hơn; nhưng đành trở về nghỉ ngơi, để sáng mai trở lên tìm kiếm tiếp.

Ông bà Hải vừa về đến nhà, chưa kịp dựng chiếc xe đạp, bà Chín vội chạy ra mừng rỡ:

-Chào anh chị! Có tin tức gì của tụi nó không anh chị?

-Không gặp ai quen chị à. Mai tui sẽ đi tiếp, biết đâu có người quen biết được tin tụi nó thì sao. Nghe nói chết nhiều dữ lắm chị ơi!.

Bà Hải bỗng khóc òa lên:

- Hồng biết tụi nó có sao không, tui lo quá đi.

Bà Chín khóc theo:

-Cầu Trời Phật chứ biết sao chị!

Ông bà Hải nghĩ thương cho bà Chín. Chồng bà mất khi bà mới ba mươi lăm tuổi, bà nuôi ba đứa con thật vất vả, khó khăn. Đứa con gái lớn cũng bỏ bà ra đi khi chưa mãn tang ông Chín, chỉ sau một đêm nóng sốt, được cô y tá trong làng chích cho mũi thuốc, khiến bà đau đớn muốn chết đi; nhưng vì thương con, bà gắng sống nuôi hai con còn lại trưởng thành. Con gái lấy chồng xa, con trai thi rớt tú tài 2, phải vào Thủ Đức, ra trường về đóng quân ở Pleiku; quân đoàn 2, chiến trường đang sôi động, đánh nhau âm ỉ, khiến bà lo sợ, thẳng thốt suốt ngày khi nghe có tin đánh nhau. Bà sống một mình, cô đơn, quanh quẽ trong ngôi nhà cha mẹ để lại; ngày đêm luôn cầu nguyện, mong được hòa bình, để con trai về sống cùng, tuổi già có nơi nương tựa.

Ông Hải - giọng trầm thấp:

-Chắc không sao đâu chị. Nay mai tụi nó về liền ấy mà. Hôm nay có đứa nào về ở với chị không?

-Có đứa nào đâu anh. Con Ba, mười ngày nửa tháng về thăm tui một lát rồi đi. Máy đứa con nó, đứa đi học, đứa đi làm, rảnh đâu mà về với mình. Đơn chiếc phải chịu vậy thôi. Mai một mong cho vợ chồng thằng Tư về thì mừng biết mấy!

-Tui cũng mong là vậy. Tui nó về là mừng rồi - quay sang Kim Lan, ông nói, cơm chín chưa con, dọn cơm mời bác Chín ăn luôn thể, về nhà ăn một mình, buồn lắm.

-Dạ cơm chín rồi ba, để con xuống dọn cơm.

Nói xong, Kim Lan quay xuống bếp dọn cơm lên mời cả nhà cùng ăn. Mọi người cùng ngồi xuống, ăn cho có ăn, ai cũng lo lắng, chộn rộn, nuốt không nổi cơm. Bà Chín nghĩ tủi thân, nước mắt cứ ứa ra như chực trào, vẻ mặt buồn thiu. Mỗi người đều đuối theo mỗi ý nghĩ, yên lặng. Bữa cơm sum họp, lại trở nên ngậm ngùi. Kim Lan thở dài không dám nói gì, sợ động đến nỗi buồn lo của mọi người. Nhưng rồi, Lan cố gượng vui, mời mọc:

-Ba má và bác Chín ăn đi chứ! Con nấu canh tập tàng với cá mảnh, bỏ ít lưỡn rỗng, ăn cho mát. Ngon lắm á! - nói rồi, Lan lấy muống múc canh đổ vào chén của bà Chín, giục - Ăn đi bác Chín!

Bà Chín như sực tỉnh, lua một miếng cơm, gật gật đầu, khen:

-Ngon thiệt. Cháu giỏi lắm.

Kim Trâm gùi thằng Toàn trên lưng, đôi chân run rẩy, bước vào ngõ xiêu queo như sợi bún, rồi ngã quỵ xuống sân. Mọi người vội chạy ủa ra sân.

Bà Hải khóc hét lên: “*Con ơi! Con sao vậy?*”, rồi ôm lấy thằng Toàn, đỡ lưng con gái dậy, nhưng Kim Trâm không gượng nổi. Ông Hải bế xốc con gái chạy vào nhà, đặt nằm trên divan. Bà Chín chạy theo vào, khóc queu quao:

-Trâm ơi! Con sao thế này? Còn thằng Tư đâu rồi, hờ con?

Kim Trâm nghe tiếng mọi người, mở to đôi mắt nhìn, cố gượng dậy, nhưng không thể. Cả người chị mềm nhũn, không nhúc nhích nổi. Hơi thở yếu ớt, miệng chị cứng ngắt không nói được gì, đầu găng mở miệng. Chị đang trong cơn bán loạn, rã rời.

Bà Chín giục Kim Lan:

-Cháu chạy lấy cho bác thau nước ấm và cái khăn, pha cho chị ly sữa. Nhanh lên, cháu.

Kim Lan “dạ” rồi chạy xuống nhà dưới lấy thau nước ấm và cái khăn nhỏ mang lên. Bà Chín nhúng khăn vào nước, vò nhẹ, vắt cho ráo rồi lau nhẹ nhàng lên mặt, lên tay chân cho Kim Trâm. Kim Lan bung một thau nước

ấm nữa, đưa bà Hải lau cho Toàn. Hai ly sữa nóng đã được Kim Lan đặt sẵn trên bàn.

Ông Hải nói với Lan:

-Con xuống bắt nồi cháo loãng cho chị và cháu ăn thêm nhé!

-Dạ!

Kim Lan xuống bếp bắt nồi cháo.

Thằng Toàn bỗng khóc thét lên, khiến cả nhà mừng rỡ. Bà Hải sai Kim Lan chạy đi mua thêm hộp sữa mới cho cháu. Bà ôm Toàn đung đưa trên tay vỗ về, mà nước mắt cứ chảy dài trên má, nghẹn ngào. Bà biết con cháu bà vừa trải qua cơn hãi hùng gần hai ngày đêm, thoát được cái chết chờ chực trong gang tấc, trở về. Bà nghĩ, biết bao người trong dòng người đổ xô về lộ 7, đã nằm lại đâu đó ven rừng; Trâm và Toàn được mò về đến nhà là điều may mắn cho gia đình bà lắm rồi, không cần gì hơn nữa.

Kim Trâm nghe nước mắt thấm dần vào người. Chiếc đầu chị nặng trĩu, như có ai đè xuống, ghìm chặt. Nghe tiếng khóc của con trai, chị giật mình như vừa qua một cơn mộng dữ. Chị vùng ngồi dậy, rồi ngã xuống lại, cố mở đôi mắt thật lớn, nhưng chỉ hé được một chút rồi nhắm chặt, môi mấp máy như muốn nói điều gì, nhưng không ai nghe được. Bà Chín kiên nhẫn múc đồ từng muỗng sữa cho Trâm.

Ông Hải xuống bếp múc chén cháo loãng đem lên đồ cho con gái. Bây giờ mọi người mới nhớ tới bé Uyên, không biết đã xảy ra chuyện gì, mà bé Uyên không về cùng mẹ nó?. Ai cũng lo sợ, nhưng không dám nói ra, chỉ biết chờ Kim Trâm khỏe dần lại. Ông Hải khuyên mọi người, "*chuyện gì xảy ra, thì cũng đã xảy ra rồi, có lo lắng, sợ sệt thì cũng vậy thôi. Trước mắt lo cho Trâm và Toàn bình phục là điều cần làm nhất thôi*". Nói dứt câu, ông Hải bước thẳng lên nhà trên, thắp ba cây nhang, đứng trước bàn thờ ông bà lâm râm cầu nguyện.

Kim Trâm uống hết chén nước cháo, nét mặt trông tươi tỉnh lại, soãi dài tay chân, ngủ một giấc.

Nửa đêm, Kim Trâm mới tỉnh dậy. Mọi người bu quanh giường chị, chờ đợi. Chị vừa khóc vừa kể lại mẹ con chị đã chạy theo đoàn người di tản như thế nào, chị bị mất bé Uyên ra sao? Chị không nhớ ra, vì sao Uyên lạc mất, ai đã đem con bé đi, hay nó tự bỏ chị đi, khi tưởng rằng chị đã chết? Còn anh Tư? Chị không biết tin anh như thế nào từ buổi sáng bỏ nhà ra đi? Anh có trong đoàn quân di tản không? Chị chỉ biết, hai tuần trước, anh có về nhà thăm mẹ con chị, rồi trở lại đơn vị vì có lệnh cắm trại; kể từ hôm ấy, chị không liên lạc được với anh. Bà Hải ngồi bên Kim Trâm - chị ngã vào lòng

mẹ, khóc tức tưởi, nghẹn ngào. Cả nhà, ai cũng khóc theo chị. Bà Hải, bà Chín - hai người mẹ của chị, dù đang đau đớn, nhưng gắng gượng tìm lời an ủi chị cho nguôi ngoai: *“Con ơi! Bé Uyên sẽ không sao đâu. Rồi mình sẽ tìm lại thôi, biết bao người cũng bị thất lạc giữa đường, con à!”*

Ai cũng tin tưởng, hy vọng, sẽ tìm được bé Uyên.

Bà Hải quay sang bà Chín, giọng nhỏ nhẹ:

-Xin chị để cho mẹ con nó ở đây thời gian, khi nào khỏe hẳn sẽ về bên ấy nhé! Tui sẽ chăm sóc cho mẹ con nó thay chị thôi.

-Cảm ơn chị! Cứ để mẹ con nó ở đây, khi nào khỏe hẳn mới về trên tui cũng được. Tôi sẽ chạy qua, chạy về.

Mẹ con Kim Trâm được bà Hải chăm sóc rất kỹ, từ việc ăn uống, đến giấc ngủ; luôn được bà yêu thương, vỗ về, nên đã bình phục nhanh chóng. Sự ân cần của bà Hải, lòng thương quý của bà Chín, đã như những liều thuốc bổ màu nhiệm, vực Trâm đứng dậy. Tuy vậy, trong lòng chị vẫn nặng trĩu nỗi lo, nhớ thương bé Uyên, cùng người chồng không biết hiện trôi dạt ở phương trời nào?

Bà Chín đã đón mẹ con chị về nhà, rồi giao hết năm sào ruộng cho chị làm, bà chỉ phụ giúp chị com nước, và chăm cháu Toàn.

Cảm thấy sức khỏe, công việc nhà đã tạm ổn định, Kim Trâm gọi con cho bà Chín, trở lại tỉnh lộ 7, dọc theo những nơi đã đi qua, để tìm kiếm bé Uyên.

Nhìn những lùm cây cằn cõi, có nơi bị cháy sém khô khốc, hoang dại hai bên đường, chị càng nhớ bé Uyên quay quắt. Có lúc, chị cảm thấy mình không hít thở nổi, nghẹn nghẹn trong cổ. Chị thầm thì *“con đường còn tro vơ, rở ràng đây, mà Uyên của mẹ đâu rồi?”*.

Chị lần vào thôn xóm, thăm hỏi, những người dân sống quanh vùng, nơi con gái chị biến mất; nhưng không có tin tức gì của bé Uyên. Cả ngày, chị thơ thẩn như người mất hồn, quanh quẩn bên sông, dò la tin tức; với niềm hy vọng mong manh, sẽ có người mách bảo cho chị, bé Uyên hiện ở đâu?

Trong các bờ cây, dọc con đường như còn rờn rợn mùi tanh, của những xác chết nằm vất vẻo hôm nào phảng phất. Chị bồng rùng mình, như thần chết còn quanh quất đâu đây, muốn nuốt chửng chị, khiến chị nhanh chân đi vội về chỗ tảng đá dưới chân cầu - nơi lần cuối bé Uyên ở cùng chị. Chị ngồi xuống tảng đá, gọi con *“Uyên ơi! Con ở đâu? Về cùng mẹ đi con ơi!”*, rồi bật khóc, nghẹn ngào.

Chị trở về nhà, người bần thần cả mười ngày, nửa tháng, mới nguôi ngoai được đôi chút; nhưng nỗi ám ảnh, thương nhớ con luôn đau đáu trong

lòng; chị luôn nghĩ, sẽ trở lại tìm con, tìm mãi, tìm mãi khúc ruột đã lìa xa ngày nào.

Chị quần quật làm năm sào ruộng bà Chín giao cho, và cảm cúi nhận may quần áo cho bà con trong xóm, để kiếm thêm thu nhập, cũng để quên dần nỗi nhớ thương. Vải vóc khan hiếm, nên chị chuyên sửa, vá quần áo cũ, lâu lâu có đợt hợp tác xã bán vải cho bà con, mới có khách may đồ.

Bà Chín ngày càng già yếu, đôi mắt đã mờ vì ngày đêm khóc thương con trai không tin tức, cháu nội bị lạc mắt, không biết sống chết thế nào. Bà chỉ mong ước, được nhìn con trai bà trở về, rồi có chết cũng an lòng.

Buổi trưa, bà thường ngồi trên chiếc chõng tre ngoài hiên, ngoáy trầu, nhìn chùng ra ngoài ngõ. Bà dõi mắt nhìn, như bà đang trông đợi một người hẹn đến. Có lẽ, bà đang hy vọng, một ngày nào đó, con trai bà sẽ từ ngoài ngõ bước vào.

Bà Chín bỗng giật mình, khi thấy thấp thoáng, lờ mờ bóng một người bước vào từ ngõ; bà mừng rỡ, chồm đứng dậy, như con trai bà đang rảo bước trở về với bà. Đó là dáng bà Dư, nhà đối diện cổng nhà bà, đến chơi. Hai bà chơi thân nhau, từ thời mới về đây làm dâu, san sẻ cho nhau từ củ khoai, chén chè. Biết bà Chín mắt mờ, ít đi lại, nên bà Dư thường sang thăm chơi, nói chuyện, để bà Chín vui; vậy mà, mỗi lần bà Dư đến, là mỗi lần bà Chín ngỡ tưởng con trai trở về với bà.

Giọng bà Dư rộn rang, khi vừa bước vào sân:

-Có tin tức gì của thằng Tư chưa chị Chín ơi? Chị biết thằng Điệp con ông Cử xóm Chùa không? Người ta đồn nó đã chết ở biển Tuy Hòa, vậy mà nó vừa báo tin về nhà là đang học tập tận đâu ngoài Bắc, đó chị.

Bà Chín hướng đôi mắt nhìn ra ngõ, giọng xa xăm:

-Sao lại tận ngoài Bắc hở bà Dư? Hồng lẽ thằng Tư cũng... - đang nói, bỗng bà Chín giật mình nín thinh một lát, rồi chép miệng - mà có số hết bà Dư ơi! Con người sống chết đều có số hết, phải không?. Nếu thằng Tư còn sống, chắc cũng bị bắt học tập ở đâu đó rồi, phải không bà Dư?

-Chắc là vậy. Dù sao thì học tập vẫn hơn, còn có ngày trở về, phải không chị? Nay mai sẽ có tin nó cho mà coi. Chị đừng lo gì hết, tui tin là nó sẽ về mà. Nó hiền lành, dễ thương mà chị!

Bà Dư thường đến thăm chơi, nói chuyện với bà Chín một chút rồi về, không ngồi lâu; vậy mà hôm nào bà Dư không đến, bà Chín cảm thấy thiếu thiếu, trống vắng, buồn làm sao ấy. Có tin gì mới về cuộc di tản, hay những ai bị bắt, học tập ở đâu, bà vội đến thăm, báo cho bà Chín hay liền, không để lâu trong bụng được. Có món gì ngon, bà Dư luôn múc mang sang cho bà

Chín. Bà Chín cũng vậy, có gì ngon, cũng ngóng chờ bà Dư đến để cùng ăn. Hai bà, như hai chị em ruột thịt, dù một người sinh ra ở miền cao, một người ở miền biển.

Gần một năm sau, Kim Trâm nhận được thư chồng gửi về từ một trại cải tạo ở miền Nam xa xôi. Chị mừng rỡ vì biết tin chồng còn sống, nhưng lo lắng vì anh học tập tận trong miền Nam, đường sá xa xôi, đi lại khó khăn. Dù vậy, chị quyết đi thăm anh, để nhìn thấy tận mắt anh còn tồn tại, còn hít thở; để niềm ước mơ thuở nào trong chị mãi xanh mầm - được sống cùng nhau giữa quê nhà thân yêu, không còn chiến tranh, chết chóc, hận thù.

Lần đầu đi thăm anh, chị sợ một mình thân gái đến một nơi xa lạ, chưa biết, nên nhờ cha đi cùng. Chị chuẩn bị mọi thứ đầy đủ - một chồng bánh trắng, một thau đường đen chị chặt sẵn từng cục, một bịch bột ngũ cốc, thịt cá thung riêm khô, và không quên mua một bịch thuốc rê cho anh.

Cha con chị xuống xe ở ngã ba ông Đồn, lên xe lam đi vào Long Giao, Xuân Lộc, như anh Tư đã chỉ dẫn trong thư. Hai bên đường đất rộng bạt ngàn, xanh xanh một màu trải dài với những rẫy bắp, sắn, đậu trắng tấp. Tự nhiên chị ứa nước mắt, thương chồng đã lao碌 ngày đêm cực khổ từ bấy lâu nay, mà chị không hay biết. Chị nghĩ trong lòng, sẽ ráng làm thêm kiếm tiền đi thăm nuôi anh, cho anh có chút bồi dưỡng dù khó khăn, vất vả.

Gặp mặt được anh, chị mừng mừng, tủi tủi, nước mắt cứ chực trào ra, phải lâu thật lâu, mới bình tĩnh nói chuyện được. Anh an ủi, dặn dò chị, cố gắng nuôi dạy con, chăm sóc mẹ già thay anh. Chị nhìn sâu vào đôi mắt anh, thấy được bao điều yêu thương anh muốn nói, mà không nói được bằng lời với chị.

Đi một chặng đường dài bốn, năm trăm cây số, chỉ được gặp nhau hai, ba mươi phút, rồi chia tay. Chị cố nén những giọt nước mắt chia tay anh, để anh thấy chị mạnh mẽ sống mà an lòng; nhưng chị không kiềm chế được lâu, nước mắt cứ trào ra chảy dài trên má, nghẹn ngào; rồi bỗng khóc nức nở, khi anh bước theo người cán bộ trở về trại. Đôi vai chị run lên mỗi lần trông thấy anh quay nhìn lại. Cả anh và chị, ai cũng muốn níu kéo giây phút chia tay đầy nước mắt này - đi được năm, mười bước, anh quay nhìn lại, rồi đi tiếp; đến khi gần khuất hẳn, anh đi lui quay mặt về phía chị, cho đến khi không còn nhìn thấy nhau được nữa.

Lần đi thăm tiếp theo, tiếp theo sau nữa, luôn có cha chị đi cùng, bởi ông không muốn để con gái đi xa một mình trong nỗi buồn. Lần nào gặp anh, chị cũng khóc, rồi dặn dò, anh cố gắng giữ gìn sức khỏe, học tập rồi trở

về với chị, cùng chị tìm kiếm con gái. Chị nghĩ, một mình chị tìm hoài không có, biết đâu có anh cùng tìm, sẽ có tin về bé Uyên sớm hơn.

Ông Hải lâm trọng bệnh, rồi qua đời. Chị mất đi người cha kính yêu luôn kề cận bên mình, là mất đi chỗ dựa vững chắc. Đi thăm chồng lần này, anh đã chuyển đến trại Z30 A - Đồng Nai; chị một mình tay xách, tay mang, lặn lội tìm đường thăm anh; chị nghĩ thương cha, nếu như có ông đi cùng, luôn an ủi, nhắc nhở - không phải lo lắng, sợ sệt gì.

Chị xuống tàu ở ga Gia Ray lúc bốn giờ sáng. Chị nằm ở nhà ga chờ trời sáng, rồi mới hỏi thăm người dân ở đây, đường lên trại cải tạo Z30 A. Sáng sớm, chị đứng trước sân ga chờ những người đi chợ, đi rẫy ngang qua để hỏi thăm đường. Hai vợ chồng một nông dân, vác cuốc trên vai ngang qua sân ga để đi lên rẫy, chị vội chạy lại hỏi thăm, giọng nhẹ nhàng:

-Anh chị cho xin hỏi, đường lên trại cải tạo Z30 A đi lối nào, và có xa lắm không vậy?

Người vợ nhanh nhẩu:

-Rẫy tôi làm gần trại, chị có đi lên đấy, thì đi cùng chúng tôi. Chị đi thăm chồng hở?

Kim Trâm mừng rỡ:

-Dạ, tôi đi thăm chồng. Cảm ơn anh chị nhiều lắm. Cho tôi đi cùng với, lần đầu tiên đến trại, nên chưa biết đường đi.

Chị vội tay mang, tay xách đồ đạc đi theo vợ chồng người nông dân, rẽ vào một con đường nhỏ trước mặt sân ga. Người vợ tỏ vẻ thân thiện:

-Đây là con đường tắt, dân làm rẫy thường đi lối này gần hơn. Người ta đi thăm nuôi theo con đường lớn chạy thẳng đến trại trước cửa chợ đây chị. Nhưng đường lớn hơi xa, hơn cả cây số ấy chứ.

Con đường đất rộng chừng hai mét, hai bên là những rẫy bắp mới lên, xanh mướt. Một màu xanh trải dài, thẳng tắp, rẫy tiếp nối rẫy, bạt ngàn. Người vợ thấy Kim Trâm xách nặng, liền nói:

-Đưa tôi xách giùm giỏ bánh tráng cho. Chị ở ngoài miền Trung hở?

-Dạ, tôi dân Phú Yên chị à! Xa xôi, mỗi lần đi thăm, khổ quá chị ơi!

Người chồng góp chuyện:

-Chị đi bằng tàu lửa à? Tàu xe khan hiếm, lại đông người đi, chắc gì có chỗ ngồi, hở chị?

-Tôi đứng rần cả chân, đến ga Tháp Chàm mới có chỗ ngồi được một chút, nhờ đứng gần người mới xuống tàu.

Người vợ xuýt xoa:

-Trời đất. Chị đứng từ ngoài đó vô tới Tháp Chàm luôn đấy hở? Tội chị quá!

Kim Trâm thở dài:

-Biết sao được chị, người đông quá, mà tàu xe thì ít, phải ráng mà đứng thôi.

Đến rẫy của hai vợ chồng người nông dân, người vợ đưa giỏ bánh tráng lại cho Kim Trâm, rồi chỉ tay về phía trước, nói:

-Chị đi một chút nữa là gặp con đường lớn của trại, rẽ trái, vô một đoạn nữa là tới trại Z30 A. Chị đi nhé!

Kim Trâm cảm ơn đôi vợ chồng người nông dân tốt bụng, rồi đi tiếp.

Đến trại, chị trình giấy cho cán bộ trực, rồi ngồi ở phòng chờ thăm nuôi, như những người khác, đợi chờ. Chờ thật lâu, khoảng chừng gần hết buổi sáng, (người tù đi làm trở về), một cán bộ đi trước, dẫn những người tù phía sau, từ trong đi ra. Chị mừng rỡ, đưa mắt tìm anh, lòng hồi hộp chờ đợi. Anh bước vào phòng thăm nuôi, đưa mắt nhìn quanh quất tìm kiếm chị. Chị đứng dậy, chạy lại nắm tay anh đưa lại chỗ ngồi của mình, đôi mắt đỏ hoe.

Anh nhìn chị, lòng dạt dào thương cảm:

-Cảm ơn em đã vì anh. Anh sẽ trở về, dù mau hay lâu, để yêu thương em và con, bù đắp lại những vất vả, khổ đau mà em đã phải chịu.

Nghe anh nói vậy, chị vui và cảm động vô cùng. Đây như là một lời hứa, một lời thề nguyện - “sẽ trở về”, rất cần thiết cho sự chờ đợi, hy vọng trong chị ngày đêm. Chị có ý giấu, không cho anh biết cha chị đã chết, nhưng khi anh mở gói thuốc rê, quán một điếu hút, rồi chép miệng: “*Thuốc kỳ này em mua lạt quá!*”. Chị vô tình bảo: “*chắc tại mắt hơi đỏ anh à*”. Anh giật mình: “*Mắt hơi gì?*”. Chị bỗng òa khóc lớn, khiến anh hoảng hốt: “*Cha mất rồi hở em?*”. Chị gật gật cái đầu, khóc ngất, không nói thành lời được. Anh nghẹn ngào khóc theo chị, nhưng rồi anh gạt nước mắt, an ủi chị: “*Thôi nín đi em, cha ở trên cao, sẽ phù hộ chúng ta, anh sẽ mau được tha về, và sẽ tìm được con gái thôi*”.

Chị cũng tin là vậy. Niềm tin sẽ tìm được con, luôn vững chãi trong chị. Chị nghĩ, dù năm, mười, hay bao nhiêu năm đi nữa; có niềm tin, thì sẽ có ngày mình tìm được. Thế là, chị gắng sống, làm việc nuôi con, chăm sóc mẹ già thay chồng, và tìm kiếm bé Uyên. Mỗi năm, cứ vào tháng ba, là chị trở lại liên tỉnh lộ 7, thật đều đặn; để tìm con, để ghi nhớ cái ngày đau thương nhất cuộc đời mình.

Hai vợ chồng chị Trâm, anh Tư ngồi nhìn nhau, biết bao điều muốn nói, nhưng không nói được gì. Có lẽ, lời “vô ngôn” là ý nghĩa lớn lao đối với

cả hai, nên chỉ nói bằng mắt, bằng cái nhìn đau thương, chan chứa nỗi niềm. Sự im lặng trong nỗi cảm thông, là lời nói chân thật, đầy đủ nhất.

Người cán bộ bước lại chỗ hai người, nhắc nhở: “Đã hết giờ thăm nuôi”. Kim Trâm giật mình bàng hoàng, vội nói nhanh, như không kịp thời gian để nói cho anh nghe, lời mình muôn nói - một lời hứa, một lời dặn dò: “*Em sẽ lo cho con, chăm sóc mẹ, và tìm bé Uyên, chờ anh về. Anh yên tâm học tập và trở về với mẹ con em, anh nhé!*”. Anh cầm tay chị đưa lên môi hôn, rồi vội bước theo người cán bộ đang đứng chờ anh.

Chị nhìn theo bước chân anh ngập ngừng, không muốn rời, phía sau người cán bộ. Anh đi mười, mười lăm bước, quay đầu lại như những lần trước, rồi đi tiếp - cứ thế, cho đến khi khuất hẳn.

Chị hít thật sâu, rồi thở ra nhẹ nhàng, nén cơn xúc động, rồi thu xếp đồ đạc, trở về. Ánh nắng gay gắt, hanh hao, trải xuống núi đồi buồn bã, theo những bước chân vội vã của chị trở lại con đường cũ; như thúc giục chị nhanh hơn nữa, cho kịp giờ tàu chạy.

CHƯƠNG BA

TÌNH QUÊ CHUNG MỘT TÁC LÒNG

Kim Trâm thức dậy sớm, gánh gánh rau muống chạy ra chợ bỏ sỉ cho những người bán rau ngoài chợ, rồi vội vã về nhà, thì vừa nghe tiếng keng của đội sản xuất Hợp Tác Xã vang lên. Tiếng keng báo giờ, như hồi chuông thúc giục, báo ngày mới lao khổ. Chị quen dần với hồi keng khô khan, nặng nề ấy. Nhớ những ngày đầu, hễ mỗi lần nghe tiếng keng, chị hồi hộp, lo sợ; bởi chị phải bắt đầu cuộc sống xa lạ - tất cả đều xa lạ, không như tiếng keng trường học êm đềm, trong trẻo, reo vui ngày nào. Chị bỏ đôi gióng vào chái bếp, rồi khoát vội chiếc áo dài tay, vừa đi vừa nói với bà Chín:

-Mẹ cho giùm cháu ăn, con đi làm chớ trễ rồi.

-Để đấy mẹ lo cho. Ăn chén cơm nguội rồi đi làm, còn cơm mà con.

-Dạ! Trễ rồi mẹ, người ta đánh keng rồi, mình ra trễ họ nói.

Bà Chín thở dài:

-Tội nghiệp con tui. Một mình, đầu tắt mặt tối, bữa nào cũng bỏ ăn sáng, còn sức đâu mà làm nữa, con ơi!

-Dạ không sao đâu mẹ. Con quen rồi.

Kim Trâm đến trường Bình Dân (nơi tập trung đi làm), thì thấy bà con xã viên tập trung gần đủ, chờ ông Hào - đội trưởng đội 2, dẫn đi làm. Ông Hào hiền lành, làm nghề sửa xe đạp, trước là lính “*nghĩa quân ma*” ở xã, được bà con tín nhiệm, gần gũi.

Một lát ông Hào tới, tay cầm quyển sổ ghi chép. Ông nói:

-Bà con tới đông đủ chưa? Tui đọc tên, ai có mặt giờ tay nói “có”, để tui ghi công, ai có mặt mà không lên tiếng, mất công ráng chịu đó nghen.

Mọi người cười “ồ” khi nghe bà Hường nói:

-Không sao. Ông mà ghi thiếu tên tui, là tui xách gói qua nhà ông nằm chờ đòi, thử ai thiệt hơn ai, là biết liền.

Ông Hào cũng không vừa, đáp trả:

-Thì bà cứ mang gói qua mà chờ, tui mừng nữa là khác.

Mọi người cười rộ lên như ong vỡ tổ.

Ông Hào đọc tên, ghi công điền rồi dẫn xã viên ra đồng. Bà con xã viên rất mến ông Hào, bởi ông vui tính, lại bênh vực quyền lợi cho xã viên, luôn giúp đỡ những xã viên neo đơn, khó khăn. Ông luôn ứng lúa đầu mùa cho bà con thiếu ăn. Nhiều lúc ông ngó lơ, khi thấy ai đó hót lúa giấu trong nón, trong thau, coi như ông không thấy.

Chồng bà Hưởng chết năm 1968, thấy ông Hào sống đơn chiếc, chất phác, (vợ đã bỏ theo người khác sau 1975), nên đem lòng yêu thương; nhưng ông Hào e ngại, sợ hai đứa con ông buồn. Ra đồng, mọi người hay nói đùa, ghép đôi ông với bà Hưởng; ai cũng cười vui, cho quên hết mệt nhọc.

Mấy hôm nay, cả đội lo cấy mấy đám ruộng “rộc”, vì ngập nước không gieo sạ được. Đàn ông, lớp đi nhổ mạ, lớp gánh vè; phụ nữ thì cấy. Kim Trâm từ nhỏ chỉ lo ăn học, rồi may vá, việc đồng áng có cha mẹ lo; nay phải ra đồng, khom lưng cả ngày, chị thấy cái lưng như muốn còng xuống. Thấy chị không biết cấy, lơ ngơ; mấy cô, dì trong đội thấy thương, liền tập cho chị cấy lúa. Họ chỉ rất nhiệt tình “*Đứa nào không biết cấy, thì phải tập cấy. Mỗi đứa đi “hai con” thôi, không “năm con” như mấy dì đâu. Tụi con xuống lội, đi trước, đứa nào đi không kịp tao “nhốt” ráng chịu à!*”. Thế là Trâm cùng những ai chưa biết cấy, xuống lội, đi trước; chỉ hai con mạ, mà luôn bị các cô, dì rượt chạy không kịp. Nhưng rồi, được một, hai buổi, là ai cũng cấy kịp, không bị “nhốt” ở giữa lại nữa.

Sau một ngày quần quật ngoài ruộng, buổi tối nằm xuống, Trâm nghe hai chân mỏi rã rời, cái lưng đau riêm âm ỉ, không nằm yên với một tư thế nào. Những ngày đầu, làm gì chị cũng thấy mỏi, thấy đau. Dặm lúa, chị kêu đau lưng nhất; làm cỏ đau lưng nhất; làm cái gì cũng đau nhất, không có gì đau nhì. Nhưng rồi, chị cũng phải quen dần, gắng thích nghi, việc gì chị cũng có mặt - nhổ cỏ, dặm lúa, cấy lúa, cắt lúa; ai cũng khen chị kiên nhẫn, giỏi giang, sáng trí.

Mỗi ngày đi làm, được tính mười điểm. Hết vụ, cộng dồn công điền lại, rồi bình quân tổng sản lượng chia cho tổng số điểm của toàn xã viên trong hợp tác xã, mà tính cho từng hộ. Nhà nào cũng có hai, ba lao động chính; còn nhà chị, chỉ mỗi mình chị, nên chị ráng đi làm, dù mỗi mệt, đau

nhức không dám nghỉ; để có công điểm, tới mùa may ra có đủ lúa ăn giáp hạt.

Để kiếm thêm thu nhập, chị nuôi mười mấy con gà, lấy trứng cho con ăn; và trong chuồng lúc nào cũng có hai con heo, để bán, gom tiền đi thăm nuôi anh. Chị còn trồng đám rau muống trong vườn để có rau ăn hằng ngày, kiếm tiền mắm muối, lại làm thức ăn cho heo. Chiều tối sau khi cơm nước xong, chị phải tát nước cho rau, rồi mới đi ngủ. Thằng Toàn chờ mẹ lâu quá, có khi ngủ quên rồi chị mới tát nước xong.

Những ngày mùa, chị tát bận hơn; ửng lúa, gánh về một mình, còn phải phơi, sàng sảy, giê lúa nữa. Làm cả ngày, vậy mà đến tối nằm xuống chị khó lòng ngủ yên được; bởi luôn thương chồng, nhớ con, và những lo toan trăn trở cho ngày mai. Hình ảnh bé Uyên luôn chập chờn trong giấc ngủ chị, nhiều đêm đang ngủ, chị hét lớn: “*Uyên ơi! Uyên ơi!*”, làm bà Chín giật mình, đau đớn, chạy qua lay gọi chị tỉnh lại: “*Con có sao không hở?*”

Sức khỏe bà Chín ngày càng yếu đi, đôi mắt bà càng mờ hơn. Những ngày rằm, mùng một, bà luôn về chùa đọc kinh cầu nguyện cho con trai mau trở về, cháu nội được tìm thấy. Sự hy vọng, đã giúp bà có thêm sức sống, niềm tin để chờ đợi và vượt qua bệnh tật, sống cùng con cháu, trong những ngày tháng tối tăm, gian khổ.

Buổi tối, được tạm yên - mẹ con bà Chín thường ngồi trước hiên, đón gió nồm, chờ trăng lên, nói chuyện chơi một chút rồi mới đi ngủ.

Tiếng “*ông Hai a lô*” vọng từ ngoài đường lớn, dần vào con đường trước mặt nhà. Giọng ông to, rõ ràng:

-A lô, a lô! Bà con trong đội sáng mai đúng bảy giờ tập trung về Hợp tác xã mua bán để mua dầu lửa. Mỗi hộ được hai lít, mang chai, lọ theo mà đựng. A lô, a lô!

Bà Chín thở dài:

-Trước kia muốn mua bao nhiêu thì mua, bây giờ chờ mãi cả mấy tháng, mỗi hộ hai lít.

Kim Trâm cười nhẹ:

-Phải sắp hàng chờ cả buổi mới được hai lít, đó mẹ à!

-Khổ phải chịu chứ biết sao giờ, con? Người ta cho mua bao nhiêu, hay bấy nhiêu, còn hơn không có.

Tiếng bà Dur vọng vào từ ngõ:

-Ông Hai A lô ơi! Hai lít mà làm gì hả ông? Ít ra phải năm lít chứ! Đã hai, ba tháng mới được mua mà ông.

Tiếng Ông Hai khàn khàn:

-Thì bà con tiết kiệm chứ biết sao giờ. Thông báo đưa xuống đội, tui đi a lô cho mọi người hay để mang chai lọ đủ đựng thôi. Thôi, tui đi nhen bà Dur - giọng ông Hai lại gặng cất cao, “A lô! A lô! Bà con trong đội sáng mai đúng bảy giờ tập trung về hợp tác xã mua bán để mua dầu lửa. Mỗi hộ hai lít, mang chai lọ theo đựng. A lô, a lô!”.

Bà Dur từ ngõ lững thững vào, vừa đi vừa làm bậm:

-Hai, ba tháng mà cho mua có hai lít, thiệt là! - Mới tới sân, bà đã gọi lớn, giọng rộn ràng, chị Chín đâu rồi? ăn tô cháo lươn nè, cho mát bụng, rồi ngủ, chị.

Bà Chín ngồi trên chiếc chõng tre ngoài hiên, cười hiền:

-Tui đây chớ đâu bà Dur. Người ta bán mấy lít, thì mình mua mấy lít, biết sao giờ. Lươn ở đâu mà nấu cháo ngon vậy bà Dur?

Bà Dur đặt tô cháo trên chiếc kệ nhỏ, gọi Trâm:

-Trâm! mày lấy cho má mày cái muống, cho bà ăn tô cháo. Lươn thẳng Khả đặt ống trúm, được mấy con đó chị, ăn đi rồi ngủ cho khỏe - bà chép miệng, thì họ bán bao nhiêu, mình mua bấy nhiêu chứ sao chị. Nhưng mà tui nói vậy, để ông nói lại ý kiến của bà con, ở trên xét lại chớ. Không điện được gì ráo tội, mỗi chút dầu để thấp, mà thiếu lên thiếu xuống.

-Thôi kệ, được bao nhiêu hay bấy nhiêu - bà dặn Trâm, lấy thêm cái chén, mẹ múc cho thẳng Toàn ăn với, nhen con. Tội nghiệp thằng nhỏ, cả ngày không có chút gì ngon để ăn!

Kim Trâm “dạ”, vội xuống lấy chén muống mang lên cho mẹ.

Bà Dur nhìn Trâm, giọng thương xót:

-Hôm nay thằng Tư có thư về không cháu? - quay qua bà Chín, đêm hôm tui mơ thấy nó về chị Chín ơi! Chắc nó sắp về rồi đó.

Bà Chín vồn vã:

-Bà mơ sao hả bà Dur? Nói lại tui nghe coi.

-Thì tui thấy nó về chớ sao. Nó ốm và đen hơn trước kia nhiều, nhưng tôi cũng nhận ra nó; gần bốn năm rồi còn gì, phải không chị Chín?

Kim Trâm giọng xa vắng:

-Dạ, cháu mới đi thăm tháng trước, nghe anh nói gần tết có đợt xét cho về, hông biết anh có được xét không? Gần bốn năm rồi đó bác Dur. Hơn một ngàn bốn trăm ngày.

-Nhanh thật. Mới đây mà muốn bốn năm rồi, chắc nó sắp về đây cháu, nó có làm gì tàn ác đâu?. Tội nghiệp! - bà Dur nói rồi đứng dậy, thôi tui về nhen chị Chín, bác về nhen Trâm.

Trâm “ạ”, rồi lấy chén cháo từ bà Chín, đút cho con trai ăn. Chị nói với bà Chín:

-Sáng mai con gánh rau muống ra chợ rồi vô hợp tác xã mua bán mua dầu lửa xong mới về, ghen mẹ!

-Ừ! Mẹ biết rồi. Nhà mình cũng hết dầu lửa gần cả tuần, may mà họ bán đúng lúc, không thì nhà cửa tôi thui hoải.

Tiếng “ông Hai a lô” nhỏ dần, nhỏ dần...ở xóm trước

Nắng chiều hanh vàng chiếu xuống đường ray xe lửa nằm im lìm, trông buồn hiu hắt. Anh Tư xuống tàu, vai mang cái túi xách đựng ít vật dụng linh tinh, bước vội ra cửa ga, cầm cúi về nhà. Như chợt nhớ, anh đi chậm rãi, đảo mắt nhìn ngắm làng quê đã cách xa bao năm trời. Anh thấy mọi thứ dường như không có gì thay đổi. Cũng con đường cũ, nhà cửa hai bên đường như xưa; nhưng sao anh thấy vắng vẻ, lặng yên - nhuốm không khí buồn buồn, nặng nề, ảm đạm. Từ ga xe lửa về nhà chưa đầy một cây số, mà anh thấy xa, xa lắm. Bước chân anh có lúc lừng thừng, lạc lõng giữa quê nhà thân yêu, như đi trên con đường nào xa lạ; mặc dù, chính con đường này anh đã đi qua không biết bao nhiêu lần. Đôi lúc, anh ngần ngại ngẩng lên, vì sợ bắt gặp những ánh nhìn thân quen cũ. Nghĩ đến lúc gặp lại mẹ già, vợ con, anh chợt thấy lòng bồi hồi, rung rung bao nỗi niềm vui buồn lẫn lộn. Được trở về bên những người thân yêu, là niềm ước mơ lớn nhất của anh, trong những tháng năm lặn đạn ở núi rừng, hay gian lao trong trại cải tạo. Quê nhà, hai tiếng gọi thân thương đang trở lại trên từng bước chân anh.

Qua khỏi cầu Bi, nhìn về cái xóm nhỏ phía trước, xanh xanh lũy tre làng, những mái ngói đỏ thấp thoáng; lòng anh bỗng rộn ràng, hồi hộp, giục anh bước nhanh hơn, để được nhìn thấy vợ con, mẹ già, đang ngong ngóng chờ đợi anh trở về. Kia là dốc Dòi, nơi ghi dấu tuổi thơ anh, những buổi chiều cùng đám bạn tuổi thơ quay chong chóng. Anh mỉm cười, nhớ nghĩ - xưa kia, mỗi lần đi học về, tới dốc Dòi, anh chạy một hơi là tới nhà. Hôm nay, anh cũng muốn chạy thật nhanh như thời tuổi nhỏ, để được gặp lại những người thân yêu. Anh không chạy, mà soãi bước nhanh, những bước rộn rã.

Anh Tư bước vào sân, nhìn thấy con trai đang chơi nhảy lò cò, gọi lớn - giọng reo vui:

-Toàn ơi! Lại đây với ba!

Toàn đang chơi, thấy người lạ gọi mình bằng con, xưng ba, sợ quá, liền chạy vào nhà núp, la lớn:

-Nội ơi! Có ông nào vào nhà mình.

Anh Tư nhìn dỗi theo, đôi mắt đỏ hoe, vẫy tay gọi Toàn, giọng run run:

-Đừng sợ con ơi. Ba đây mà.

Toàn mở đôi mắt tròn xoe, ngạc nhiên:

-Ba nào? Con đâu có ba.

Anh Tư lại gần, giọng thân thiện:

-Sao con không có ba chứ. Ba có việc đi xa lâu nay, giờ trở về với con nè! Mẹ và nội con đâu rồi?

Cậu bé nhìn anh Tư lạ lẫm, dò xét:

-Có thiệt là ba của con không vậy? Mẹ con đang tát nước rau muống. Nội con mới thấy đó mà đâu mất rồi!.

Anh Tư rơm rớm nước mắt:

-Thiệt mà. Ba là ba của con đây, Toàn - Anh vui vẻ nói tiếp, con là con của má Trâm, con của ba Tư. Còn nội của con là bà Chín. Thấy chưa? Ba nói đúng rồi đó.

-Ừ hen. Ông nói đúng tên hết trơn hà. Nhưng mà ba đi đâu mà tới giờ mới chịu về, bỏ mẹ con....

Anh Tư kéo Toàn vào lòng, vuốt nhẹ lên đầu, giọng nhỏ, thương cảm:

-Ba đi làm ăn ở xa, nhớ con lắm, mà về không được.

Toàn thắc mắc:

-Ba đi làm ăn “*học tập*” hờ ba? Con nghe nói ba học tập, con biết rồi. Vậy giờ ba về, còn có đi làm ăn “*học tập*” nữa không vậy?

Anh Tư ôm hôn con trai, thở dài:

-Ba về luôn, không làm ăn “*học tập*” gì nữa hết, ở nhà chơi với con thôi.

Toàn reo lên, mừng rỡ:

-Thiệt hờ ba? Ba không làm ăn “*học tập*” nữa, ở nhà luôn. Ôi vui quá! Để con chạy lên nói cho má biết.

Nói xong, cậu bé vụt chạy ra vườn sau, miệng la lớn, vui vẻ:

-Má ơi! Ba về rồi. Ba nói không đi làm ăn “*học tập*” nữa, ở nhà luôn.

Má ơi! Má ơi!

Kim Trâm nghe tiếng con trai gọi mình, liền nói lớn:

-Gì đó con trai. Má đang tát nước, gần xong rồi. Con chờ chút nghen.

Toàn vừa chạy tới giếng, thở hổn hển:

-Con nói là ba về rồi. Từ nay ba không đi làm ăn “*học tập*” nữa, ở nhà luôn.

Kim Trâm giật mình, đang kéo chiếc “*cần vọt*” xuống giếng, liền thả tay; chiếc cần vọt vọt mạnh lên, chút xíu nữa là trúng đầu chị. Chị quay lại thấy chồng tới gần sát bên mình. Mặt chị tái mét, sững sờ nhìn anh chăm chăm, không thốt nên lời - cổ bình tĩnh, nhưng giọng vẫn run run:

-Anh đã về.

Anh Tư bước lại, ôm chị vào lòng, siết chặt.

Giọng thì thầm:

-Anh đã về, em vui rồi!

Kim Trâm run rẩy trong vòng tay chồng, nước mắt lăn dài trên má. Chị thầm nghĩ, “*vậy là từ nay mình không còn đơn chiếc, không phải một mình lo toan mọi thứ nữa; không còn phải đi xa năm, sáu trăm cây số để thăm anh mỗi quý. Từ nay, mình sẽ có anh bên cạnh để san sẻ những nỗi vui buồn, sẽ có anh cùng nhau tìm kiếm con gái rồi*”.

Nhớ đến Uyên, chị bỗng bật khóc, giọng tức tưởi, nghẹn ngào:

-Chúng ta sẽ cùng nhau tìm lại bé Uyên, anh nhé! - Trâm thở dài, em xin lỗi anh, vì đã để lạc mất con gái.

Anh vẫn ôm chị trong đôi tay, xúc động đến rung rung:

-Anh sẽ đi tìm con, em yên tâm. Chúng ta sẽ tìm thấy bé Uyên thôi, em.

Anh Tư đưa tay kéo bé Toàn lại gần, ôm cả hai mẹ con vào lòng. Anh cười mà đôi mắt đỏ hoe, tay vuốt đầu cậu bé, miệng luôn nói: “*Thương quá! Thương quá!*”.

Bà Chín sang nhà bà Dư về, không thấy cháu đâu, lẩm nhẩm “*Thằng nhỏ mới đó chạy đâu mất rồi*”, rồi gọi lớn:

-Toàn ơi! Cháu chạy đi đâu rồi? Toàn ơi!

Nghe tiếng bà gọi, cậu bé vùng ra, vụt chạy về, vừa chạy vừa la lớn - giọng vui vẻ:

-Con đây nội ơi! Ba con về rồi nội ơi! Ba con về rồi.

Anh Tư cầm tay vợ, giục:

-Mình về thôi em. Gân đủ nước chưa? Để đây, lát nữa anh tát cho.

-Dạ đủ nước rồi anh. Thôi mình về, cho mẹ gặp.

Hai vợ chồng anh Tư quay về nhà.

Toàn chạy về tới nhà, sà vào lòng bà, rồi rít:

-Nội ơi, ba con về rồi. Ba con về rồi.

Bà Chín cười, bẹo má cháu:

-Ba về rồi đâu, cún con của bà? Thiệt hông đó?

Bà Chín nói vừa dứt câu, bỗng thấy con trai cùng con dâu từ ngoài vườn bước vào. Bà sững sốt nhìn con. Con bà đã trở về, bằng xương bằng thịt, chứ không phải mơ màng. Giọng bà run run “*Tu đó hở con?*”, rồi sụt sùi khóc, nước mắt chảy dài trên đôi má nhăn nheo. Bà nghĩ, từ đây bà có chết cũng an lòng rồi. Con bà đã trở về, đã trở về.

Anh Tư chạy lại ôm mẹ, cười mà hai giòng nước mắt ứa ra: “*Con đây mẹ. Thăng Tư của mẹ đã về rồi đây. Từ nay mẹ yên tâm nhé! Mọi việc có con rồi*”. Bà Chín ôm con thút thít: “*Con tui đã về. Con về thiệt rồi*”.

Bà Chín vừa mừng vừa tủi, nói với con dâu:

-Sáng mai làm con gà, sửa mâm cơm cúng ông bà, mừng thăng Tư về nghen con. Con về mời mẹ và các em con, nhớ mời bà Dư và bà con quanh nhà mình nữa.

Kim Trâm cười, vui vẻ:

-Dạ! Con biết rồi mẹ.

Buổi tối, sau khi ăn cơm xong, hai vợ chồng anh Tư xin phép mẹ qua thăm nhà mẹ vợ. Bà Hải vui mừng thấy người con rể đã về. Từ đây con gái bà đỡ vất vả, có bờ vai để tựa những lúc buồn đau, mỏi mệt, khó khăn. Kim Lan, và thằng Cuội - em trai, em gái của Kim Trâm, mừng vui vô cùng; chúng nghĩ, có anh, là có chỗ dựa vững chắc, thay cho người cha đã ra đi hai năm trước.

Bữa cơm cúng ông bà mừng anh Tư trở về, có đầy đủ người thân trong gia đình, có bà Dư, ông Hào, ông Thọ, cô Hương, cô Trang quanh nhà thật vui vẻ; ai cũng mừng cho gia đình bà Chín, đã qua rồi những chia ly, buồn khổ, dù chưa tìm được bé Uyên. Riêng Kim Trâm luôn nghĩ, con mình vẫn đâu đó trên cõi đời này, đang đợi chị. Niềm tin sẽ tìm được con, luôn thôi thúc chị kiếm tìm; và chị tin tưởng, từ nay có anh cùng đi, sẽ gặp được Uyên thôi.

Sau đó, theo quyết định chung, sẽ chia ruộng cho từng hộ tự chăm sóc, theo nhân khẩu. Gia đình bà Chín được nhận ba sào ruộng, tự làm và nộp thuế nông nghiệp; có phần thong thả hơn, không phải ngày nào cũng ra đồng theo tiếng keng thúc giục, như trước nữa.

Bà Chín ngày càng già yếu, tuổi già thường hay “đổ bệnh”, mỗi lúc trái gió trở trời là đau nhức, như chiếc máy đo thời tiết vậy. Nhiều lúc bà nói đùa với bà Dư rằng: “*Có ai mua cái máy thời tiết này, bán quách cho rồi, để nhức mỗi không chịu được, bà Dư à!*”. Bà Dư cười với bà: “*Ai dại gì mua, cho không cũng hỏng nhận nữa mà đòi bán*”. Rồi hai bà cùng cười, nghĩ,

“*bộ máy cơ thể của mình đã hết hạn sử dụng, hoạt động bảy mươi năm, rệu rạo hết rồi. Chắc sắp thành phế liệu*”.

Anh Tư trở về, mọi việc đồng áng, bẫm bưng, gieo sạ anh đều gánh vác; anh còn làm giúp cho nhà vợ mỗi khi vãi phân bón ruộng, phun thuốc trừ sâu. Kim Trâm đỡ tay, rảnh rang may vá, lo nuôi con heo, con gà, và gánh rau ra chợ bán. Làm nhiều như vậy, nhưng gia đình anh chị luôn thiếu trước hụt sau, bữa cơm thường đạm bạc, chỉ chút tôm cá nhỏ, với rau củ trong vườn. Tiền kiếm được, anh chị còn lo thuốc thang, chăm sóc cho mẹ, và lo đi tìm kiếm bé Uyên. Anh Tư rất đau lòng, mỗi khi thấy Trâm nhìn một bé gái trạc tuổi con gái mình, liền chép miệng: “*con bé Uyên chắc cũng lớn như vậy rồi, anh à!*”.

Dầu trước mắt còn ngổn ngang trăm bề, nhưng vợ chồng anh Tư được thỏa nguyện với ước mơ, sống cùng nhau giữa làng quê yên ả, thanh bình; không còn nghe tiếng bom đạn, thổi chiến tranh, hận thù. Hạnh phúc đơn giản là vậy, nhưng vẫn còn là nỗi khổ cho bao gia đình, sau cuộc chiến.

Kim Trâm vì quá thương nhớ bé Uyên, nên sức khỏe có phần suy giảm. Chị dự định tháng ba này sẽ bán cặp heo, chị sẽ đưa anh trở lại liên tỉnh lộ bảy, tìm kiếm con, và sẽ chỉ cho anh thấy tận mắt nơi bé Uyên đã bị lạc mất.

Một ngày tháng ba đang đến, khi loa đài đã không ngớt réo rắt, nhắc nhở những chiến công về Mùa Xuân lịch sử ấy; thì hai vợ chồng anh Tư, chị Trâm lên đường trở lại liên tỉnh lộ bảy tìm con.

Hai vợ chồng anh Tư tìm vào sâu trong xóm - nơi bé Uyên đã lạc, hỏi thăm bà con sống nơi đây, về bé Uyên; nhưng chẳng nhận được tin mới nào cả. Họ cho biết, cũng có nhiều người tìm kiếm người thân như anh chị, nhưng không ai tìm được. Kim Trâm thần thờ như người mất hồn, đôi mắt ngơ ngác, buồn bã, dáo dác nhìn ngó mọi phía, như Uyên đang lẩn trốn đâu đây. Hình ảnh bé Uyên với giọng mệt lã “*Mẹ ơi! Con đói, con mệt*” năm nào vọng về, khiến Trâm đau xé lòng. Giọt máu, khúc ruột yêu thương, nay đang lưu lạc nơi đâu?

Kim Trâm đưa chồng đến tảng đá lớn bên chiếc cầu năm nào - nơi lần cuối mẹ con chị bên nhau. Chị chỉ cho anh, kia là bãi sông chị đã xuống uống nước; và chị đã ngất trên tảng đá lớn này, khi chị tỉnh lại thì không thấy bé Uyên. Chị đã ôm con trai, gào thét, tìm kiếm, mong rằng bé Uyên chạy lạc đâu đây nghe thấy mà trở lại với chị, nhưng vô vọng. Nhờ may mắn tình cờ chị về nhà được, bởi lòng tốt của một phi công trực thăng nhìn thấy, sà xuống cứu chị.

Kim Trâm bỗng thấy mình như sống lại những giây phút đau thương, hãi hùng ngày ấy - người tự nhiên bấn loạn, rã rời. Chị nhìn quanh, như thấy rõ thấp thoáng những bóng người chạy loạn khóc la, gọi nhau í ới, hỗn loạn. Rồi chị thấy mình rơi nhanh vào khoảng không vô tận, sâu thẳm, chới vơi. Trâm ngã người trên tảng đá.

Anh Tư ôm chị vỗ về, an ủi:

-Mình về thôi em, trời gần tối rồi. Chúng ta sẽ trở lại tìm con, em nhé!

Anh Tư đỡ Trâm ngồi dậy, choàng vai vợ bước dần trở lại con đường lớn. Bóng dáng bé Uyên như chập chới trong anh - “*Ba ơi! Con yêu ba nhất*”. Anh cười: “*Còn má con?*”. Bé Uyên ôm cổ anh, cười giòn dã: “*Yêu má nhất luôn*”. Anh bẹo má con: “*Con gái cưng của ba!*”.

Anh như nghe thấy tiếng cười của Uyên vang lên, hạnh phúc, vọng về, giữa trời chiều hoang vắng, buồn bã.

CHƯƠNG BỐN

TRÔI THEO DÒNG ĐỜI DẬU BÈ

Anh Tư đi làm về đến nhà, nhìn đồng hồ đã năm giờ chiều, vội bung bao phân bón vợ trộn sẵn cột trên chiếc xe đạp, tay xách cái thúng, đạp xe ra đồng vãi phân. Từ ngày anh học tập trở về, anh theo người cậu của Kim Trâm - ông Thái, làm thợ hồ, xây nhà, kiếm tiền (trước kia, khi còn ở trong trại, anh ở “đội xây”, nên biết thêm được cái nghề này). Nào tiền phân bón ruộng, tiền thuốc trừ sâu, tiền sách vở cho con, tiền thuốc thang cho mẹ, còn phải có tiền để anh chị đi tìm con gái nữa; cho nên, khi có việc ông Thái gọi, anh luôn đi làm, không nghỉ một bữa. Được làm việc, giúp cho vợ con, là niềm ao ước, mong muốn từ khi còn ở trong trại; nên anh cảm thấy vui, hạnh phúc, quên hết nhọc nhằn. Sự làm việc ngày đêm, còn giúp anh quên ngày tháng, ưu phiền - nhất là nỗi buồn tủi.

Anh Tư vãi phân xong, về đến nhà, thì đã lên đèn. Kim Trâm lấy bộ quần áo đưa cho anh, giọng trù mến:

-Anh đi tắm rồi vào ăn cơm, kéo đói bụng.

Anh cười, liếc nhìn vợ:

-Anh nhanh thôi, em dọn cơm đi. Mẹ ăn cơm chưa em?

-Em cho mẹ ăn trước rồi anh.

-Cảm ơn em!

Anh cầm bộ quần áo sạch từ tay Kim Trâm, đi vội ra giếng.

Toàn giúp mẹ dọn cơm ra trước hiên nhà. Kim Trâm bung cái đèn hột vịt dưới bếp lên, thì anh Tư cũng vừa tắm xong vào nhà. Bà Chín ngồi trên phản nhai trầu, giục:

-Tụi con ăn cơm đi, rồi còn nghỉ ngơi. Bữa nào cũng tối mịt mới ăn cơm, tội nghiệp!

Kim Trâm “dạ”, rồi đặt chiếc đèn trên kệ, ngồi xuống, giọng vui vẻ:

-Mời anh, con trai! Mình ăn cơm thôi.

Anh Tư ngồi xuống, bung chén cơm vợ bới đưa, mời vợ con, rồi cầm cùi ăn. Bà Chín ngồi nhìn các con ăn cơm sum họp, bà vui lắm; nhưng rồi bà

nhớ đến đứa cháu gái thất lạc, lòng bà chột nặng trĩu. Nếu như tìm được Uyên về, cùng ngồi nữa, là mãn nguyện rồi, tuổi già bà không ao ước gì hơn. Kim Trâm và chồng, đều có chung một ước mơ là được ngồi bên nhau trong bữa cơm, là hạnh phúc lắm rồi! Những niềm hạnh phúc tuy rất đơn giản là vậy, nhưng cả hai đã phải trải qua bao thăng trầm, mới có được.

Mấy hôm nay, bà Chín nghe trong ngực hơi tức nghẹn, khó thở, bà có cảm giác như có vật gì đè ép nặng trên ngực. Bà nghĩ, có lẽ tuổi già ai cũng thế, bộ máy cơ thể của bà đã làm việc hơn bảy mươi năm gian khổ, có tan rã, có ra đi cũng là chuyện phải đến thôi; nên bà ráng chịu đựng, không thổ lộ cho các con của bà biết. Trong cảnh nghèo túng, chúng có hay biết, cũng chỉ thêm khổ cho chúng mà thôi. Bà nhớ lời ông thầy Hai ở chùa Hải Hội hay nhắc nhở đạo hữu, mỗi lần bà về chùa - là niệm Phật, để được sự hộ niệm của chư Phật, ra đi được nhẹ nhàng; nên lúc nào bà cũng niệm sáu chữ “*Nam mô A Di Đà Phật*”, cầu mong đức Phật từ bi, đưa bà về cảnh giới Tây phương An vui của Ngài.

Bữa cơm xong, mọi người họp nhau ngồi chơi trước hiên. Bà chín bỗng thấy nhói đau ở lồng ngực từng cơn, mỗi lúc một nhiều, như có kim châm vào trái tim bà; rồi bà thấy nghẹn tức ở ngực, không thở được. Anh Tư dìu mẹ vào giường nằm ngay ngắn, rồi chạy ra nhà cô Hà - y tá thôn, ở xóm Ga, mời cô về chích thuốc cho mẹ. Khi anh đưa cô Hà về tới nhà, thì bà Chín đã mệt lã. Cô y tá vội bắt mạch và chích cho bà mũi thuốc, một lát sau, bà mở mắt, tỉnh dần. Cô Hà đưa cho anh Tư gói thuốc, dặn anh cho bà Chín uống thêm sau vài giờ, rồi về.

Bà Chín cảm thấy bớt đau, hơi thở nhẹ nhàng trở lại, và ngủ một giấc. Gần sáng, cơn đau bỗng trở lại. Lúc đầu, hơi tức tức ở lồng ngực, sau đau nhiều hơn, làm bà không thở được. Bà thấy trước mắt mình là một màu đỏ chói lòa, nhấp nháy liên hồi; bà cố gượng để thoát khỏi màu sắc ảo ảnh đó; nhưng càng cố gắng, bà càng thấy mình như bị một lực hút mãnh liệt, cuốn vào khung màu chói lòa ấy. Bà muốn gọi to, nhưng rồi, bà thấy mình rơi thật nhanh vào cái hố sâu thăm thẳm, lơ lửng, chói với - bà lịm dần, lịm dần, không còn thở được nữa.

Vợ chồng anh Tư vô cùng đau đớn về sự ra đi quá đột ngột của mẹ, nhưng rồi anh chị nhìn gương mặt im lìm như đang ngủ say của bà, chột hiểu ra rằng - mẹ là một người nhân từ, siêng về chùa lễ Phật, nên đã được ra đi nhẹ nhàng như thế. Nghĩ vậy, anh chị bớt thấy ray rức, đau buồn, chỉ hết lòng lo cho mẹ ra đi chu toàn, như ý nguyện bao lâu.

Theo ngày tháng lặng lẽ dần trôi, vợ chồng anh chị Tư sống êm đềm giữa làng quê yên ả. Cuộc sống tưởng yên bình, nhưng rồi nỗi ám ảnh về đứa con gái bị lạc mất năm xưa, luôn ám ảnh, thúc giục anh chị kiếm tìm; khiến sức khỏe chị suy yếu dần vì niềm vui chưa trọn. Kim Trâm lúc nào cũng nghĩ, bé Uyên đang ở đâu đó, đang đợi được gặp chị; nên chị đau đớn, nhớ thương con, không thể nào nguôi ngoai được. Năm, ba tháng - anh hoặc chị, thay phiên nhau trở lại con lộ Bảy năm xưa, để tìm kiếm con, trong niềm đau đớn tột cùng. Lần nào trở về, chị cũng như người mất hồn, ngơ ngơ, ngác ngác; phải cả tuần, mười ngày, chị mới bình tâm trở lại. Nhiều người thân biết chuyện, khuyên chị hãy nên quên, nhưng làm sao có thể dễ dàng quên một giọt máu, một tình thương yêu của đời mình? Chỉ có kẻ vô tâm, ác độc, mới cam tâm ruồng bỏ con mình mà thôi!

Một hôm, anh chị Tư đi dự đám cưới của đứa cháu, con chị Ba, ở Ba Lò. Anh chị ngồi cùng bàn với Tâm - con của người chú họ. Cuối bữa tiệc, Tâm quay hỏi anh:

-Anh học tập được mấy năm vậy anh Tư?

Anh Tư trả lời nhanh:

-Bốn năm.

-Hay quá! Anh đủ năm để làm giấy tờ rồi.

Anh Tư ngạc nhiên:

-Giấy tờ gì?

-Làm giấy tờ đi Mỹ.

Anh Tư tròn mắt, ngạc nhiên hơn:

-Mày nói anh không hiểu gì hết trơn, Tâm?

Tâm giải thích:

-Theo tui biết, ai đã học tập ba năm trở lên, được phía Mỹ bảo lãnh qua nước họ. Anh bốn năm, đủ điều kiện làm giấy tờ để được đi rồi. Ở trên xóm tui, thấy người ta làm tùm lum rồi kìa.

-Vậy à?

-Anh về làm đi, qua bên đó cho đỡ khổ, con cái dễ học hành tới nơi tới chốn; chứ ở đây, con cái mình, có được cho vào ngôi ở trường Đại học đâu.

Nghe thì nghe vậy thôi, anh Tư không để tâm đến việc phải rời xa quê, sống đời lưu lạc như vậy. Anh nghĩ, cuộc sống nơi đây, tuy gian khó, còn nhiều phân biệt đau lòng, nhưng đã gắn bó bao đời rồi; nay xa quê đến xứ người, bất đồng ngôn ngữ, phải làm lại từ đầu, khó mà thích nghi được. Nơi nào cũng phải đổ mồ hôi, mới kiếm được miếng ăn thôi.

Một bữa nọ, Huân - người bạn khi trước ở chung trại, nhà ở ngoài thị xã vào thăm chơi. Huân cho anh biết, anh ấy đã làm giấy tờ theo chương trình “*di tản thứ tự*”, dành cho cựu quân nhân, và viên chức chế độ cũ, đã học tập cải tạo ba năm trở lên, được chính phủ Mỹ bảo lãnh. Anh ấy khuyên anh Tư nên đi, vì tương lai của con cái. Nghe Huân nói, anh Tư hơi phân vân, muốn đi, nhưng sợ cuộc sống nơi xứ người, khó thích nghi. Nghĩ vậy, nên anh bàn với vợ:

-Em à! Em nghĩ, mình có nên làm hồ sơ xin ra đi không em?

Kim Trâm cười hiền lành:

-Tùy anh quyết định, em không biết nên có ý kiến ra sao.

Sau một thời gian suy nghĩ, anh quyết định ra đi. Nghĩ đến việc, đi đâu đều phải báo cáo, và một vài tháng, phải tới trình diện, hễ gọi là phải có mặt ngay, xin cái giấy gì cũng phải chờ đợi, lo sợ, làm anh thấy mệt mỏi. Anh Tư quyết định làm giấy tờ như các bạn.

Anh hỏi thăm, nhờ Huân chỉ dẫn làm giấy tờ như Huân đã làm. Bà Hải đã giúp anh chị số tiền bà dành dụm được bấy lâu, anh chị còn mượn thêm của những người bà con, họ hàng nữa, mới đủ tiền để lo các thủ tục cần thiết.

Sau mấy năm làm giấy tờ, gia đình anh Tư được gọi phỏng vấn.

Một buổi trưa, Kim Trâm ngồi trên chiếc phản trước hiên, nhìn ánh nắng hanh hao chiếu tràn xuống khắp vườn, lòng chị bỗng thấy băng khuâng, nao nao, gọi nhớ - một khung trời quá khứ thuở nào, cùng những hoài niệm hạnh phúc, đau thương đan xen nhau. Cả thời gian, không gian của những tháng ngày xa xôi, như lắng đọng trong tâm hồn chị. Hình ảnh bé Uyên thấp thoáng cùng niềm nhớ thương cứ day dứt, sôi nổi trong lòng. Chị thầm nghĩ, nếu mình ra đi, bỏ lại đứa con gái thân yêu, tội nghiệp biết đường nào; biết đâu, ở nơi chốn nào đó, bé Uyên đang ngóng đợi mình? Kim Trâm nghe cay sè khóe mắt, rồi những giọt nước mắt nóng hổi lăn dài trên má, chị không buồn lau.

Anh Tư bước lại, ngồi xuống bên cạnh, đưa tay ôm choàng chị. Chị ngã đầu trên vai anh thôn thức:

-Mình bỏ con gái lại mà đi sao anh? Em không nỡ?

Anh Tư ôm chặt đôi vai run run của chị, an ủi:

-Nín đi em. Chúng ta sẽ trở lại tìm con. Anh tin, nếu như con còn sống, chúng ta sẽ tìm được con, em à!

-Được không anh? Chúng ta sẽ trở về tìm con, anh nhé!

-Được rồi. Anh hứa!

Kim Trâm cảm thấy được an ủi phần nào, nghĩ đến việc phải rời xa quê, đến một nơi xa xôi, lạ hoắc, chung quanh mình không có người thân, bạn bè, khiến chị lo lắng. Không biết rồi sẽ ra sao, có thích nghi được không, khi mà mọi thứ đều xa lạ, và nhất là “*bất đồng tập quán, ngôn ngữ*”?

-Sao em lo quá anh à! Mình không biết tiếng của họ, khó mà hòa đồng, thích nghi anh nhỉ?

-Không sao đâu em, sẽ học thêm dần, người ta sống được, mình sống được, sẽ thích nghi thôi. Đừng lo lắng gì hết, coi chừng bệnh đó.

-Biết vậy, nhưng vẫn cứ lo anh à.

-Rồi sẽ quen dần thôi, với lại mình ra đi, để có cơ hội giúp cho mẹ và các em của em nữa chứ.

Kim Trâm nắm bàn tay anh, bóp nhẹ:

-Có anh bên cạnh, em yên tâm rồi. Qua bên đó, ổn định cuộc sống, là về tìm con anh nhé! Em luôn nghĩ, con gái vẫn ở đâu đó, mong chờ chúng ta tìm kiếm. Em tin, một ngày nào đó, mình sẽ gặp lại con, anh có tin như vậy không?

Anh Tư hôn lên trán vợ, thì thầm:

-Anh cũng tin như em. Người mẹ có linh cảm rất chuẩn xác, tình mẫu tử thiêng liêng là vậy. Trước khi ra đi, chúng ta sẽ trở lại liên tỉnh lộ Bảy tìm con lần nữa, em nhé!

-Dạ! Em cũng nghĩ vậy đó anh, để tạm biệt con.

Còn mười ngày nữa, là đúng ngày anh chị Tư lên đường, anh chị trở lại liên tỉnh lộ Bảy để tìm kiếm con gái. Con đường cũ, với những hàng cây khăng khiu trong gió sớm, đón chào anh chị trở lại với núi đồi hoang vu. Vẫn tảng đá vô tri bên chân cầu, lặng nhìn dòng sông lững lờ, chuyên chở ân tình miền cao về với biển. Tảng đá ấy đã chứng kiến cuộc chia ly của mẹ con chị, và có lẽ, chỉ có nó, mới biết được chuyện gì đã xảy ra cho bé Uyên?. Nhiều lần, chị đã thăm thì, chuyện trò với tảng đá kia, mong có một phép màu nào đó, nó có thể cho chị biết được đã xảy ra thế nào; nhưng nó vẫn im lìm, trong tiếng vi vu, râm rì của gió ngàn, hoang vắng.

Mỗi lần trở lại nơi đây, là mỗi lần lòng chị cuộn sóng. Chị như sống lại những ngày chạy loạn ấy, khiến chị bàng hoàng, đốn đau, như vừa trải qua một trận cuồng phong, dữ dội. Chị thất thểu trên bến sông, với hình ảnh cuối cùng của bé Uyên, trước khi rời xa chị. Tiếng gọi “*Mẹ ơi! Con đói. Con mệt*” của con gái thuở nào như văng vẳng, khiến chị bấn loạn, bàng hoàng.

Anh chị đi dần vào làng, hỏi thăm bà con sống ven vùng về con gái năm nào, nhưng không có một chút tin tức, manh mối nào. Dù vậy, anh chị

vẫn nuôi niềm hy vọng trong lòng, với niềm tin rằng, một ngày nào đó, con gái anh chị sẽ được tìm thấy quanh đây.

Để chuẩn bị cho ngày rời xa quê hương, anh chị bàn với nhau, tổ chức một buổi gặp gỡ chia tay với bạn bè, người thân, bà con chòm xóm. Buổi chia tay, chỉ có nồi chè, chõ xôi, vậy mà vui, được bạn bè, bà con quanh xóm, khen ngợi, anh chị là người tình nghĩa, đáng quý. Vị ngọt của chè thêm tình sâu nặng, sự dẻo thơm của xôi, thêm gắn bó nghĩa tình.

Bà Dư cầm tay Kim Trâm, giọng bùi ngùi:

-Bác chúc vợ chồng mày đi bình an nghen con. Mai một về, chắc gì bác còn sống mà mừng cho tụi con - bà bỗng thút thít, phải như chị Chín còn sống, chắc chỉ mừng lắm đó. Nhưng mà không sao, chỉ luôn phù hộ cho tụi con sức khỏe, an lành, đó nghe Trâm.

Kim Trâm cảm động:

-Dạ! Cháu cảm ơn bác Dư. Bác sẽ sống chờ cháu về, để cháu còn có “quà” cho bác chứ. Còn mẹ cháu, lúc nào cháu cũng thấy như mẹ ở bên mình, mong mẹ phù hộ cho tụi cháu tìm được bé Uyên, là thỏa ước nguyện rồi.

Bà Hải góp lời:

-Chị sui ở trên cao, sẽ phù hộ cho tụi con sức khỏe, an lành, và sẽ tìm được bé Uyên. Qua bên đó, mẹ nghe nói khí hậu lạnh lắm, phải nhớ giữ ấm, để khỏe mạnh mà làm việc đó nghen con, đau bệnh không ai lo, khổ lắm.

-Dạ! Con cảm ơn mẹ. Mẹ ở nhà cũng giữ sức khỏe, mai một tụi con sẽ về thăm mẹ và các em.

-Đừng lo cho mẹ, bên này còn có người thân, có bà con làng xóm, lo gì. Lo cho tụi con ở nơi xa lạ đấy!

Chị Ba lại bên anh Tư, nắm tay em trai, dặn dò:

-Em nhớ giữ sức khỏe nhé! Nhớ thư cho chị biết để chị khỏi lo đó nghen. Chị chúc các em đi bình an.

Anh Tư cảm động:

-Dạ! Em cảm ơn chị. Em sẽ thư cho chị thường xuyên. Chị cũng giữ sức khỏe chờ em về đó nghen.

Những người bạn học cũ của anh Tư, của Kim Trâm, ai cũng vui vẻ chúc mừng anh chị, mong anh chị có cuộc sống sung túc, an bình hơn, ở xứ người; và một ngày nào đó, sẽ trở về, gặp lại, trong tình thương yêu, chờ đón của người thân, bạn bè, ở quê nhà.

Kim Lan nói với chị gái:

-Chị nhớ viết thư thường xuyên cho em đó. Em sẽ báo cho chị biết về gia đình mình qua thư.

Kim Trâm ôm em gái:

-Em yên tâm, chị sẽ viết thư cho em. Em thay chị chăm sóc mẹ nhen. Cảm ơn em gái của chị.

Cuội chen vào:

-Còn em nữa. Chị cũng phải viết thư cho em nữa chứ.

Kim Trâm nhìn em, cười, vuốt tóc em trai:

-Biết rồi, Cuội của chị. Chị sẽ viết thư cho các em. Ở nhà nhớ nghe lời chị Lan, ngoan với mẹ đó nghe chưa. Mai một chị về, sẽ có quà cho các em.

Cuội cười tí mắt:

-Em cảm ơn chị Hai. Em sẽ nghe lời mẹ và chị Ba, chờ chị về.

-Cuội của chị giỏi lắm!

Kim Lan cười:

-Nhớ đó nhen Cuội. Mà mà không nghe lời là chị méc với chị Hai đó nhen.

Cuội cười:

-Dạ! Em biết rồi. Làm như người ta con nít lắm vậy.

Kim Lan cười:

-Chớ mà nghĩ, mà lớn lắm hả? Mới hăm hai, mặt búng ra sữa, mà đòi làm người lớn?

Cuội cãi:

-Tại chị cứ coi em là con nít đó chứ, em lớn rồi chứ bộ.

-Không biết. Trong mắt chị, lúc nào Cuội cũng bé, Cuội nhỏ xíu thôi.

Anh Tư cười:

-Cuội đã lớn rồi. nhưng, đối với các chị, em lúc nào cũng bé bỏng đáng yêu. Đó là tình yêu thương của các chị dành cho em đó mà, đâu có “chê” em nhỏ?.

-Dạ em cảm ơn anh! Em chúc anh chị thượng lộ bình an.

-Cảm ơn em!

Đêm nằm ngủ, Kim Trâm cố gắng nhắm mắt dỗ giấc ngủ, sáng ngày mai lên xe vào Sài Gòn rồi; nhưng sao đôi mắt chị ráo hoảnh, bao nỗi niềm, lo toan sắp phải lìa xa quê hương, cứ day dứt trong lòng. Niềm vui, cùng nỗi buồn cứ đan xen vào nhau, thao thức trong chị. Một chút băng khuâng, lẫn nỗi lo lắng, thấp thỏm ẩn hiện trong tâm hồn, vì nỗi chia xa. Một chút buồn thương, vì phải khất lại sự kiếm tìm đứa con gái thân yêu. Một chút xao xuyến, khi chị chợt nhớ lại tuổi hồn nhiên hái hoa, bắt bướm, với những trưa

hè trốn ngủ rong chơi - bắt nẻ, ô quan, u mọi ... thuở nào réo gọi. Một chút bồi hồi thuở học trò hồn nhiên, áo trắng, xa xăm, gằn gùi. Mỗi thứ “một chút” thôi, nhưng đã căng đầy trí óc. Cuối cùng, hình ảnh bé Uyên chột thấp thoáng trước mắt chị, khiến chị thêm bàng hoàng.

Chuyến xe đưa gia đình anh chị Tư đã chuẩn bị lên đường vào Sài Gòn, tối nay, máy bay sẽ cất cánh lúc nửa đêm. Bà Hải, Kim Lan, Cuội, chị Ba, cùng lên xe vào Sài Gòn tiễn đưa anh chị lên máy bay. Kim Trâm vói nhìn cảnh vật vụt thoáng qua ngoài cửa xe, lùi xa dần, như gởi lời chào tạm biệt quê nhà thân yêu. Những lũy tre, mái bếp, khói lam chiều, của ngôi làng quê yên tĩnh, sẽ là nỗi nhớ, quý báu với anh chị, với những người con xa xứ. Những hình bóng giản dị, tầm thường ấy sẽ cho ta sợi dây bền chắc, thúc giục bước chân của những người con tha phương nhớ trở về cố xứ.

Anh chị Tư làm thủ tục gởi hành lý, trước giờ máy bay cất cánh. Kim Trâm bỗng òa khóc, khi phải vào phía trong, chuẩn bị lên máy bay. Chị ôm choàng lấy mẹ, thút thít:

-Mẹ giữ gìn sức khỏe, con sẽ gởi thư thường xuyên về thăm gia đình. Con rất nhớ mẹ và các em.

Bà Hải rung rung nước mắt:

-Nhớ lời mẹ dặn nhen con. Mẹ chúc các con thượng lộ bình an.

-Dạ! Con cảm ơn mẹ!

Chị Ba mếu máo:

-Các em đi mạnh giỏi nha. Qua bên đó, nhớ giữ sức khỏe nhen.

Anh Tư cầm tay chị Ba, bóp nhẹ:

-Tạm biệt chị! Chị cũng giữ sức khỏe, mai một em về - rồi đưa tay vẫy chào mọi người, nói lớn - Tạm biệt mẹ. Tạm biệt chị. Tạm biệt các em. Mọi người về nhé! Con đi đây. Hẹn gặp lại.

Anh Tư cầm tay vợ, cùng con trai bước lên cầu thang, vào phía trong.

Mọi người quay trở lại xe, ra về.

Chuyến American Airline cất cánh, bay lên cao vào giữa đêm, khi thành phố Sài Gòn còn đang ngủ.

CHƯƠNG NĂM

NHỮNG NĂM THÁNG THA HƯƠNG

Gia đình anh Tư, và một số gia đình cùng đi vừa xuống sân bay, đã được toán người đại diện trong chương trình HO (*Humanitarian Operation*) - đón tiếp, đưa về định cư ở bang Memphis. Anh chị Tư được hướng dẫn làm các thủ tục về nhà ở, trợ cấp, và các khoản chi phí cần thiết, để ổn định cuộc sống mới, nơi đây.

Anh Tư thấy mình lạc lõng giữa muôn người xa lạ - khác màu da, khác tiếng nói, thời tiết, thời gian, chưa nói đến các phong tục, tập quán của người bản xứ. Mọi thứ đều lạ lẫm, ngay với vài gia đình người Việt cùng đi đến định cư ở đây. Dù có sự chuẩn bị trước, nhưng anh vẫn lo lắng, bồn chồn, với bao buồn vui, lo toan lẫn lộn. Đối diện trước một cuộc sống, hoàn cảnh hoàn toàn mới, anh biết mình phải mạnh mẽ, xông xáo hơn, vượt qua những khó khăn trước mắt; để là chỗ dựa vững chắc cho vợ con, cho tương lai lâu dài về sau. Tất cả đều phải làm lại từ đầu, để thích nghi dần với cuộc sống còn nhiều gian lao, thử thách phía trước.

Trong thời gian đầu được nhận tiền trợ cấp, anh chị ghi tên xin học tiếng Anh, là cửa ngõ hòa nhập dần với cộng đồng. Anh nghĩ, mình phải có

một việc làm ổn định, để nuôi sống bản thân, gia đình, và còn bao nhiêu khoảng phải chi phí khác.

Sau gần nửa năm chuyên cần, cặm cụi, anh chị đã tạm quan hệ được với bên ngoài, nói được, nghe và hiểu được một số vấn đề thông thường cần thiết trong giao tiếp hằng ngày bằng ngôn ngữ của họ. Anh Tư quyết định tìm việc làm.

Cả tuần lễ, mười ngày, anh đi xin việc, mà chưa nơi nào thông báo, gọi đến. Có nơi xem đơn, ghi nhận đã có đến xin việc, mà công ty chưa cần, để lúc anh cần xin trợ cấp tiếp tục, sẽ bỏ tức hồ sơ. Nhìn anh vất vả, lo lắng, hết đến gõ cửa nơi này, chỗ nọ - chị càng thương anh hơn. Chị nghĩ, mình cũng sẽ tìm một việc gì đó thích hợp để làm, kiếm thêm thu nhập mới đủ chi phí cho cả nhà những nhu cầu không thể thiếu, dù là phương tiện di chuyển.

Mấy hôm nay, da anh khô rát, nổi đầy hột đỏ, lại rất ngứa; nên anh đến y tế khám bệnh. Ở đây, gia đình anh được khám bệnh, phát thuốc miễn phí, không phải tốn tiền. Anh làm quen với một người đàn ông cũng đi khám bệnh ở chỗ anh, anh ấy cho biết, trước kia khi mới đến đây, anh ấy cũng bị như anh, sau một thời gian rồi hết. Anh ấy nói, do mình chưa thích nghi với khí hậu, thời tiết, lâu rồi quen, qua mùa lạnh sẽ hết ngứa thôi. Anh cũng nghĩ, sẽ chóng khỏi như lời anh ấy nói.

Được người quen giới thiệu, anh Tư đến xin làm bốc vác cho hãng xe tải chuyên chở hàng xuất khẩu. Trước khi đưa Tư đến giới thiệu cùng người chủ xe mà anh đang làm, người bạn hỏi anh có chịu khổ được không. Anh chỉ cười, trả lời ngắn gọn: “*Chấp nhận tất cả, bạn ạ!*” Nhưng chỉ sau một tuần với việc khuân vác quá nặng nhọc, anh không thể khuân nổi một kiện hàng nặng đến 80 ký như mọi người, nên xin nghỉ!

Cuối cùng, rồi anh cũng tìm được việc. Anh Tư được hãng sản xuất giày thể thao Adidas nhận vào làm. Kim Trâm dậy sớm nấu bữa cơm sáng, và đỡ bữa trưa cho anh, chiều anh mới về. Ngày nào cũng như ngày nào, ăn sáng xong, anh mang theo cơm trưa, vội vàng đến trạm xe buýt cho kịp giờ. Được làm việc, được nhận tiền lương, anh Tư rất vui; anh nghĩ, vậy là mình đã có việc làm, đã phần nào ổn định cuộc sống, dù bao khó khăn còn phía trước phải lo toan. Thẻ lĩnh lương như tờ bảo chứng để có thể mua sắm những gì cần thiết ở bất cứ cửa hàng nào. Anh thường nghĩ, sự nghèo đói, không gõ cửa nhà những con người siêng năng, cần mẫn.

Theo lời giới thiệu, hướng dẫn của bạn, Kim Trâm ghi tên xin học lớp “*cách nuôi và chăm sóc trẻ*”. Nhìn vào những đôi mắt hồn nhiên, trong sáng của trẻ em, là chị thấy thương, thấy yêu thích. Chị nghĩ, “*chăm sóc trẻ*” là

một việc làm hợp với khả năng, hơn nữa chị lại yêu thích; nên quyết định chọn nghề này, vừa để có việc làm, vừa hợp với sở thích.

Sau hơn ba tháng, Kim Trâm được cấp giấy chứng nhận “*Chăm sóc trẻ*”. Chị xin làm cho một gia đình người Việt, cần người nuôi giữ hai đứa con sinh đôi của họ. Hằng ngày, chị chăm sóc hai đứa bé trai hai tuổi, không dễ dàng gì; nhưng với tấm lòng yêu trẻ, chị yêu thương các bé như con của mình, nên được gia đình họ quý mến, lâu dần coi chị như người thân.

Một hôm, có người bạn của Hương (mẹ của hai đứa bé), dắt một bé gái trạc sáu tuổi đến thăm chơi. Kim Trâm bỗng sững sờ, nhìn cô bé không chớp mắt. Mắt chị hoa lên, những màu sắc xanh, đỏ, tím, vàng, như nháy múa trước mắt chị; rồi chị thấy Uyên đang mỉm cười nhìn chị. Chị bỗng gọi lớn: “*Uyên ơi! Con ơi!*”, rồi chạy lại cầm tay con bé.

Người bạn của Hương cầm tay con gái kéo lui lại, giọng hoảng hốt:

-Chị sao vậy? Sao vậy? Uyên nào ở đây?

Kim Trâm bàng hoàng:

-Uyên! Con tôi.

Hương chạy lại cầm tay chị lay mạnh:

-Chị Trâm! Bình tĩnh lại đi chị. Chị sao vậy?

Kim Trâm đưa tay dụi vào mắt, rồi mở mắt ra nhìn mọi người. Chị tỉnh dần, giọng xúc động:

-Xin lỗi. xin lỗi - nhìn con bé, tôi chợt nhớ con gái đầu của tôi.

Người bạn của Hương hiểu, có lẽ con gái chị đã chết, nên thấy con bé mà nhớ đến - chị thấp giọng:

-Tôi hiểu rồi. Chị không có lỗi. Chị nhớ con. Thôi, chị đừng buồn nữa.

Hương an ủi:

-Uyên là con gái chị? - Hương thờ dãi - cháu nó đã vắng số, do cái số cả chị à. Chị đừng buồn lo nữa

Kim Trâm bỗng hoảng hốt:

-Uyên của tôi không chết, nó bị thất lạc đâu đó, chưa tìm ra mà thôi. Uyên không chết mà. Không chết.

Hương giật mình:

-Xin lỗi chị.

Kim Trâm chao đảo, đứng không muốn vững. Hương vội chạy đến cầm tay chị: “*Chị ơi! Em biết chị rất đau khổ, nhưng chị bình tâm lại đi. Tất cả rồi sẽ qua thôi, chị*”. Kim Trâm úp mặt vào đôi bàn tay, thôn thức, giây lâu. Trâm kể lại cuộc chạy loạn vào tháng Ba năm ấy - chị đã lạc mất bé

Uyên trên đường tìm về quê trên con đường liên tỉnh số Bảy. Nỗi ám ảnh ấy, đã theo chị đến tận bây giờ; đôi khi tràn vào trong những giấc mơ.

Hiều rõ chị, Hương càng quý mến chị hơn. Biết chị là một thợ may giỏi, cô muốn giúp chị nhận may gia công quần áo của hãng may gia đình cô, để có thu nhập cao hơn.

Kim Trâm phải theo học lớp cắt may công nghiệp hàng xuất khẩu, để lấy bằng, rồi mới được nhận áo quần đã cắt sẵn về nhà ráp, hoàn thiện. Chị nghĩ, ở xứ sở này, muốn làm việc gì, cũng đều phải đi học, có cái giấy chứng nhận, rồi mới xin được làm việc, kể cũng hay - người thợ sẽ có thêm một ít kinh nghiệm, kiến thức, cho đảm bảo công việc chứ không thể làm sơ sài cho có.

Nhận cái bằng là một thợ may giỏi, lành nghề, Kim Trâm cảm thấy vui và xúc động lắm. Khả năng, tay nghề của chị đã được nhìn nhận rõ ràng. Trước kia, chị học nghề, rồi nhận may quần áo bao nhiêu năm, có bao giờ chị nghĩ, sẽ có ngày, mình có cái bằng này đâu. Những tháng đầu Kim Trâm nhận vải cắt sẵn về nhà may, ráp một mình. Chị làm từ sáng đến tối mịt, chị nghĩ, phải cố gắng làm, khi còn có thể; để có tiền nâng cao đời sống ngày càng có nhiều nhu cầu, và dành dụm gởi về giúp đỡ, chia sẻ cho người thân. Khi công việc đã tiến triển thuận lợi, chị mua thêm máy, nhận những người quen, đang cần xin việc vào làm - người lật chỉ, làm khuy, kết nút, người ráp áo quần; cơ sở may của chị phát triển dần, lớn hơn; có đến mười mấy máy hoạt động cả ngày, có ca còn làm thêm vào ban đêm.

Phản anh Tư đi làm về, buổi tối còn phụ kết nút, lật chỉ, giúp vợ. Thời gian sau, nhìn thấy công việc của Kim Trâm nhiều quá, phải tất bật quản lý xưởng, giao hàng; anh Tư xin nghỉ làm ở hãng giày thể thao, về nhà giúp đỡ chị. Anh thay chị quản lý, đi nhận vải, giao hàng, để chị có thời gian may và nghỉ ngơi. Trong ba năm, anh chị tiết kiệm mua được xe, thanh toán tiền nhà mua trả góp, còn lo chi trả tiền học phí cho Toàn vào đại học, và gởi về giúp mẹ cùng người thân còn khó khăn ở quê hằng tháng, hay mỗi khi có yêu cầu.

Chị rất sợ mùa đông đến, nó mang theo cái lạnh buốt xương, dầu mang mấy lớp áo dày, chị vẫn thấy lạnh cóng. Ngồi làm việc trong căn phòng có máy sưởi ấm, nhưng chị vẫn thấy lạnh run người. Chị chợt nhớ đến những chiếc bánh xèo nóng hổi, thơm thơm mùi bột gạo mới, mùi mỡ hành, mùi tôm, mẹ chị đã đúc vào những ngày mưa thuở nào. Rồi chị ước ao, được ăn bánh xèo từ tay mẹ đúc, trong cái giá lạnh này, chắc là ngon lắm. Chị cố gắng vượt qua cái lạnh, chiến thắng sự mệt mỏi, nhớ thương, cặm cụi làm việc; để chờ một ngày trở về, tìm kiếm đứa con gái, thăm lại bà con.

Xương may của Kim Trâm lớn dần lên, bấy giờ anh chị chỉ lo quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hơn hai mươi công nhân làm việc, rồi đi giao hàng, nhận vải. Nhiều buổi tối, sau khi xong một ngày làm việc, chị nghe ê ẩm trong từng khớp xương, trong từng thớ thịt. Chị cảm nhận tuổi già đã đến, chuỗi thời gian còn lại ngắn dần, mà việc tìm con gái chưa có một chút tin tức, hy vọng gì. Công việc cứ dòn đuôi, cuốn chị trôi theo, không có thời gian để nhớ nghĩ, băn khoăn nữa. Đôi lúc, chị cảm thấy như có lỗi với lời ước nguyện sẽ tìm kiếm con gái; rồi im lặng trong nỗi nhớ thương con bùng cháy mãnh liệt hơn trong lòng.

Đã hơn tám năm đến định cư ở xứ người, cuộc sống gia đình anh chị đã ổn định, con trai đã tốt nghiệp đại học. Kim Trâm không mơ ước gì hơn, là được trở về thăm lại quê xưa - thăm lại những dấu yêu một thời tuổi trẻ, hồn nhiên, những khổ đau một thời nhọc nhằn trên cánh đồng hợp tác - một thời đã xa, xa lắm rồi, nhưng luôn khắc ghi sâu đậm trong tâm hồn chị, không bao giờ phai mờ. Trở về - nỗi mong đợi “trở về” luôn thúc giục chị như lời réo gọi tha thiết nhất. Trở về, tìm lại đứa con gái thương yêu, bé bỏng lưu lạc. Trở về, thăm lại con đường cũ năm xưa, nơi đã ghi dấu bao nỗi đau thương của một thời thanh xuân.

Kim Trâm đã mua vé máy bay cho chuyến trở về quê hương đầu tiên sau tám năm biệt.

Đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất, Bà Trâm có cảm giác như đã chạm vào “đất quê”, dù còn hơn năm trăm cây số nữa mới đến làng quê của bà. Bà thấy lòng xao xuyến băng quơ, nhớ nghĩ - không biết bây giờ quê mình ra sao, bà con quanh xóm có còn ở chỗ cũ, hay đã tản mát đi nơi khác? Cuộc sống quê mình có được ổn định hơn ngày cũ không? Bao nhiêu nỗi nhớ thương, cứ xôn xao trong lòng, làm bà băng khuâng, xúc động.

Bà Trâm không muốn báo trước với mẹ và các em ngày về, bà muốn có sự bất ngờ cho tất cả, với niềm vui được gặp mẹ, gặp chị em, và bà con láng giềng. Bà muốn về quê bằng xe lửa, để được nhìn thấy quê hương trên từng tấc đất, được sống lại những năm tháng cũ; như ngày xưa bà đã từng đi thăm nuôi anh, trên những chuyến tàu chợ chật ních người.

Nhìn ánh nắng ban mai chiếu rọi vào khung cửa sổ của chiếc tàu TN1 đang chạy nhanh về phía trước, bà Trâm thấy lòng mình thật ấm áp. Từng khắc thời gian trôi qua, là từng khắc quãng đường trở về được thu ngắn lại, và cũng từng khắc lòng bà trầm lắng - Quê Nhà, trong từng hơi thở. Ngôi làng quê rợp bóng tre xanh, chấp chới trong lòng bà, với bao nỗi niềm xa vắng, về một thời cắp sách đã qua. Ở đó, có mẹ cha, có anh chị em, có niềm vui, nỗi buồn, có những tháng ngày cơ cực, buồn đau lẫn hạnh phúc. Bà Trâm nhắm mắt, hít thở nhẹ nhàng bầu không khí quê hương, lắng nghe tiếng lòng mình lao xao, người rung nhẹ theo tiếng “xình xịch” của đoàn tàu rầm rập, lao nhanh.

Bà Trâm đã thật sự bước từng bước trên con đường trở về quê xưa. Bà thoáng bàng hoàng khi nhìn thấy làng quê, nay không còn một bóng tre nào; thay vào đó, là những lò gạch ngui ngút khói. Con dốc “Dòì” ngày nào, bà cùng lũ bạn trẻ thơ trong xóm thường ngồi quay chong chóng, nay đã nâng cao, không còn chút dấu vết gì của con dốc cũ; bà phải đi qua, đi lại nhiều lần, mới nhận biết được. Bà con trong làng, nhiều người đã chuyển nhà ra sống ngoài xóm Chợ, những gia đình có người lớn tuổi, ở lại thủy chung với ngôi làng. Tất cả đều thay đổi. Bà cảm thấy nao nao trong lòng, cay sè đôi mắt.

Nhìn thấy bà Trâm, cả nhà mừng vui, đến nghẹn ngào, rơi nước mắt. Người mẹ, tuổi đã trên 80, được gặp lại con như trong giấc mơ, mừng tủi òa lên khóc. Bà nghĩ, có thể bà không còn dịp nào gặp được con nữa; nay con bà đã trở về, bà nghĩ chết cũng an lòng rồi.

Bà Trâm ôm chầm vai mẹ:

-Mẹ ơi! Từ nay, con sẽ thường xuyên về thăm mẹ. Mẹ đừng lo buồn, hãy vui mà an dưỡng tuổi già, mẹ nhé!

-Được gặp con, mẹ có nhắm mắt cũng an lòng - bà Hải nói trong tiếng khóc, hai đứa em con đã lập gia đình hết rồi, mẹ không còn gì phải lo nữa - vừa dứt lời, bà bỗng khóc lớn hơn.

Bà Trâm khóc theo mẹ:

-Dạ! Con sẽ giúp cho các em có cuộc sống tốt hơn. Mẹ yên tâm nha! - Quay sang Cuội, chị cảm ơn các em đã thay chị chăm lo cho mẹ. Em coi thu xếp, mấy chị em mình lên tỉnh lộ Bảy, tìm kiếm, hỏi thăm thử có tin tức gì mới của bé Uyên không, em nhé, chị nóng ruột quá!

Cuội cười:

-Mẹ là mẹ của em, em chăm sóc, cảm ơn gì chị Hai. Chị tính khi nào mình đi tìm cháu?

-Em thuê cho chị chiếc bẫy chồ, hai ngày nữa, chị em mình đi!

-Dạ chị!

Kim Lan đi làm về, ghé lại thăm mẹ, nhìn thấy chị gái thật bất ngờ. Cô reo vui: “*Chị Hai!*”, rồi chạy lại ôm chầm lấy chị gái của mình. Bà Trâm cười mà nước mắt cứ rung rung. Niềm vui gặp lại mẹ và các em làm bà như tươi tỉnh, trẻ ra. Bà nhớ lại lúc còn sống ở Pleiku, mỗi lần về thăm nhà, được sống trong tình gia đình ấm áp như hôm nay, bà cảm thấy thật ấm lòng, hạnh phúc.

Kim Lan kể cho chị gái nghe, bà con nơi đây ai mất, ai còn, có người đi nơi khác làm ăn, lâu lâu mới về thăm lại. Giờ đây, cuộc sống của bà con có khá hơn, nhưng ngôi làng không còn êm đềm như xưa nữa, nhìn đâu cũng thấy gạch ngói. Nghĩ mà thương cái làng quê hiền lành, êm đềm thuở ấy - đâu rồi con đường làng, với lũy tre xanh nghiêng bóng mát? Tất cả đều tro trụi, khô khốc với những làn khói xám đen ngui ngút bay lên trời cao.

Kim Lan đưa tay chỉ lên trời, ngậm ngùi:

-Chị nhìn kia! Khói mù trời đầy thấy không?. Cả ngày nghe tiếng “rè rè” của máy cắt gạch, cắt ngói, hít thở khói các lò gạch nung bốc lên, không còn bầu không khí trong lành khi xưa, là em tiếc. Nghĩ mà thương cái làng quê hiền lành của mình quá, chị à. Vì cái ăn, mà không ai nghĩ đến hậu quả.

Bà Trâm liếc nhìn lên bầu trời u ám, gật đầu, giọng ngậm ngùi:

-Tiếc thật, em nhỉ! Nhưng thay vào đó, bà con mình có cuộc sống khá hơn, cũng tạm vui rồi.

-Em nghĩ, nếu tập trung làm gạch ngói một khu nào đó, cho riêng biệt, khỏi ảnh hưởng đến môi trường, thì tốt hơn, phải không chị?

Bà Trâm đồng tình:

-Đúng vậy rồi. Chắc tương lai phải vậy thôi, em!.

Bà Trâm đi quanh xóm, thăm hỏi bà con, gửi biếu họ chai dầu, gói kẹo, ai cũng mừng cho gia đình bà được sống làm ăn yên ổn nơi xứ người. Bà Dư đã qua đời hai năm, sau một cơn đau tim đột ngột. Bà Trâm thấp cho người bác láng giềng tốt bụng, thân quý nén hương - người từng là bạn thân của mẹ chồng bà, từng chia sẻ cùng gia đình bà chén chè, tô cháo, ngày nào. Bà Trâm cảm thấy ngậm ngùi, nhớ thương người bác hiền lành, chân chất, và cầu cho bà được an vui trong cõi tịnh lạc, vĩnh hằng.

Bước đi trên con đường làng quen thuộc, sao bà cảm thấy lạ lẫm, như lần đầu đi trên con đường này. Phải rồi, con đường đã hẹp, lại tro trụi phơi mình trong nắng chiều, trông xơ xác, nhẵn nhụi cùng mưa nắng, không còn lũy tre làng rợp bóng mát, reo vui trong gió nữa. Bà thấy lòng bồi hồi, khi

ngang qua “Lò Rèn” của ông Năm - nơi bà đã cùng lũ bạn tuổi thơ trong xóm rong chơi hái chiêm chiêm, dú dẻ, những trưa hè nắng gắt thuở nào. Tất cả bày ra trước mắt, gợi nhớ trong bà những hoài niệm dẫu yêu, xưa cũ, đến nao lòng. Bà cảm thấy buồn man mác, bởi nơi đây, bây giờ là một xưởng làm gạch ngói, ngồn ngang, không còn là khu vườn đầy hoa lá, quyến rũ như xưa nữa.

Qua hai ngày đi vòng quanh thăm hỏi, chuyện vãn với bà con trong xóm, bà Trâm cùng các em trở lại con đường Bảy. Trong cái nắng tươi mới của buổi sáng, bên sông dưới chân cầu bót đi về hoang vu, hiu quạnh hơn xưa. Quang cảnh hiện ra yên ắng đến bất ngờ. Cũng tại nơi đây, bên sông ấy, tảng đá ấy, đã chứng kiến sự chia ly của mẹ con bà; nhưng chỉ có sự im lặng trả lời thay cho những thắc thỏm của bà Trâm. Chiến tranh, bom đạn, hận thù đã từng đi qua nơi này chăng?. Mỗi lần đến đây, bà Trâm như sống lại giây phút hãi hùng của những ngày tháng Ba năm ấy, tưởng chừng như có ai cấu xé ruột gan. Bà vẫn đến ngồi trên tảng đá năm xưa, để nhắc nhở mình, phải tìm kiếm cho bằng được đứa con gái thương yêu, đã lạc mất.

Bà Trâm cùng các em tìm vào một nhà trọ nghỉ lại hai ngày, rong vào các làng quanh vùng hỏi thăm, nhắc lại mấy ngày lịch sử tháng Ba năm nào, cùng bà con quanh đây, mong có chút tin tức gì về Uyên. Tất cả đều nằm trong yên lặng, khiến bà buồn đau, bị lung lạc; nhưng rồi, linh cảm của người mẹ nhắc nhở, con gái bà vẫn đang chờ bà tìm đón ở đâu đó; hy vọng lại bùng lên, thấp sáng niềm tin, mạnh mẽ hơn, rồi sẽ tìm được Uyên trong một ngày nào đó, cho dù bao lâu đi nữa.

Qua hai ngày tìm kiếm, bà Trâm cùng các em trở về nhà, hy vọng lần sau trở lại, sẽ tìm ra manh mối về Uyên. Bà Trâm luôn day dứt, xót ruột về việc tìm kiếm con gái, đã thấp hương hăng đêm, cầu nguyện Trời Phật, ông bà, cha mẹ, phù hộ, chỉ đường cho bà được gặp lại con.

Trước khi rời quê hương trở lại Mỹ, bà Trâm một mình trở lại con lộ Bảy lần nữa, với bao hy vọng, niềm tin. Bà đi vào từng xóm nhỏ dọc đường, như muốn lục tung từng ngõ ngách, soi tìm con gái bà đang trốn ở đâu; nhưng vẫn không có chút tin gì về Uyên cả. Một buổi sáng, trước khi về lại nhà, bà trở lại bên sông, ngồi trên tảng đá, lắng nghe tiếng rì rào của ngàn cây, nhớ nghĩ, nặng trĩu nỗi buồn lo. Bà nghe tiếng gọi “*Mẹ ơi! Con đói. Con mệt*” của con gái vọng về từ chôn nào xa lắc, vang lên trong gió. Bà hoảng hốt, gọi lớn giọng thảng thốt “*Uyên ơi! Con ơi! Mẹ đây*”, rồi gục đầu vào lòng đôi bàn tay, khóc. Những giọt nước mắt mặn chát lặng lẽ tuôn tràn

trên đôi má bà - không biết ở nơi chốn xa xôi nào đó, Uyên có nghe thấy tiếng gọi quặn lòng từ người mẹ khổ đau?.

Một hồi chuông không biết từ hướng nào vang lên trong gió sớm, như đánh thức sự yên tĩnh của núi đồi hoang vu, đánh thức cơn mê hoảng loạn của người mẹ bất hạnh đang sừng sờ, đau đớn. Từng tiếng chuông ngân vang, dìu dặt, như rót vào lòng bà từng giọt nước dịu mát, trong lành, khiến bà cảm thấy lắng dịu nỗi ưu phiền. Bà nghe lòng thư thái dần, như vừa trải qua một cơn mộng dữ.

Bà Trâm chợt muốn thắp nén hương, liền theo tiếng chuông, thăm hỏi mọi người tìm đến thăm ngôi chùa quê. Ngôi chùa Khải Tâm nhỏ nhắn, nằm trên một ngọn đồi thoai thoải, đầy cây xanh bao bọc, trông khép nép, hiền lành, tĩnh mịch. Bà bước dần lên đồi, có cảm giác như đang đi vào một thế giới khác. Thế giới của tình thương yêu, thanh vắng, an bình. Thế giới của từ bi, thoát tục, an vui. Bà hít thở từng hơi nhẹ nhàng, thả từng bước, từng bước, giữa những cơn gió sớm mát dịu; có cảm giác như được trở về ngôi nhà kỷ niệm xưa, mà bà đã quên lãng.

Nắng reo vui theo bước chân bà chậm rãi, nhắc bà nhớ nghĩ về ngôi chùa bà đã từng thọ giới quy y năm xưa. Ngôi chùa cũng nhỏ nhắn như ngôi chùa Khải Tâm này - đó là ngôi chùa làng, nơi bà đã sinh ra và lớn lên. Bà nhớ, ngày ấy, đưa em trai nhỏ của bà mất. Đêm nào bà cũng không ngủ được, cứ thức thòm nhớ thương, chợp mắt được một chút là mộng mị, dữ dần, khiến cha mẹ bà lo lắng. Nhiều đêm, bà thấy những người mặt mày đỏ lòm, dữ tợn, tay cầm gươm giáo, đi vào, đi ra nhà bà. Có đêm, bà hoảng sợ muốn la lớn, nhưng cả người bà như bị dán vào giường, không nhúc nhích được, bà cứ ú ớ, không la nổi. Một người bạn của cha bà khuyên, nên cho bà quy y, để khỏi bị ma quỷ quấy phá. Bà quy y năm mười sáu tuổi, khi ấy, bà mới học lớp chín. Theo lời khuyên dạy của bổn sư, mỗi đêm, trước khi đi ngủ, bà ngồi xếp bằng trên giường, chắp tay niệm Phật một hồi, rồi nằm xuống. Từ đó, bà không còn có những giấc mộng ám ảnh như trước nữa.

Bà bước vào chánh điện, chắp tay, quỳ xuống, lâm râm cầu nguyện. Bà ngược nhìn những tượng Phật trên cao, thấy ánh hào quang chiếu sáng, đôi mắt nhân từ của Đức Phật như mỉm cười nhìn bà - bà nghĩ, có lẽ Ngài đã nghe, hiểu được nỗi lòng của người mẹ mất con như bà?

Bà Trâm mở ví, lấy tiền bỏ vào thùng “*Phước swong*”, rồi khẽ khàng bước ra bên ngoài.

Một người đàn bà luống tuổi (khoảng gần bảy mươi), quét dọn sân trước, bước dần lại chỗ bà Trâm, giọng nhỏ nhẹ:

-Chào cô. Mời cô vào uống tách nước.

Bà Trâm cúi chào lại, tươi cười:

-Dạ, chào cô. Tôi ở xa, tới đây có chút việc, nhân tiện ghé thăm chùa. Cô ở đây đã lâu chưa?

-Dạ, cô cứ gọi tui là cô Hai. Nhà tui ở dưới đồi, tui lên ở đây luôn cũng được mấy năm rồi đó cô - từ khi sư bà mất. Trước kia, tui chạy lên chạy xuống giúp sư bà thôi.

-Sư bà viên tịch được bao lâu rồi cô Hai? Ở đây vắng vẻ quá cô nhỉ!

Cô Hai dẫn bà Trâm vào gian nhà khách, rót ly nước mời:

-Mời cô. Sư bà mất được ba năm rồi, tui lên ở đây luôn với sư cô Diệu Nhân cho vui, và giúp sư cô những việc trong chùa.

Một sư cô nhỏ nhắn trong chiếc áo nhật bình màu lam, từ phía nhà sau đi ra. Thấy bà Trâm đang ngồi với cô Hai, liền bước lại. Bà Trâm vội đứng lên chấp tay “A Di Đà Phật”, cúi chào. Sư cô Diệu Nhân mỉm cười chấp tay chào lại bà Trâm “A Di Đà Phật”, giọng nhỏ nhẹ:

-Mô Phật! Chào cô. Cô thăm chùa sớm nhỉ!

-Dạ! Tui ở xa, có việc phải đến đây, ghé thăm chùa thưa cô. Ở đây, đạo hữu về chùa đông không cô?

-Dạ! Cũng vài chục người thôi. Vùng này, dân thưa thớt, ít khi có khách vãng lai.

Hỏi thăm, nói chuyện với sư cô Diệu Nhân được một lát, bà Trâm xin phép ra về. Bà Trâm thầm nguyện trong lòng, lần sau về, sẽ trở lại đường Bẫy tìm Uyên, ghé thăm sư cô, thăm chùa lần nữa. Sư cô tiễn bà Trâm ra khỏi cổng. Bà Trâm cảm thấy nhẹ nhàng, an vui hơn bao giờ hết, không còn cảm giác lo lắng, nặng trĩu như trước.

Sau một tháng về thăm quê, bà Trâm trở về Mỹ. Ngồi trên chiếc máy bay của hãng hàng không Airline American, bà cảm thấy như đang bồng bênh theo những đám mây, trôi lơ lửng trên bầu trời.

Quê hương ở phía dưới kia, như những chấm nhỏ, rồi mờ dần, ở lại phía sau.

CHƯƠNG SÁU

NƯỞNG THEO CHIỀU GIÓ

Sau một tháng về thăm quê, bà Trâm trở lại với công việc ở cơ sở may, cùng chồng quản lý, trông nom, chỉ dẫn các thợ may ráp quần áo, giao hàng, nhận vải. Ông Tư sức khỏe có phần suy yếu, thường hay có những cơn ho bất chợt, sau kéo dài lâu hơn, nhất là vào những ngày đông lạnh lẽo. Ông đã được khám chữa, miễn phí, ổn định một thời gian, rồi bệnh âm thầm trở lại.

Nhiều lần nhìn chồng ho rũ rượi, bà Trâm xót ruột, lo lắng:

-Anh nghỉ ngơi đi, mọi việc để đây em lo cho. Anh lo làm, không có thời gian tịnh dưỡng, sẽ không bớt được đâu. Hay anh đi du lịch nơi nào khí hậu thích hợp một thời gian nhé?

-Không sao đâu em, anh làm được mà, một mình em lo sao xuê.

Bà Trâm thoáng nhìn anh - giọng dứt khoát:

-Không được. Anh phải nghỉ ngơi, uống thuốc, tịnh dưỡng, khi nào khỏi bệnh thì mới trở lại công việc. Em lo được hết, không sao.

Ông Tư nghĩ thương vợ - người hết lòng yêu thương, lo lắng cho ông, luôn sát cánh cùng ông trong mọi khó khăn, gian khổ. Chính nhờ nỗi cảm thông, chia sẻ, an ủi, của bà Trâm, ông mới vững vàng như ngày hôm nay, nơi đất khách quê người. Ông nghỉ ngơi, uống thuốc đều đặn, làm theo lời bác sĩ dặn; ông tin rằng mình nghỉ ít lâu, khỏe hẳn, rồi làm việc lại, có lẽ sẽ tốt và lâu dài hơn. Ông vẫn nhận phần đi giao hàng, nhận vải, để vợ có thời gian kiểm tra hàng, và những việc linh tinh khác, hằng ngày trong xưởng.

Suốt ngày bao nhiêu là việc, hết việc này đến việc khác, bà Trâm ráng làm, không thấy mỗi mệt gì; nhưng đêm về nằm xuống, cả người bà ê ẩm, đau nhức, các khớp xương như muốn rệu rạo. Bà trần trọc, khó mà chợp được mắt. Nằm yên, bà nhớ thương Uyên, không biết sống chết thế nào, ở đâu và đang làm gì; khiến bà càng đau đớn, rối bời. Nhiều đêm, bà mơ thấy Uyên gọi bà khản cả tiếng, bà choàng vùng dậy hốt hoảng, chạy ra ngoài

như người mất hồn; khiến ông Tư lo lắng, sợ bà bán loạn, sanh bệnh nhớ quên thất thường thì khổ.

Toàn đã tốt nghiệp đại học y khoa, được nhận làm ở một bệnh viện thuộc tiểu bang Virginia, cách nhà hằng ngàn cây số, thật lâu mới về thăm nhà; khiến bà Trâm càng nhớ nghĩ về Uyên hơn. Nhiều khi nhìn thấy những cô gái trẻ tuổi Uyên, bà thương nhớ như thăm “*Uyên chắc bằng tuổi cô gái này*”; rồi tưởng tượng trong đầu, Uyên của bà đẹp, thùy mị, dịu dàng, rồi tự mỉm cười một mình. Cái hạnh phúc mong manh ấy, chỉ thoáng chốc, nhưng làm dịu mát tâm hồn bà, như vừa uống một liều thần dược.

Bên cạnh nỗi thương nhớ Uyên, bà Trâm luôn nhớ nghĩ về ngôi chùa Khải Tâm nhỏ nhắn, nằm nép mình giữa rừng cây trên ngọn đồi ở quê nhà, mà có lần bà ghé thăm, thắp hương, cầu nguyện. Người sư cô vui tính, nhân từ, nhưng mong manh như muốn cuốn theo làn gió thổi. Được gặp, nhìn thấy từ xa, là đã sanh lòng quý mến. Ở vóc dáng sư cô Diệu Nhân như toát ra sự bình yên, khiến người đối diện thấy lòng mình thật an vui. Ngôi chùa Khải Tâm, cùng sư cô Diệu Nhân, thường thắp thoáng trong những giấc ngủ chập chờn, của bà Trâm.

Công việc cứ cuốn bà Trâm theo, không có chút thời gian thanh thoi; nhưng bà nghĩ, bây giờ còn sức khỏe, ráng cố gắng làm, phải dành dụm một số vốn kha khá để có cơ hội giúp đỡ bà con, làm những gì mình yêu thích. Bà Trâm thường gởi tiền về quê nhà, giúp cho những bà con gặp cảnh khó khăn, đau yếu, hay mỗi dịp Tết đến. Dịp Tết, bà Trâm thường gởi tặng một trăm phần quà, mỗi phần khoảng hai, ba chục ký gạo, một lít dầu ăn, một thùng mì, vài hộp kẹo, bánh mứt. Bà chỉ mong, chia vui với bà con còn khó khăn ở quê xa - một nỗi mong chờ, mỗi lần xuân về.

Ở quê, người mẹ già luôn bồn chồn, nhớ thương vợ chồng con gái, đang sinh sống ở xứ người. Mấy hôm nay, bà Hải thấy trong người không được khỏe, hơi thở nặng nhọc, khò khè, có lúc mệt muốn đứt hơi, làm Kim Lan và Cuội lo lắng, vội đưa bà đi viện.

Bà Hải nói với Kim Lan:

-Má có bệnh gì đâu mà đi viện. Tuổi già, ai cũng mệt vậy thôi. Má muốn nằm ở nhà, thoải mái hơn, vào bệnh viện, nghe cái mùi thuốc sát trùng là má thấy mệt thêm hà. Với lại, má nằm đây, bỏ nhà, bỏ cửa, làm sao?.

-Má cứ nằm ở đây, có chuyện gì còn có bác sĩ theo dõi, ít bữa khỏe rồi về, tụi con mới yên tâm. Chị Trâm cũng đã đôi lần căn dặn con vậy.

Cuội cười:

-Má yên tâm đi, nhà cửa có con lo, không ai “rinh” cái nhà mất đâu mà lo bỏ nhà, bỏ cửa.

Bà Hải bỗng tức cười, khi nghe Cuội nói. Bà mắng yêu:

-Cái thằng!

Bà Hải nằm viện được tuần lễ, khỏe dần lại, xin xuất viện về nhà. Bà nhớ vợ chồng con gái và cháu Toàn vô cùng, mong muốn được gặp con cháu. Bà nói với Kim Lan:

-Anh chị Hai mà hôm rày ra sao? Nói nó về chơi, má thấy nhớ quá!

Kim Lan cười với bà:

-Anh chỉ ở bên đó, xa lơ vậy, mà má nói như sát bên, muốn kêu về lúc nào thì kêu sao?

-Thì về chơi một tháng rồi qua làm, như lần trước vậy, có sao đâu.

Kim Lan giải thích:

-Muốn về chơi, phải thu xếp công việc trước cho đâu vào đó, rồi mới về, chứ má tưởng dễ sao! Làm lụng suốt ngày đêm, mới sống nổi ở xứ người, chớ đâu phải ngồi không mà có, má!

-Thì nói nó thu xếp rồi về - bà bỗng chép miệng, mấy hôm nay, sao nhớ tụi nó dữ không biết, biết tụi nó có sao không nữa?

Kim Lan trấn an:

-Sao trăn gì mà má lo, anh chỉ làm không kể ngày đêm ở bên đó; còn thằng Toàn đi làm rồi, khó mà nghỉ lắm. Bộ má tưởng, muốn nghỉ là nghỉ sao? Nó đuổi, mất việc liền á.

-Nói thì nói vậy thôi, chớ! Nó về được thì mừng. Được gặp con cái, tuổi già đỡ buồn, đỡ nhớ chút.

-Được rồi. Để con nói chị Hai thu xếp về chơi, hai người, chắc về một thôi, còn phải có người trông nom cơ sở may nữa.

Mặc dù nói vậy cho mẹ vui, chứ Kim Lan không nói gì với chị, sợ chị lo lắng, để khi nào chị về được thì về. Bà Hải nghe Kim Lan, cứ ngóng chừng, thắc thỏm. Vài hôm là bà hỏi, “*nó nói sao con, có về được không?*”. Lần nào Kim Lan cũng nói: “*Chị Hai nói còn đặt mua vé máy bay, hứa ít bữa sẽ về*”. Vậy là bà nằm yên, chờ đợi.

Một buổi chiều, khi đang ăn cơm, bà Hải kêu mệt, vội vào nằm. Bà nghe nhói đau ở chỗ trái tim, rồi bỗng thấy trời đất như quay cuồng, chao đảo. Bà hốt hoảng, gọi lớn:

-Cuội ơi! Cuội ơi!

Cuội vội chạy vào phòng, nghe bà nói “*Mệt quá! Con ơi!*”, rồi nằm im thiêm thiếp. Cuội lo sợ gọi xe đưa bà vào viện cấp cứu. Xe vừa chạy vào cổng bệnh viện, bà đã tắt thở tự lúc nào. Cuội gọi lớn:

-Má ơi! Má sao vậy? Sao vậy?

Các bác sĩ phòng trực cấp cứu đã được mời đến, một người đặt bàn tay lên ngực bà Hải, lạnh lùng lắc đầu: “*Mẹ anh đã chết rồi*”. Cuội vật vã, khóc tức tưởi, tiếc là đã đưa mẹ đi cấp cứu trễ, phải chi đi viện kịp thời, có lẽ mẹ anh không ra đi nhanh như thế này.

Kim Lan và Cuội vội điện thoại cho chị Hai. Kim Lan cả Cuội luôn tiếc rằng, đã không nghe lời mẹ, gọi chị về thăm sớm. Đó là điều khiến hai chị em ray rứt, đau buồn, khi bà nhắm mắt mà chưa được gặp lại bà Trâm.

Bà Trâm về đến quê, thì mẹ bà đã được chôn cất xong xuôi gần tuần lễ rồi. Khi nghe Kim Lan nói lại lời di nguyện của mẹ là muốn được gặp lại bà, khiến bà đau đớn. Bà cứ đứng sững im trước bàn thờ có di ảnh mẹ, còn đặt giữa nhà, khóc nức nở, gọi mẹ thảng thốt.

Bà Trâm tự nguyện ăn chay trong bốn mươi chín ngày mẹ mất, để thanh tịnh nguyện cầu cho mẹ được an vui về cõi Phật. Bà mời quý thầy về tụng kinh mỗi thất cho mẹ. Hằng đêm, bà quỳ trước bàn thờ của mẹ, bà thành tâm đọc Kinh A Di Đà và chú Đại Bi, nguyện cầu cho mẹ được siêu thoát.

Như mọi lần trở về trước, bà Trâm đi vòng quanh xóm, thăm hỏi bà con trong làng, biếu họ lọ dầu, hộp kẹo. Những bà con neo đơn, nghèo khổ, bà còn cho tiền và gạo nữa, giúp đỡ phần nào cho họ qua cơn túng thiếu, khó khăn. Nhìn niềm vui trên nét mặt mọi người, bà cảm thấy lòng cũng nhẹ nhàng, an vui phần nào!

Cúng ba tuần hai một ngày cho mẹ xong, bà Trâm cùng hai em trở lại con lộ Bảy mong tìm chút manh mối nào về Uyên. Cũng để nhớ ngày xa con trên con đường mòn hiểm trở ngày nào, như được “nhìn lại” bóng dáng Uyên lần cuối. Trở lại con lộ Bảy lần này, bà Trâm nuôi nhiều hy vọng - bà nghĩ, sẽ có sự phù hộ, dẫn đường của mẹ bà.

Bà Trâm vào nhà trọ hôm trước, nghỉ lại hai ngày, cùng các em vào từng nhà rải rác dọc theo đường Bảy dò hỏi, tìm kiếm. Bà không bỏ sót một ngôi nhà nào, như muốn lục tung từng ngõ ngách, bụi bờ tìm cho bằng được đứa con gái đã lạc mất năm nào. Đôi chân bà run run, bước đi không nổi, mỗi khi bước ra từ một ngôi nhà nào đó, không có một chút tin tức về Uyên; nhưng rồi, bà lại bừng lên niềm hy vọng, tiếp bước vào một ngôi nhà khác, với niềm tin mãnh liệt, rằng sẽ có manh mối, để tìm lại con.

Nhìn con lộ Bảy hiu quạnh, dài thăm thẳm, Con đường đất ngày xưa uốn lượn theo những ngọn đồi, đôi khi ôm dài theo mé bờ sông hay băng ngang những con suối cạn. Có những đoạn đường đã sập lở vì bị mưa xoi mòn hay cây cối chắn ngang lối đi. Những chiếc cầu chính trên con lộ này, lâu ngày không sửa chữa, tu bổ, hư hao, gãy đổ. Hàng trăm ngàn người và vô số chiếc xe đủ loại, đủ cỡ, ngay cả những chiếc xe tăng nặng nề, cũng bò đi qua.

Bà Trâm bỗng rùng mình nhớ lại hình ảnh cuộc chạy loạn năm nào. Con đường lộ hiểm trở, đổ nát này đã thành một con lộ kinh hoàng - dòng sông của xác người và máu. Những cái chết kiệt lực vì đói, khát, thời tiết ngày nóng đêm lạnh, của những trận mưa pháo rót vào đoàn người không ngừng nghỉ.

Từng lớp người chật cứng va vào nhau, người chạy xuôi, kẻ chạy ngược, hối hả, thất thần. Tiếng súng nổ từng tràng liên thanh, tiếng đạn pháo âm ì, tiếng người gọi nhau í ới, thật hãi hùng. Bà hoảng sợ, đi dần về bên sông, mong những hình ảnh đau lòng kia, biến mất; để bà được một chút bình yên.

Bà trở lại bên sông, ngồi nơi tảng đá phía dưới chân cầu, nhìn dòng nước chảy. Dòng sông vẫn lặng lẽ chở nặng phù sa, xuôi về biển; bà chợt ví thân phận kiếp người, như những cánh lục bình, nhánh cây bông bênh trôi xuôi, không biết sẽ về đâu?

Bà lắng lòng, nghe tiếng vi vu của mây ngàn, gió núi. Bà chợt nghe tiếng động cơ trực thăng vọng lại từ chốn nào xa lắc; rồi hoảng hốt khi nghe tiếng Uyên gọi “*Mẹ ơi! Con đói. Con mệt*”. Rồi hình ảnh Sư cô Diệu Nhân dịu dàng nhìn bà mỉm cười, khi nói chuyện với bà, vụt thoáng qua trong trí nhớ, khiến bà bình tâm. Bà nghĩ, trước khi trở về nhà, phải đến chùa, thăm sư cô nặng lòng yêu thương chia sẻ, và thắp nén hương cầu nguyện cho mẹ.

Bà Trâm đứng dậy, đi về phía ngọn đồi sau lưng xóm.

Bà Trâm bước từng bước lên ngọn đồi, một cơn gió thoảng qua, như xoa dịu nỗi đau, làm bà thấy tươi tỉnh, không còn ưu lo như trước. Ngôi chùa Khải Tâm, nép mình khiêm nhường bên vườn cây xanh tốt. Bà Trâm thấy lòng bình yên, lao xao một cảm xúc mới mẻ, an lành.

Cô Hai từ nhà sau đi ra, nhìn thấy bà Trâm, vội bước lại, giọng vui vẻ:

-Chào cô! Cô lại lên đây có việc, rồi ghé thăm chùa?

Bà Trâm tươi cười, chào đáp:

-Dạ! tôi lại có việc lên đây, ghé thăm chùa, thắp nén hương cho mẹ tôi vừa mất. Xin phép cô, tôi vào lễ Phật.

-Dạ! Mời cô - cô Hai đon đả bước, mở toang đôi cánh cửa chánh điện.

Cô Hai đưa bà Trâm vào, đốt nén hương đưa cho bà Trâm, đánh một hồi chuông, rồi ra ngoài. Bà Trâm quỳ trước tượng Phật, dâng hương, chắp tay nguyện cầu. Lòng bà phơi phới niềm tin, hy vọng sẽ tìm gặp được con gái, trong một ngày không xa. Bà thấy thanh thản, nhẹ nhàng, mọi vướng bận, âu lo, tự nhiên biến mất tự lúc nào, bà cũng không biết nữa. Bà có cảm giác thật mới mẻ, một niềm vui không tên, len lỏi vào lòng bà mỗi lúc một dâng tràn.

Bà Trâm bước ra ngoài, đi một vòng vãng cảnh chùa, rồi lại ngồi chơi với cô Hai ở nhà sau. Cô Hai vui vẻ rót ly nước suối, mời:

-Mời cô uống ly nước, cho mát.

-Dạ! Cảm ơn cô Hai.

Ngồi chơi một lúc, bà Trâm không thấy bóng sư cô Diệu Nhân quanh chùa, liền hỏi:

-Sư cô Diệu Nhân đâu sao không thấy hờ cô Hai?

-Dạ, sư cô đi lo việc Phật sự, chắc cũng sắp về rồi đó cô.

Bà Trâm gộp chuyện:

-Trông sư cô ốm yếu quá, phải không cô Hai?

Cô Hai cười vui:

-Sư cô từ hồi nào đến giờ vậy đó cô, trông xanh xao như vậy, chứ mạnh mẽ lắm đó. Một mình sư cô gánh vác bao nhiêu là việc, lại sống một cuộc sống tự túc kham khổ, thiếu thốn. Tội nghiệp. Sư cô thường cười nói với đạo hữu, nhà chùa, câu "*thức liễm thân tâm, tam thời bất túc*" - đi tu chứ đi an dưỡng, nghỉ mát đâu mà cho mập?

Bà Trâm hỏi thăm:

-Sư cô là người vùng này, hay ở đâu chuyển đến vậy cô Hai?

Cô Hai - giọng chân tình:

-Sư cô là con gái của vợ chồng ông Hà, người vùng này. Vợ chồng ông Hà hiếm muộn, mãi đến hai mươi năm sau, mới có được sư cô, đó cô.

-Vậy chỉ có một mình sư cô, mà ông bà vẫn cho con đi tu à? Hay quá, cô Hai nhỉ!

Cô Hai sụt sùi:

-Nói thiệt với cô, chuyện đau lòng lắm, tui không muốn nhắc lại đâu, nhưng thấy cô hiền lành, dễ mến, tui vui miệng kể lại, sợ sư cô hay được, không vui đâu.

Bà Trâm tò mò:

-Đau lòng như thế nào? Cô Hai kể đi, nếu giúp được gì, tui sẽ giúp. Không sao, sư cô không hay biết, la rầy gì đâu?

Cô Hai ngập ngừng:

-Một buổi sáng, năm 1982, vợ chồng ông Hà lên đồi hoang phát dọn rẫy để trồng mì, trồng bắp. Ông bà đã bị mìn nổ, chết tại chỗ, thật thương tâm.

Bà Trâm xúc động:

-Tội nghiệp. Sư cô, lúc đó được bao nhiêu tuổi?

-Dạ! Được mười ba tuổi thôi cô.

-Sư cô còn nhỏ vậy, ai lo chôn cất ông bà Hà?

Cô Hai kể tiếp:

-Dạ! Nhà nghèo lắm cô ơi! Bà con quanh vùng góp mua cho cái “rương”, và lo chôn cất chớ ai vô. Sư bà đến làm lễ cầu siêu cho hai vợ chồng, thấy cô bé dễ thương, hiền lành, sống côی cút, thương tình xin mang về chùa nuôi, cho ăn học.

-Thương quá hen. Mới tuổi đầu mà phải chịu cảnh tang tóc, chia ly sớm như vậy. Thật tội.

Cô Hai nói tiếp:

-Cả đồi núi, khu rừng này, biết bao nhiêu là bom đạn còn sót lại. Thuở ấy thường hay bị nổ mìn như vậy lắm cô ơi. Tội nghiệp. Sư cô thông minh, học giỏi, được sư bà thương, cho đi học miết, hết phổ thông rồi vào Trung cấp Phật học. Sau khi sư bà mất, di nguyện sư cô phải về chùa, tiếp tục sự nghiệp hoằng pháp của Người. Ở đây!

Bà Trâm nghe chuyện nhà của sư cô, lòng thương cảm, muốn giúp sư cô một việc gì đó, nhưng không biết phải như thế nào. Bà nói ý nguyện của mình cho cô Hai nghe, cô Hai cười hiền lành, bảo:

-Tui nghe sư cô thường ước muốn, nếu có tiền sẽ xây dựng một “*Quan Âm Cát*” ở khoảng sân rộng kia, để bà con quanh vùng được hưởng sự an lành, những linh hồn đã chết quanh đây nương vào đó, mà được giải thoát, nhưng chưa làm được vì tốn kém lắm cô!.

Bà Trâm mừng rỡ:

-Cảm ơn cô Hai đã chỉ dẫn, tôi sẽ lo mọi chi phí để sư cô Diệu Nhân xây dựng Quan Âm Cát. Cầu mong bà con nơi đây, được hưởng phước lành của Mẹ Quan Âm cứu khổ, cứu nạn; và mọi oan hồn, vất vưởng quanh đây được siêu thoát.

Cô Hai cảm động:

-Cảm ơn tấm lòng của cô. Cô sẽ được chư Phật độ trì, tất cả đều được thuận duyên, như ý.

Bà Trâm nghe lòng mình thật an vui, khi khởi tâm làm một công việc tốt cần thiết cho bà con vùng xa còn nhiều khó khăn. Bà còn muốn làm một việc thiết thực hơn nữa, là gửi cho nhà chùa một số tiền - trước hết là mua gạo, phân phát cho bà con neo đơn, nghèo khổ nơi đây; sau đó, nhà chùa còn sử dụng vào những việc cần thiết.

Bà Trâm ngồi chơi với cô Hai được một lúc, thì sư cô Diệu Nhân về. Sư cô rất vui, được gặp lại bà Trâm, dù gặp bà chỉ một lần, bây giờ mới gặp lại.

Sư cô Diệu Nhân vui vẻ:

-Mô Phật. Chào cô! Hôm nay cô có việc phải qua đây?,

Bà Trâm nhìn sư cô trong chiếc áo màu lam dịu dàng, thuần hậu. Nghe câu chuyện về đời tư của sư cô, bà Trâm càng thương mến sư cô hơn. Bà đứng dậy, cười thật tươi, chào:

-Dạ chào sư cô Diệu Nhân. Tôi có việc ngang qua đây, ghé thăm chùa. Lâu nay sư cô có khỏe không?

-Mô Phật! vẫn khỏe. Cảm ơn cô - sư cô Diệu Nhân mỉm cười, còn cô, có khỏe không? Xin phép được hỏi, cô người ở vùng nào ạ?

Bà Trâm thân thiện:

-Thưa cô, tôi vẫn bình thường cô à. Tôi người làng Hòa Hiệp, cách đây chưa được trăm cây số; nhưng tôi đang định cư ở nước ngoài, mới về thăm quê, thưa cô!

Sư cô có phần ngạc nhiên, nhưng rồi vui vẻ đáp:

-Cô mới về thăm quê? Khi nào thì qua lại?

-Mẹ tôi vừa mất, tôi về chịu tang, chỉ một tháng thôi cô, không ở lâu được, vì công việc cần phải có mặt. Còn nửa tháng nữa là đi rồi.

-Vậy à? Chúc cô qua bên đó bình an, mạnh giỏi nghen.

Bà Trâm thưa với sư cô Diệu Nhân về việc bà muốn cúng dường xây dựng Quan Âm Cát, và một số tiền để làm từ thiện cho bà con quanh vùng còn khó khăn, nghèo khổ. Sư cô Diệu Nhân rất vui, vì có duyên lành được gặp một người giàu lòng nhân ái, muốn giúp đỡ, chia sẻ cùng những người nghèo khổ. Sư cô có cảm nhận, bà Trâm là một người đàn bà rất đặc biệt, mà cô chưa từng gặp; khiến cô vừa gặp, đã cảm thấy quyến luyến, mến thương - một tình cảm mới mẻ, mà chính cô cũng không hiểu nổi.

Sư cô Diệu Nhân muốn mời bà Trâm ăn cùng cô bữa cơm chiều đạm bạc; vừa tỏ lòng quý mến, vừa muốn tìm hiểu người phụ nữ đặc biệt này. Sư

cô nhìn lên gương mặt phúc hậu của bà Trâm - một nét đẹp vừa quý phái, vừa đoan trang, cô càng quý trọng bà nhiều hơn.

Sư cô nói, giọng nhỏ nhẹ:

-Mô Phật! Mời cô cùng ăn bữa cơm chiều tương rau đạm bạc, rồi về.

Cô nhé!

Bà Trâm rất vui, nở nụ cười hiền lành, đáp:

-Cảm ơn sư cô. Được ăn cơm cùng sư cô, tôi hân hạnh lắm ạ.

-Mô Phật!

Cô Hai dọn cơm ra bàn, mọi người cùng ngồi xuống. Sư cô Diệu Nhân bới chén cơm đưa cho bà Trâm. Giọng lễ phép:

-Mời cô!

Bà Trâm đưa hai tay đỡ chén cơm, cảm ơn sư cô, rồi mời cô Hai cùng sư cô ăn cơm. Bữa cơm chỉ có bát canh rau trồng trong vườn, nấu với nấm, món đậu kho, rau lang luộc chấm với nước tương tự làm; vậy mà bà Trâm cảm thấy rất ngon, chưa bao giờ bà thấy bữa cơm chay nào ngon miệng như hôm nay. Bà Trâm cứ xuýt xoa khen, làm sư cô và cô Hai vui lắm. Bữa cơm hôm nay, sẽ luôn là một kỷ niệm khó quên của cả ba người.

Ăn cơm xong, bà Trâm xin địa chỉ và số điện thoại của sư cô Diệu Nhân, để liên lạc gởi tiền, rồi xin phép ra về.

Tiền bà Trâm ra khỏi cửa chùa, sư cô Diệu Nhân nhìn theo bóng bà Trâm xuống đồi, cho đến khi khuất hẳn.

Nắng chiều chỉ còn vương vãi trên những ngọn cây cao vài vệt sáng, vàng vọt. Hoàng hôn bắt đầu buông nhanh - một màu đỏ ửng phía chân trời xa, rồi tím sẫm dần.

Sư cô Diệu Nhân quay lại, bước vào sân chùa - hít thở nhẹ nhàng, nghĩ đến thời kinh công phu buổi tối, thường ngày.

CHƯƠNG BẢY

CHUNG NIỀM MƠ ƯỚC

Sư cô Diệu Nhân tụng xong hồi kinh công phu buổi tối, thông thả bước ra trước sân vườn vai, hít thở bầu không khí đêm, dịu mát của đồi núi tĩnh mịch. Trăng mười sáu vàng vạc, chênh chếch hướng đông trên cao, tỏa ánh vàng soi rọi từng vòm cây, kẽ lá; như len lõi vào tâm hồn cô, mang theo luồng gió, trong lành. Một cảm giác an nhiên, hoan hỉ tràn ngập trong lòng cô, khi cô chợt nghĩ đến “*Quan Âm Cát*” sẽ được xây dựng nay mai, trước khoảng sân rộng này; và cũng là nơi, để quý đạo hữu hướng về, như một chỗ dựa an ổn cho người dân vùng đồi núi, còn nhiều khó khăn, nghèo khổ.

Cô Hai từ nhà sau bước ra, giọng nhỏ nhẹ:

-Thưa sư cô! Khi chiều sư cô lên rẫy, có cô Lành ở xóm Chợ, đến nhờ sư cô đọc kinh hộ niệm cho mẹ cô ấy sắp ra đi. Vậy tối nay, sư cô có đến nhà cô Lành không?

Sư cô Diệu Nhân, hỏi lại - giọng dịu dàng:

-Sao cô Hai không nói sớm?

-Dạ! Tui để sư cô trì kinh tối xong đã.

Sư cô Diệu Nhân vội vã quay vào trong, gọi cô Út - cô gái trạc mười hai tuổi vừa được sư cô nhận vào tu học ở chùa mấy tháng nay, của một gia đình nghèo, đông con, ở xóm dưới, cùng đi. Sư cô Diệu Nhân khoát cái túi vải mang lên vai, cùng cô Út dắt chiếc xe đạp ra sân.

Sư cô quay lại, dặn cô Hai:

-Tôi và cô Út qua xóm Chợ chưa biết khi nào về. Người ta có việc cần mình giúp, phải đi ngay, không thì chậm trễ. Cô Hai nghỉ trước đi nhé!

-Dạ! Sư cô đi cẩn thận, đường sá lở lói hết, coi chớ sụp ổ gà, ban đêm khó thấy đường mà tránh, cô à!

Sư cô Diệu Nhân cười khẽ:

-Trăng mười sáu mà cô Hai, sáng lắm, không sao đâu. Cô Hai nghỉ trước đi, đừng chờ tôi kéo mắt ngủ, bệnh đó.

-Sư cô đi nhé!

Sư cô Diệu Nhân và cô Út xuống đồi, qua nhà cô Lành ở xóm Chợ.

Cô Hai nhìn theo sư cô Diệu Nhân đạp xe chở học trò xuống đồi, dưới ánh trăng vàng nhạt, mờ ảo; lòng nghĩ thương sư cô, hễ ai nhờ việc gì, bất kể ngày đêm, đều mang túi xách lên vai, đạp xe đến ngay, không chút ngần ngại. Lúc nào cô Hai cũng thấy sư cô vui vẻ, tươi cười, dù lên rẫy cuốc cỏ, tria đậu, tria bắp; hay băng đèo, lội suối đến tận vùng xa, khi có người cần giúp. Mùa lên, thu được ít đậu, ít bắp, ít lúa, nghe ai không có gạo ăn, cũng san sẻ, sót chia. Bữa ăn của sư cô, thường chỉ rau củ tự trồng, tự ủ lấy nước tương, tự làm đậu miếng mà dùng, ít khi mua gì ở ngoài chợ. Nhiều khi, cô Hai thấy sư cô xanh xao, gầy yếu, gợi ý với sư cô, mua ít thuốc bổ uống, cho có sức mà làm việc; nhưng sư cô chỉ mỉm cười, trả lời - được làm Phật sự, được hít thở bầu không khí trong lành, là liều thuốc bổ màu nhiệm nhất đối với cô rồi.

Tháng trước, có vợ chồng ông Nam, trước kia ở đây, nay sống ở Đắc Lắc, về thăm quê, cúng dường chùa Khải Tâm hai chục triệu đồng. Sư cô để lại vài triệu để chi phí mua hương, đèn, trái cây cúng Phật; còn bao nhiêu, sư cô mua gạo, phân phát cho bà con nghèo khổ quanh vùng. Cô Hai thấy vậy liền can ngăn: *“Tiền này, vợ chồng ông Nam cúng cho chùa, để sư cô làm Phật sự. Sao sư cô phân chia hết đi?”*. Sư cô thản nhiên trả lời: *“Nhiều người còn nghèo khổ, cần giúp đỡ, chia sẻ nhau hạt gạo, bát cơm, cùng nhau vượt qua khó khăn, gian khổ, cũng là một việc Phật sự, cần làm đó cô à!”*. Cô Hai nghe sư cô nói vậy, liền hiểu ra, việc làm nào, mang lại niềm vui, giảm bớt khổ cho người khác, đều là cần thiết cho người con Phật.

Mỗi mùa đông về, sư cô Diệu Nhân thường hay bị cảm lạnh, trở chứng ho kéo dài. Những cơn nóng lạnh hành hạ sư cô ngày càng xanh xao, gầy yếu; nhưng sư cô gắng vượt qua, hết mùa đông, thời tiết ấm áp, là bệnh lui giảm. Thấy cô Hai lo lắng cho sức khỏe của mình, sư cô thường nói đùa: *“Đó chỉ là căn bệnh “thời tiết” thôi, không đáng ngại, lo cho cô Hai ấy, tuổi già, sức yếu, chứ tuổi trẻ như tôi, có gì mà lo đâu”*. Cô Hai, thường chỉ lắc đầu thương cảm, lo cho sức khỏe của sư cô không đủ để gánh vác Phật sự lâu dài mà thôi, khi biết sư cô chỉ lo cho người khác, không bao giờ sư cô lo gì cho bản thân mình, ngay cả bệnh đau.

Nói về cô Út - Mấy tháng trước, sư cô đến nhà bà Hạnh - mẹ của An, để tụng kinh, hộ niệm, giúp bà lo ma chay cho chồng vừa mới mất ở xóm dưới. Sư cô thấy bà những năm đưa con, mà đứa nào tuổi cũng còn khờ dại, chưa có đứa con nào phụ giúp được gì, trong công việc làm để kiếm sống. Bà Hạnh muốn cho bớt một đứa, nếu có người nhận nuôi, chứ một mình bà

không thể nào nuôi nổi cả năm đũa. Sư cô nhìn thấy bé An, hiền lành, đáng thương, liền nói với bà Hạnh, muốn nhận nuôi bé An. Bà Hạnh mừng rỡ, liền cho con gái theo sư cô Diệu Nhân về chùa, để sư cô nuôi dạy và cho đi học. Sư cô Diệu Nhân thường gọi bé An là cô Út - tên thân mật thường gọi hằng ngày.

Cô Hai nhìn theo hai thầy trò của sư cô Diệu Nhân, cho đến khi không còn nhìn thấy được nữa, mới trở vào. Ngang qua khoảng sân rộng, cô Hai đứng lại ngắm nhìn lần nữa, chỗ mà sư cô dự định sẽ xây Quan Âm Cát. Cô Hai nghĩ trong lòng, Quan Âm Cát mà xây chỗ này, thì rất thích hợp, và đẹp lắm. Cô Hai nhớ nghĩ lại trước đây, sư cô Diệu Nhân thường đi một vòng quanh chùa, sau hồi kinh công phu khuya và tối, rồi đứng trước sân trầm ngâm một hồi lâu. Nhiều lần cô Hai thấy vậy, liền hỏi:

-Dường như sư cô có điều gì suy nghĩ?

Sư cô Diệu Nhân vui vẻ:

-Tôi có ước nguyện, sẽ xây dựng một “*Quan Âm Cát*” ở chỗ này, cô à. Mẹ Quan Âm đứng trên một hồ sen, tay cầm bình Cam lồ, tưới cho vùng này được an lành, người dân nơi đây được cứu khổ, cứu nạn; không biết khi nào thì nguyện ước có đủ duyên?

Cô Hai đồng tình:

-Tui cũng có ước mong như sư cô. Thành tâm thì duyên lành đưa đây, sẽ xây dựng được thôi cô.

-Tôi cũng nghĩ như vậy.

Cô Hai cảm thấy vui mừng, khi biết rằng, duyên lành đã đến, đưa đây bà Trâm đến đây, cúng dường cho sư cô Diệu Nhân xây dựng Quan Âm Cát như ước nguyện bấy lâu. Rồi một ngày không xa, mọi người sẽ được chiêm ngưỡng, một Quan Âm Cát sáng ngời ánh hào quang, ban sự an lành cho bà con quanh vùng núi đồi hẻo lánh, nghèo khó này.

Sau một tháng, giữ đúng lời hứa - Bà Trâm liên lạc, gửi tiền về cho sư cô Diệu Nhân, xây dựng Quan Âm Cát. Sư cô Diệu Nhân thuận theo duyên lành, lo đi đặt tượng Mẹ Quan Âm, gọi thợ xây một cái hồ, để trồng sen. Sư cô tất bật, chạy tới chạy lui, chỉ dẫn cho thợ, làm theo ý của mình, vừa lo việc ruộng rẫy; sư cô ốm yếu, lại càng ốm yếu hơn, trông sư cô như cái

bóng, thoát đi, thoát về, nhanh nhẹn, linh hoạt. Dường như niềm hoan hỷ về sự thành tựu Quan Âm Cát, đã thêm sức mạnh cho Sư cô mỗi ngày.

Hơn mười ngày, hồ sen phía trước, nơi đặt tượng đã xây xong. Sư cô cùng một số Phật tử lấy bùn từ một cái đầm cách chùa gần cây số, mang về bỏ vào trong hồ, rồi trồng hai loại sen, hồng và trắng. Tượng Mẹ Quan Âm đã được chọn ở cửa hàng “Tranh Tượng, Pháp Khí” thành phố, chờ ngày tốt cung thỉnh về, đặt lên hồ đã xây bệ sen sẵn. Sư cô dự định, mừng một tháng bảy, sẽ làm lễ khánh thành “*Quan Âm Cát*”.

Sư cô Diệu Nhân gửi giấy mời đến quý Chư tôn đức, quý Phật tử, đạo hữu các chùa trong xã, đến dự lễ khánh thành vào ngày đầu tháng bảy. Sư cô không quên mời bà Trâm - người có tâm thành, cúng dường xây dựng Quan Âm Cát. Nhận được tin vui, bà Trâm hứa, sẽ về Việt Nam, có mặt đúng trong ngày vui cùng sư cô Diệu Nhân và quý đạo hữu, Phật tử chùa Khải Tâm.

Tượng Quan Âm đã được chở về, an vị trước ngày lễ khánh thành nửa tháng. Buổi tối, sau khi tụng kinh xong, sư cô Diệu Nhân ra trước sân, ngắm nhìn tượng mẹ Quan Âm, lòng bồi hồi xúc động - ước nguyện bấy lâu, nay đã thành hiện thực. Sư cô cảm nhận, đôi mắt của Ngài thật hiền lành, bao dung, chứa cả biển tình thương bao la, vô bờ bến, với mười hai lời đại nguyện. Ánh mắt ấy, như sương ẩm, chia sẻ, chở che những cuộc đời cô cút, lạnh lẽo, bất hạnh, truân chuyên như sư cô. Trong niềm xúc động mênh mang của niềm hỷ lạc, sư cô Diệu Nhân chợt nghĩ về mẹ mình - một người mẹ, đã xa thật xa, chỉ còn trong trí nhớ mơ hồ, như chiếc bóng bị sương mù vây phủ. Có lúc, cô thấy thấp thoáng mẹ hiện về, trong một tối mùa đông lạnh lẽo, hay một sáng đẹp trời nào đó, cùng đùa vui với cô. Cô cười thật to, hạnh phúc như vỡ òa, nhưng rồi chợt thức giấc, tiếc cái giây phút hạnh phúc ngọt ngào ấy trôi qua nhanh, và ước được gặp mẹ lần nữa, dù là trong giấc mơ.

Cô Hai từ nhà sau đi ra, lại bên sư cô, giọng nhẹ nhàng:

-Sư cô vào nằm nghỉ cho khỏe, cả ngày bao nhiêu là việc, đứng ngoài trời, sương xuống lạnh, dễ bị cảm lắm.

Sư cô Diệu Nhân giật mình, đưa tay lau nhanh khóe mắt, quay lại, mỉm cười:

-Cảm ơn cô Hai! Tôi chiêm ngưỡng pho tượng Quan Âm một chút rồi vào liền.

Nhìn thấy sư cô Diệu Nhân lau nước mắt, cô Hai - giọng xúc động:

-Tui biết sư cô đang nhớ cha mẹ, một người con hiếu thảo như sư cô, nhớ người sinh thành ra mình, là điều đương nhiên rồi; nhưng cô phải nghĩ đến sức khỏe, đến những việc cần làm; đừng u buồn quá, sẽ bị bệnh đó. Mẹ sư cô đã ra đi từ lâu lắm rồi, xin cô đừng ưu phiền nữa. Sư cô vào nghỉ đi nhé! Còn phải lo nhiều việc trước ngày khánh thành nữa đây.

-Dạ! Tôi hiểu rồi. Cảm ơn cô Hai đã quan tâm nhắc nhở. Tôi coi cô Hai như mẹ tôi vậy, cô Hai vui, là tôi vui. Cô Hai cũng giữ sức khỏe để còn lo giúp tôi nữa đây nghe.

-Dạ! Tui cũng vậy sư cô à! Cô mà bệnh, là tui lo lắm đó.

Sư cô Diệu Nhân vui vẻ:

-Cô Hai thấy “*Quan Âm Cát*” đẹp không? - nói rồi, sư cô tự trả lời, màu nhiệm lắm phải không cô Hai? Tôi rất vui, vì ước nguyện được như ý. Khải Tâm thật có duyên lành, phải không cô?

Cô Hai cười thật tươi:

-Phải nói là, sư cô rất có duyên với bà Trâm thì đúng hơn. Một người phụ nữ nhân hậu, giàu tình thương, ở đời này khó có người như vậy lắm.

Sư cô Diệu Nhân đồng tình:

-Tôi cũng nghĩ như cô Hai vậy. Tôi rất quý trọng bà Trâm. Bà hứa chắc là sẽ về đúng ngày, cô Hai à!

-Bà Trâm về thì vui quá, phải không cô? Thôi, sư cô vào nghỉ đi nhé! Tôi nay sương xuống nhiều quá, sương đã thấm lạnh rồi, coi chừng chớ bị cảm đó.

-Bà ấy về, tôi rất vui.

Sư cô Diệu Nhân cùng cô Hai vào nhà sau. Cô Út lo quét dọn, giảng mừng giúp cho thầy, rồi vui vẻ đi vào phòng riêng của mình.

Bà Trâm đã không về dự lễ khánh thành Quan Âm Cát như đã hứa với sư cô Diệu Nhân khi nhận được lời mời. Trước ngày tổ chức chào đón Chư tôn đức hội về chùa, sư cô Diệu Nhân bồn chồn lo lắng về sự chậm trễ của bà Trâm, mà cô không hề hiểu lý do. Sư cô thân thờ, hết trông ra cổng chùa, lại kêu cô Út đạp xe đi dọc theo con lộ Bảy dò hỏi. Sau vài lần hỏi thăm tin tức về bà Trâm, mà sư cô Diệu Nhân im lặng, không trả lời, cô Hai cũng luôn thấp thỏm trông chờ. Niềm vui của sư cô Diệu Nhân, và cô Hai chừng

như chùng xuống về sự vắng mặt bất ngờ của bà Trâm. Buổi tối, trong thời kinh, sư cô Diệu Nhân cũng đã nguyện cầu an lành cho bà Trâm.

Buổi lễ khánh thành Quan Âm Cát chùa Khải Tâm đã được Chư tôn đức, tăng ni, Phật tử hoan hỷ đến tham dự, cầu nguyện vào sáng ngày Mồng Một rất đông. Quang cảnh ngọn đồi giữa rừng cây yên tĩnh hằng ngày, như bừng sáng, reo vui khác thường. Nhưng, sự thiếu vắng bà Trâm không sao làm vui nổi buồn lo của sư cô Diệu Nhân và mọi người quanh chùa.

Hơn một tuần lễ, sau ngày khánh thành Quan Âm Cát, ông Tư - chồng bà Trâm, mới được xuất viện về nhà. Bà Trâm vội thu xếp mọi việc chăm sóc ông Tư, để trở về quê, thăm chùa Khải Tâm và Quan Âm Cát, dù đã quá trễ! Bà luôn cảm thấy ray rứt vì sai hẹn, có lỗi với sư cô Diệu Nhân, cô Hai, nhân ngày vui trọng đại mà tất cả đã mong chờ.

Bà Trâm đơn đả bước vào cổng chùa, đã nghe tiếng cô Hai vang lên từ góc sân:

-Bà Trâm, bà Trâm về rồi sư cô ơi!

Sư cô Diệu Nhân từ chánh điện bước vội ra:

-Chào cô! Cô mới về? Cô có việc gì không an vậy?

Bà Trâm cúi nhìn mấy khóm hoa trong hàng chậu kiểng trưng bày dọc lối đi hôm làm lễ. Giọng bà trầm buồn:

-Xin lỗi sư cô!

-Cô về thăm được là vui rồi! Cô không có lỗi gì đâu - sư cô Diệu Nhân ngập ngừng, nhưng cô đang có chuyện gì?

-Chồng tôi phải nhập viện để cấp cứu, nằm lại gần mười hôm. Hơn một năm nay, ông ấy thường bị bất tỉnh như vậy.

-Hôm nay đã khỏe hẳn chưa mà cô về?

-Mô Phật! Đã ổn định rồi cô ạ. Tôi xin phép đến thắp hương Quan Âm Cát, thưa cô!

-Mô Phật. Mời cô!

Bà Trâm đứng im, sững sờ nhìn pho tượng Quan Âm, cao, lạng lẽ trên đài sen màu hồng, cảm thấy như bà đã gặp được ở đâu đó rồi! Phân vân giây lâu, bà Trâm cúi rút ba nén nhang - thắp hương, chắp tay trước Mẹ Quan Âm, lâm râm cầu nguyện. Bà có cảm giác, ánh hào quang của mẹ Quan Âm như phủ xuống người bà, làm toàn thân bà rùng động. Bà tiếp nhận nguồn năng lượng, từ đầu, rồi lan dần đến khắp cơ thể; cảm thấy lòng mình thật an tĩnh, hạnh phúc. Bà nghĩ, mẹ Quan Âm đã cảm thấu nỗi niềm trong lòng bà, và niềm tin tưởng, sẽ tìm được Uyên, mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Mẹ Quan

Âm cứu khổ, cứu nạn, sẽ dẫn dắt cho bà được gặp Uyên, gia đình sum họp. Đó là điều tâm nguyện lớn nhất của bà, trong cuộc đời này.

Trong bữa cơm trưa nơi hiên chùa, bên cạnh sư cô Diệu Nhân, bà Trâm, cô Hai, còn có cô Út. Sư cô Diệu Nhân vui vẻ giới thiệu với bà Trâm về cô Út.

-Đây là cô Út, mới về chùa được năm, sáu tháng!

Bà Trâm cười tươi:

-Mô Phật! Có thêm người cho vui, chứ một mình sư cô và cô Hai, tôi thấy đơn chiếc quá!

Út bẽn lẽn cười, liếc nhìn bà Trâm với vẻ ngượng ngùng nhưng thân thiện. Bà Trâm cho biết, bà sẽ ở lại chùa thăm chơi hai hôm, trước khi đi có việc, như thường lệ.

Mấy hôm nay, trời trở lạnh, sư cô Diệu Nhân bỗng thấy hơi khó thở, trong đầu đau riêm, chao đảo; nhưng cố gượng, bình tĩnh, vui vẻ với bà Trâm:

-Mô Phật. Có cô Út, cũng vui đó cô. Cảm ơn cô nhiều lắm, đã giúp cho chùa và bà con nơi đây, niềm vui ước nguyện, có được Quan Âm Cát.

Bà Trâm khiêm tốn:

-Mô Phật! Tôi phải cảm ơn sư cô thì đúng hơn. Nhờ có sư cô, tôi mới có được một việc làm có ý nghĩa.

Sư cô mỉm cười, giọng nhẹ nhàng:

-Mô Phật. Cầu chư Phật độ trì cho cô và gia đình, được khỏe mạnh, an vui.

Buổi tối, sau thời kinh cầu nguyện cho gia quyến bà Trâm, sư cô cảm thấy trong người nóng hầm hập, vội uống liều thuốc cảm. Một lát, cô thấy khỏe dần, và ngủ quên một giấc. Gần sáng, thân nhiệt của sư cô lại tăng cao đột ngột, cô cảm thấy buồn nôn, người mõi rũ rượi, không ngồi dậy được. Bà Trâm vội gọi xe đưa sư cô nhập viện, và đi theo bên cạnh sư cô Diệu Nhân. Bà Trâm nơm nớp lo lắng cho bệnh tình của sư cô, vốn đã mong manh, gầy yếu, lại trải qua bao bất hạnh.

Nhìn sư cô Diệu Nhân nằm im thiêm thiếp, đôi mắt khép kín, đang chờ đợi sự sống, theo từng giọt nước nhỏ xuống từ bình serum treo lủng lẳng ở đầu giường; bà bỗng thấy lòng mình đau nhói, nguyện ở lại chăm sóc sư cô, cho đến ngày xuất viện. Bà Trâm nhúng khăn vào nước ấm, lau mặt, tay chân, cho sư cô giảm sốt suốt ngày. Bà đút cho sư cô từng muỗng sữa, muỗng cháo, tự tay bà pha, bà nấu.

Sư cô Diệu Nhân cảm thấy mình rơi tự do vào khoảng không vô tận. Cô chới với, vùng vẫy, nhưng càng vùng vẫy, cô thấy mình như rơi nhanh hơn; làm cô hoảng hốt, sợ hãi. Và rồi, cô cảm thấy, có một bàn tay mềm mại, xoa dịu vào người cô. Một cảm giác dễ chịu, mát mẻ, lan rộng khắp cơ thể. Sư cô tỉnh dần, mở choàng đôi mắt ngạc nhiên, nhìn thấy bà Trâm đang ngồi cạnh giường, nhúng khăn vào nước ấm, lau cho cô. Sư cô thoáng nghĩ, bàn tay của bà Trâm, sao mà êm ái, nhẹ nhàng; và cô thấy lòng rung rung, tưởng nhớ đến người mẹ đã mất thuở nào, xa lắc. Người mẹ, mà suốt đời này, không bao giờ phai pha, cái giây phút cuối cùng ấy, khiến cô đau đớn, nhớ mãi.

Sư cô Diệu Nhân cầm bàn tay của bà Trâm, giọng chùng thấp:

-Mô Phật! Cảm ơn cô! Cô như người mẹ thứ hai của tôi vậy.

Thấy sư cô Diệu Nhân đã tỉnh, gương mặt trở nên tươi sáng, bà Trâm mừng rỡ:

-Mô Phật! Sư cô đã tỉnh rồi? Cảm ơn chư Phật đã độ trì.

-Cô cũng nằm xuống, nghỉ một lát đi, vất vả cho cô quá!

Bà Trâm vui vẻ:

-Sư cô tỉnh lại là tôi mừng lắm rồi, tôi không sao đâu, thưa cô!

Bà Trâm nhìn sư cô Diệu Nhân, lòng lưu luyến, không muốn xa rời. Bà nghĩ đến Uyên, biết đâu ở nơi chốn nào đó, con gái bà cũng được người giúp đỡ, yêu thương, như bà đang chăm sóc, yêu thương sư cô Diệu Nhân ở nơi đây. Bà Trâm mỉm cười, lòng tràn đầy niềm vui, bừng sáng thêm niềm hy vọng, trong những ngày tháng tới.

Bệnh viện về đêm thật yên tĩnh, mênh mông một nỗi buồn.

CHƯƠNG TÁM

XOAY QUANH BAO NỖI THẮNG TRÂM

Bà Trâm túc trực bên giường bệnh, lo lắng, chăm sóc cho sư cô Diệu Nhân cả đêm, mấy hôm nay, đã làm sư cô vừa cảm kích, vừa áy náy. Sư cô thấy ở bà, tấm lòng của một người mẹ, bao la, hy sinh - một người mẹ, mà sư cô luôn ao ước, nhớ mong; dù với cô, đã xa thật xa, không thể nào còn có được. Một nỗi ao ước luôn khiến cô chua xót, quặn lòng.

Sư cô cảm thấy rất may mắn, hạnh phúc, được bà Trâm chăm sóc tận tình ngày đêm. Bàn tay bà dịu dàng, mềm mại, ấm áp như xoa dịu những nỗi bất hạnh, cô độc, mà cô đã phải cam chịu trong cuộc đời này. Sư cô thoáng nghĩ, mẹ cô mà còn sống, có lẽ cũng trạc tuổi bà Trâm, và cũng sẽ yêu thương, chăm sóc mình như vậy. Ý nghĩ này đã đem lại cho sư cô niềm an ủi, hy vọng.

Nhìn thấy sư cô Diệu Nhân thức dậy, bà Trâm vội pha ly sữa nóng, hai tay đưa cho cô - giọng nhỏ nhẹ:

-Sư cô ráng uống ly sữa nóng, cho khỏe.

Sư cô Diệu Nhân cũng đưa hai tay bung ly sữa bà Trâm đưa, giọng chùng xúc cảm:

-Mô Phật. Cảm ơn cô nhiều lắm. Cô cũng uống một ly cho khỏe đi, nhé!

Bà Trâm mỉm cười:

-Sư cô uống đi cho nóng. Lát nữa, tôi sẽ uống sau. Cảm ơn cô!

Sư cô Diệu Nhân, nằm viện ba ngày, thì xin xuất viện; bởi bệnh nhân mỗi ngày nhập viện càng nhiều, có giường phải nằm hai người. Sư cô nghĩ: *“Mình đã khỏe rồi, nhường chỗ nằm cho bệnh nhân khác, cần hơn mình. Về chùa vài bữa, là khỏi bệnh thôi”*.

Bác sĩ đồng ý theo lời đề nghị, cho sư cô xuất viện.

Bà Trâm lo thu xếp, gọi xe đưa sư cô về lại chùa. Nhìn sư cô ốm yếu, xanh xao, bà vẫn còn cảm thấy chưa yên tâm, lo lắng trong lòng. Bà nghĩ, cô cần phải bồi dưỡng, uống thuốc bổ thêm, mới khỏe hẳn được.

Bà ở lại chùa, chăm sóc cho sư cô hai ngày nữa, rồi giao việc, căn dặn cô Hai mọi điều cần thiết mỗi ngày, mới xin phép sư cô Diệu Nhân, quay về nhà.

Sáng sớm ngày mai bà Trâm về nhà, tối hôm đó, cô Hai nấu nồi chè khoai môn, tiễn bà Trâm. Mọi người ngồi quây quần trên tám chiếu nhỏ trước Quan Âm Cát, vừa ăn chè, vừa nói chuyện vui vẻ, như buổi sum họp của một gia đình. Bà Trâm nghĩ, lần này trở về Mỹ, công việc bề bộn, chưa biết khi nào mới về thăm quê, thăm chùa lần nữa. Bà nghĩ đến sức khỏe của chồng bà không được tốt, cần có bà luôn ở bên cạnh. Có lẽ, ông đã trải qua những năm tháng ở trại gian khổ, về nhà, lại ăn uống quá thiếu thốn, phải làm việc nhiều, chịu đựng bao áp lực, nên sức khỏe đã suy yếu dần, như thân cây cằn khô giữa mùa nắng hạn.

Bà Trâm tâm sự - giọng ngập ngừng chậm rãi:

-Tôi muốn hai vợ chồng cùng về thăm quê một chuyến, nhưng lần nào, cũng một mình tôi về. Ông nhà tôi, vì công việc ở xưởng may, phải có mặt ở nhà để trông nom, chỉ dẫn cho thợ. Lần này, đáng lẽ hai vợ chồng cùng về, nhưng ông trở bệnh đột ngột, tôi phải chờ ông khỏe lại. Dù sức khỏe ông đỡ hơn, nhưng vẫn không thể đi cùng tôi an toàn được, tôi lại phải về một mình lần nữa. Hy vọng lần tới, cả hai cùng về thăm quê, tôi sẽ đưa ông lên thăm chùa Khải Tâm và mọi người, cho vui.

Sư cô Diệu Nhân mỉm cười:

-Mô Phật. Cầu chư Phật độ trì cho chồng cô mau khỏi bệnh. Tôi sẽ rất vui, được đón tiếp cô chú.

Cô Hai tiếp lời:

-Ông bà mà về thăm chùa, tui sẽ nấu một món đặc biệt, đãi ông bà. Có thể sẽ không ngon như những món ở thành phố; nhưng đó là tấm lòng của tui, cũng như của sư cô, và bà con nơi đây, muốn cảm ơn ông bà.

Bà Trâm vui vẻ:

-Vây thì tuyệt quá, cô Hai! Cô nấu ăn ngon lắm. Lần trước, tôi đã được ăn bữa cơm chiều do cô nấu rồi, làm tôi nhớ mãi. Được ăn bữa cơm sum họp, vui vẻ như thế với tôi cũng đâu dễ, cô Hai!

Cô Hai cười:

-Được bà khen, tui mừng lắm - giọng bà chột trâm xuống, trước kia, ngày nào tui cũng phải đi núi hái củi, về chở ra, bó từng bó nhỏ, rồi gánh ra ngoài phố, bán lấy tiền mua gạo, nuôi con. Cả năm, có được ăn món gì ngon đâu, toàn rau với mắm, thỉnh thoảng có chút cá cơm khô giã nấu canh, con cái rồi cũng lây lất lớn lên, thành người tốt hết. Từ ngày tui lên đây sống với

sư cô - rau củ tự trồng, nước tương tự ủ lấy, không còn lo lắng, khổ sở như xưa, ăn gì cũng thấy ngon hết cô à! Trời Phật nuôi, cũng khỏe!.

Sư cô Diệu Nhân liếc nhìn cô Hai, cười hiền:

-Mô Phật. Minh thấy đủ là đủ; không thấy đủ thì của kho, cũng thấy thiếu. Minh thấy ngon là ngon. Sống an vui, không lo lắng, không buồn phiền; ăn gì cũng ngon, cũng khỏe, phải không cô Trâm?

Bà Trâm đồng tình:

-Sư cô dạy, rất chí lý. Không suy nghĩ, lo lắng, lòng vui, ăn cơm với muối cũng thấy ngon. Buồn phiền, âu lo, cao lương mỹ vị, cũng nhạt nhẽo, buồn chán.

Cô Hai cười lớn:

-Tui nghĩ, ai về đây, cũng nói ăn cơm chùa, đều cảm thấy ngon; có lẽ họ đã bỏ lại mọi phiền não dưới chân đồi kia rồi.

Ai cũng cười theo lời nói vui của cô Hai, riêng cô Út liếc nhìn mọi người, bẽn lèn.

Bà Trâm nhìn ánh trăng chênh chếch trên cao phía chân đồi, giọng xúc cảm:

-Lần nào nhìn ánh trăng ở quê, tôi cũng thấy như sáng hơn, đẹp hơn. Nhìn trăng, tôi nhớ những buổi tối an bình, cả nhà quây quần bên nhau; đã lâu lắm rồi, không còn những đêm sum họp như thế nữa. Tôi nghĩ, buổi tối hôm nay, sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ tôi.

Sư cô Diệu Nhân khẽ nói - như chỉ để cho chính mình:

-Ai cũng có những kỷ niệm vui buồn, êm đềm, hạnh phúc trong đời. Đối với tôi, đó là những ký ức rời rạc, đau buồn, mà mỗi lần nhớ lại, lòng tôi cứ ray rứt, bùi ngùi. Nhớ nhất là những dịp tết, được mẹ dẫn về quê thăm ông bà, được đi trên con đường làng rợp bóng tre mát, thích ơi là thích. Tôi thấy quanh tôi toàn tre là tre, nhà nào cũng có một khu vườn rộng, trồng tre bao quanh. Dù cố moi trong trí nhớ, vẫn không thể nào nhớ được, tên của ngôi làng êm đềm đó là gì nữa. Thật là buồn, nơi mình được sinh ra rồi lớn lên, mà cũng không biết.

Bà Trâm, giọng xa vắng:

-Lúc đó, chắc sư cô còn quá nhỏ, nên không nhớ nhiều được. Đau lòng quá phải không cô? Chiến tranh đi qua, để lại bao đau thương mất mát, mà cả một đời người, phải sống trong ray rứt, khôn nguôi.

Sư cô Diệu Nhân bồi hồi:

-Cuộc đời vốn vô thường, có rồi không, không rồi có, cô à! Chúng ta nên sống hết lòng, thành tâm, dâng hiến cho hiện tại, cho sự thiện lành, cho ước mơ, thì cuộc sống nơi cõi tạm này mới có ý nghĩa.

-Tôi nghĩ, mẹ của sư cô là một người có phước, nhân hậu, mới sinh ra cô nhân từ, được gần Phật như hôm nay. Nhìn sư cô, chắc ai cũng có thể đoán biết được, bà như thế nào?

Giọng trầm buồn, sư cô tâm sự:

-Tôi không nhớ gì nhiều về mẹ, chỉ biết rằng, mẹ rất yêu thương tôi. Bà luôn chịu đựng, cho tôi những gì tôi đòi. Nhớ nhất là những buổi trưa, mẹ cùng chơi “*thi hát*” với tôi, lúc nào mẹ cũng để cho tôi thắng mẹ. Còn cha tôi? Tôi chỉ nhớ, cha tôi thường không có ở nhà, ngoài ra không nhớ gì hơn nữa. Hình ảnh của những người sinh ra mình, mà cũng không còn nhớ rõ, thật buồn, phải không cô Trâm?

Bà Trâm thở dài:

-Mô Phật! Buồn thật! Tôi nghĩ, đây cũng là một điều bất hạnh lớn cho một đời người.

Sư cô Diệu Nhân ngược nhìn lên vòm trời mênh mông ánh trăng, giấu nỗi xúc động, vội đứng lên giục:

-Đêm đã khuya rồi, chúng ta vào nghỉ thôi, kéo lạnh.

Mọi người vui vẻ đứng lên, trở về phòng ngủ riêng của mình. Cô Út là người đứng dậy sau cùng, dường như vẫn còn luyến tiếc cuộc sum vầy vui vẻ với tất cả.

Sáng hôm sau, trước khi ra về, bà Trâm bước vào phòng sư cô Diệu Nhân, trao cho sư cô một phong bì, giọng chân thành:

-Mô Phật. Tôi xin cúng dường ít tiền để sư cô lo Phật sự và bồi dưỡng sức khỏe. Tôi thấy sư cô còn yếu, xanh xao lắm.

Sư cô Diệu Nhân cảm động:

-Mô Phật. Tôi cảm ơn cô. Tôi đã nhận nhiều của cô rồi, không nhận thêm gì nữa. Cô giữ lại đi, để về quê giúp bà con.

Bà Trâm nài nỉ:

-Xin Sư cô hoan hỷ nhận cho, tôi còn đủ chi phí mà. Tôi được lo cho sư cô, cho chùa chỉ là chút nhỏ thôi, sư cô lo cho mọi người mới là lớn. Sư cô phải có sức khỏe, thì mới lo việc Phật sự được lâu dài.

Sư cô Diệu Nhân, giọng thản nhiên, dứt khoát:

-Tôi biết ơn cô đã quan tâm, nhưng không thể nhận gì thêm. Xin cô giữ sức khỏe, có dịp về Việt Nam, mời cô đến chơi. Chúc cô thượng lộ bình an, nhé!

Thấy sư cô Diệu Nhân cương quyết không nhận, bà càng lo lắng hơn. Giọng bà trầm buồn:

-Sư cô phải nghỉ ngơi, tịnh dưỡng, cho thật khỏe; còn yếu mà đi làm, hay lo lắng nhiều, là bệnh trở lại đó. Sư cô ở lại mạnh giỏi! Có dịp về, tôi nhất định sẽ lên thăm.

-Mô Phật! Cảm ơn cô. Cầu chư Phật độ trì cho gia đình cô được sức khỏe, an lành.

Bà Trâm vội xuống nhà dưới tìm gặp cô Hai, để chào tạm biệt. Bà cầm tay cô Hai, nhét vào phong bì khi nãy đưa cho sư cô, mà sư cô không nhận. Bà dặn dò:

-Tôi gọi cô Hai ít tiền, để cô Hai mua thuốc, chăm sóc sư cô, và sử dụng khi nào cần đến. Tôi xin phép về, có dịp về Việt Nam, sẽ lên thăm chùa và mọi người.

Cô Hai, xúc động:

-Cảm ơn bà nhiều lắm! Chúc bà trở về an vui.

-Cảm ơn cô Hai. Nhớ giữ sức khỏe nhé cô!

Bà Trâm đã đi ra đến cổng, chợt quay lại nhìn cảnh chùa, rồi rảo bước xuống đồi.

Bà Trâm ở lại nhà chơi với các em vài ngày nữa, rồi đúng ngày hẹn quay về Mỹ. Bà nơm nớp lo cho ông Tư trở bệnh lại, không ai chăm sóc, công việc lại bẽ bộn, không người phụ giúp. Rồi quê hương lần này, tự dưng bà cảm thấy lòng nhẹ nhàng, dù ra đi và trở về cũng vội vã. Quê hương đối với bà, là nỗi nhớ, là hoài niệm, của một thời gian khổ, đau buồn; nhưng cũng là nhân duyên, để bà đến với chùa Khải Tâm, gặp gỡ sư cô Diệu Nhân - người mà bà vô cùng quý mến.

Về đến Mỹ, đang xoay vào bao công việc, bà Trâm vẫn cứ lo lắng cho sức khỏe của sư cô. Bà phải gắng làm mọi việc, để chồng được nghỉ ngơi; nhưng đôi lúc, thấy bà nhiều việc quá, làm không kịp, nên ông tự mình lái xe đi nhận vải, phụ giúp bà giao tiếp, để bà yên tâm ở xưởng. Nhìn chồng ngày càng gầy yếu, bà thấy thương ông vô cùng. Bà muốn ông mau khỏe, cùng bà trở về thăm quê một chuyến, bởi lâu quá rồi ông chưa được về thăm. Bà

Trâm kể cho ông nghe về ngôi chùa Khải Tâm, và những băn khoăn, lo lắng của mình về sức khỏe của sư cô Diệu Nhân. Và bà không hiểu được, vì sao, ngôi chùa Khải Tâm và sư cô Diệu Nhân, thường thấp thoáng trong những giấc mơ của bà? Ông Tư mỉm cười nói với bà: *“Do em thương quý sư cô Diệu Nhân quá, nên thường mơ thấy vậy thôi. Thường thì, những suy nghĩ, lo lắng hằng ngày, sẽ theo mình vào giấc mơ - trong mơ có thực, và trong thực có mơ, là vậy. Anh cũng ước muốn, được thăm chùa Khải Tâm và sư cô Diệu Nhân, một lần em à!”*.

Thấy vợ thường hay nhắc kể, thương quý sư cô Diệu Nhân, ông Tư cũng quý sư cô, dù chưa có duyên được gặp mặt. Ông nghĩ, cuộc sống bao bề bộn, lo toan, nếu không có một đức tin làm chỗ dựa, thì khó mà vượt qua mọi thử thách. Và ngôi chùa Khải Tâm, sư cô Diệu Nhân, là duyên lành, để vợ chồng ông đến với Đạo, có niềm tin vững chắc, tu sửa mình, chuẩn bị tư lương cho chính mình, trước khi rời xa cõi tạm này, chứ không phải tài khoản tích góp được gửi trong ngân hàng.

Một buổi sáng, sau khi đi nhận vải về, ông Tư đột ngột cảm thấy choáng, mệt, rồi sốt cao, khó thở; bà Trâm vội đưa ông nhập viện cấp cứu. Gần một năm nay, ông Tư đã mấy lần bị như thế, nhưng bà Trâm vẫn thấy hoảng sợ, bồn chồn, lo lắng. Sau khi làm các thủ tục sinh thiết, xét nghiệm máu, các bác sĩ hội chẩn cho bà biết, bệnh phổi của ông Tư đã chuyển sang K, giai đoạn cuối. Bà Trâm hoảng hốt, run rẩy khi biết được, chồng mình chỉ còn sống từ hai đến ba tháng nữa, theo kinh nghiệm dự kiến của bác sĩ.

Tại giường bệnh của chồng, bà khóc ngất, cảm thấy trời đất như quay cuồng, trước mắt mình; cố gắng bình tĩnh, gượng lại, nhưng vẫn cứ chao đảo, cảm giác như mình đang rơi xuống dòng nước chảy xiết. Bà sợ hãi, thả lỏng người, để mặc cho dòng nước cuốn trôi, đưa đẩy. Bà thấy dễ chịu dần, rồi bình tâm trở lại. Bà băn khoăn, phân vân hoài mà không hiểu, tại sao mình lại phải chịu nhiều đau thương, mất mát như vậy?

Bà Trâm cầm tay chồng:

-Bác sĩ bảo bệnh anh không sao cả, chỉ cần nghỉ dưỡng, Anh phải ráng mà vượt qua, còn phải tìm con gái với em nữa. Một mình em, không biết phải làm sao?

Ông Tư an ủi:

-Anh đang rất cố gắng, em à! Nếu phải ra đi, thì đành chịu thôi em. Con người có cái số hết, không cưỡng lại được đâu. Anh tin Trời Phật độ trì, chúng ta sẽ tìm được bé Uyên thôi.

Bà Trâm bỗng khóc lớn:

-Sao mà tôi khô dữ vậy, ông Trời ơi? Xin cho tìm được bé Uyên, cho nó thấy mặt cha một lần, rồi anh mới ra đi.

Ông Tư cũng rung rung nước mắt, vỗ vỗ bàn tay bà:

-Anh cũng rất mong được như vậy, mà em!. Nếu anh có chết, anh sẽ phù hộ cho em tìm được con. Em phải mạnh mẽ lên, còn là chỗ dựa cho thằng Toàn nữa chứ.

-Em biết rồi. Em còn phải lo cho thằng Toàn có một mái gia đình hạnh phúc, và tìm được Uyên, mới an lòng được.

-Không sao đâu em, dù anh có chết đi, anh cũng sẽ bên cạnh em, mọi lúc, mọi nơi, để giúp em tìm con. Sống an vui bên các con. Em đừng buồn quá, sinh bệnh nữa thì không ai lo.

Những ngày ông Tư nằm viện, bà Trâm túc trực bên giường bệnh, chăm sóc ông từng muỗng sữa, hớp cháo. Công việc ở xưởng may, bà giao cho Hằng - một người thợ làm việc lâu năm, cần mẫn, nhiều kinh nghiệm, mà bà Trâm tin tưởng, quản lý, trông nom giúp.

Bà nghĩ mà thương chồng, bao năm lao khổ trong trại cải tạo, về nhà làm thuê, làm mướn, có thông thả được bữa nào? Định cư ở xứ người, lao vào công việc, không kể ngày đêm, không biết du lịch, đi chơi là gì? Con gái, tìm hoài chưa thấy, con trai, thì chưa lập gia đình. Cuộc đời này, sao mà oan trái, cay đắng với vợ chồng bà quá đời?

Nhiều đêm, bà trăn trở, thao thức, khó mà chợp được mắt. Hình ảnh quê nhà, với tuổi thơ êm đềm, những tháng ngày lặn đặng, cùng nổi ám ảnh, sợ sệt, về cuộc chạy loạn năm nào, cứ chập chờn, làm bà chới với, hoảng hốt. Trong tận cùng nỗi hoảng sợ ấy, bà chợt nghe thấy tiếng cười trong trẻo của Uyên vọng về, như xoa dịu bớt nỗi đau thương, bất hạnh, mà bà đã trải qua. Tiếng hát của Uyên lạnh lót: *“Chiều nay em đi câu cá, và đem giỏ theo bắt cua. Làm sao cho được kha khá, về cho má nấu canh chua...”*. Và Uyên đã cười ngật ngoẻo, khi bà giỡn vui với con - *“Cá đâu, đưa cho má nấu canh chua nào?”*; hai mẹ con rượt đuổi bắt nhau, cười vui rộn rã. Tiếng cười cùng bóng Uyên, xa dần, xa dần, rồi mất hút trong đêm tối. Bà gọi lớn: *“Uyên ơi! Con ơi!”* giọng thảng thốt, nghẹn ngào. Ông Tư giật mình, lay cánh tay vợ: *“Minh ơi! Minh sao vậy? Sao vậy?”*. Bà Trâm tỉnh lại, khóc âm ức: *“Anh ơi! Đừng bỏ em mà đi như vậy, anh ơi!”*. Ông Tư ôm choàng lấy vợ, cả hai cùng khóc âm ức!

Ông Tư, ngày càng gầy rộc, chỉ còn da bọc xương. Mười ngày nay, ông không ăn được gì, chỉ uống chút sữa, chút cháo, chút nước sâm. Bà Trâm thắc thỏm theo từng hơi thở của ông, mỗi lần ông lên cơn ho, là rượt

gan bà quặn thắt. Bà đỡ ông dậy, lấy dầu thoa vào ngực, vuốt nhẹ; một lúc, ông bớt dần, bà đỡ ông nằm xuống, ngay ngắn; rồi ra trước cửa phòng, chấp tay vái bốn phương, cầu nguyện.

Sau ba tháng nằm viện, bác sĩ cho ông Tư xuất viện về nhà nằm chờ ngày. Bà Trâm năn nỉ bác sĩ cho ông nằm lại viện, nhưng bác sĩ khuyên nên đưa ông về nhà để thu xếp. Mười ngày sau, ông Tư trút hơi thở cuối cùng, ngủ giấc nghìn thu, không bao giờ trở dậy. Bà Trâm khóc thương chồng, đến cạn nước mắt. Theo di chúc của ông Tư, sau khi lo xong các nghi lễ cần thiết, bà đã hỏa thiêu thân xác chồng, chia làm ba lọ sành nhỏ, bọc kín cẩn thận - một lọ, để thờ tại nhà; một lọ, mang về thờ ở nhà cha mẹ ông khi xưa, bây giờ con trai của chị Ba ông đang ở; một lọ, bà tính sẽ đưa về chùa Khải Tâm, như ước nguyện ông muốn được về thăm chùa một lần, và để cho sư cô Diệu Nhân tụng niệm, giúp linh hồn ông được siêu thoát.

Sau cái chết của chồng, bà Trâm đã sang nhượng cơ sở may cho một người bạn. Bà Nghĩ, tuổi mình đã lớn, làm việc không được bao nhiêu năm nữa, cần được nghỉ ngơi, tịnh dưỡng để có thời gian về quê tìm con gái. Con trai bà đã trưởng thành, đang có công việc tốt, ổn định tại một bệnh viện lớn ở thành phố Houston. Với lại, sau bao năm cần cù, tiết kiệm, bà đã có một số tiền, đủ để bà sống và làm những việc cần làm trong quãng đời còn lại. Bà ao ước được sống, được làm những việc có ích cho đời, cho người, để được an vui khi tuổi già, không biết sẽ từ già xuôi tay lúc nào.

Bà Trâm đưa linh cốt chồng trở về quê, theo như lời ước nguyện của ông, trước lúc ra đi.

Toàn tiễn mẹ ra sân bay, nặng trĩu một nỗi buồn man mác đang tràn ngập tâm hồn anh. Nhìn dáng mẹ gầy guộc, thần thờ, đưa linh cốt ba anh về quê một mình, Toàn rung rung nước mắt. Anh muốn được đi cùng mẹ, nhưng công việc của anh ở bệnh viện đang rất cần anh có mặt. Anh nghĩ, một ngày không xa, anh sẽ về quê một chuyến, thăm lại nơi chôn nhau, cắt rún, thăm những người bạn tuổi thơ, cùng bà con vùng quê nghèo, heo hút, mà một thời anh đã lớn lên.

Ngồi trên máy bay, nhìn qua ô cửa - mây trắng bồng bênh, mong manh như đời người; bà Trâm thả lòng dạt dào bao cảm xúc, như cùng có ông bên cạnh trở về, dù chỉ là một nắm tro - một nắm tro tàn còn lại, của một đời người.

CHƯƠNG CHÍN

CUỘC HẠNH NGỘ MÀU NHIỆM

Chiếc máy bay của hãng hàng không Airline American đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất lúc bốn giờ sáng, bà Trâm làm thủ tục nhập cảnh, lấy hành lý, rồi ra cửa số bốn. Bà gọi chiếc taxi, đến ga Sài Gòn, vào quầy bán vé, mua vé tàu về quê. Chuyến tàu TN1- Bắc Nam, sẽ khởi hành vào lúc sáu giờ sáng, bà vừa kịp giờ, lên tàu, về Tuy Hòa.

Bà Trâm muốn về quê bằng tàu hỏa, bởi bà muốn được nhìn ngắm từng nơi chốn đã đi qua, để tìm nhớ lại vài kỷ niệm cũ; nhưng bây giờ đã thay đổi, chỉ có cánh rừng phía xa, và bầu trời trên cao, là dường như còn in hình bóng cũ. Về bằng tàu hỏa, còn gọi cho bà nhớ, cảm giác của những chuyến tàu chợ ngày nào - các toa đều chật cứng, chen chúc người cùng hàng hóa, đã làm chân bà mỏi nhừ vì không còn chỗ ngồi, trong những lần đi thăm nuôi chồng; chuyến tàu hôm nay, trông rộng rãi, sạch sẽ, có giường để nằm, ghế ngồi mềm, thoải mái. Bà vui cho quê hương, đang có sự đổi mới, như cánh chim non muốn cựa mình bay lên cao.

Lần trở về này, bà mới được đi cùng chồng, dù ông chỉ còn là một nắm tro tàn, sau bao nhiêu năm lặn đạn ở xứ người. Đôi lúc, bà thấy như ông

đang ngồi bên cạnh, chia sẻ cùng bà mọi cảm xúc vui buồn, bao nỗi đau thương mất mát đã qua.

Chuyến tàu TN1 đã khởi hành đúng giờ, tốc độ nhanh hơn, bà Trâm hít thở nhẹ nhàng làn gió mát buổi sáng sớm, khi ngồi nhìn ra cửa sổ. Lòng bà dấy lên một nỗi buồn man mác, về sự khác biệt, giữa những ngôi nhà vừa thoáng qua, trước mắt mình. Những ngôi nhà lụp xụp, nghèo nàn, chạy dọc theo đường ray xe lửa, tạm bợ, san sát nhau, không còn một chỗ hở cho đất thở. Phía xa kia, là những ngôi nhà nhiều tầng, vươn lên cao, như biểu lộ sự giàu sang - hai đời sống khác nhau, giữa một thành phố. Nhưng bà lại cảm thấy gần gũi, thiện cảm với những ngôi nhà nhỏ nhoi kia hơn; trông nó cam phận, nhẫn nại đến tội nghiệp.

Con tàu chạy nhanh ra khỏi thành phố, hai bên đường là những hàng cây cằn cỗi, những mảnh đất mọc đầy cỏ năng, ngập nước. Bà ước gì, mình bỏ được nỗi buồn ở lại phía sau, như những cảnh vật thoáng vụt qua trước mắt mình, thì nhẹ nhàng biết dường nào. Nỗi buồn trong bà cứ “lắc lư” theo con tàu, qua từng nẻo đường, từng làng xóm, quê hương.

Tàu chạy ngang qua tấm biển “ga Gia Ray”, bà bỗng giật thót mình. Con đường nhỏ lên rẫy ngày nào chạy qua trước mắt, gọi cho bà cái cảm giác ngày đầu đi thăm nuôi chồng, khi ông vừa chuyển tới trại cải tạo Z30A. Bà vội chỉ tay vào con đường, giọng xúc động, thì thầm với chồng: “*Nhìn đi anh! Con đường tắt lên rẫy, em đã theo hai vợ chồng người nông kia khi anh vừa chuyển đến trại Z30A. Anh thấy không? Em đã từng đi trên con đường ấy, để được gặp anh đó!*”. Rồi, bà gục đầu vào cửa sổ: “*Con đường còn đấy, mà anh đã đi xa rồi. Anh ơi!*”.

Bao nỗi niềm xưa, bỗng ào ạt trở về, lòng bà cứ chao nghiêng theo con tàu, làm bà thắm mệt. Bà nằm xuống nghỉ, bao nỗi buồn lo cứ xoay quanh, thao thức trong lòng, rồi bà ngủ quên lúc nào chẳng biết.

Khi tàu qua hầm đèo Cả, bà chợt tỉnh giấc. Bà ngồi dậy nhìn đồi núi, làng xóm, ruộng vườn của quê mình, đang hiện dần ra trước mắt. Bà nghĩ, tới đèo Cả, là đã tới nhà rồi, như bao người con đất Phú Yên đã nghĩ, khi đi xa, trở về. Nhìn quanh, đâu đâu cũng là hình ảnh quen thuộc của quê hương - Hảo Sơn, cầu So Đũa, Thạch Tuấn, cầu Lưới Gõ... cảm xúc lại dâng tràn trong lòng bà khi nhận ra cầu “Lưới Gõ”, chiếc cầu sắt mà bà thường nhìn thăm chừng tàu đã ra chưa, mỗi lần có dịp đi Tuy Hòa bằng tàu lửa, ngày nào. Bà đi vừa tới cầu Bi, lúc nào cũng nhìn về phía cầu Lưới Gõ, thấy tàu đang tiến vào cầu, là bà phải cầm đầu chạy thật nhanh, mới ra sân ga kịp giờ tàu đến.

Dù chỉ vừa nhìn thấy hình ảnh của quê nhà qua khung cửa sổ tàu, bà đã có cảm giác như đang đứng trên con đường quê, đang nghe ngọn gió nồm mát dịu, trên đồng lúa quê mình. Bao nhiêu năm, đồng lúa vẫn reo vui, một màu xanh thắm, nặng tình với bà con dân quê; mỗi năm cho hai vụ mùa, thủy chung, không thay đổi.

Tàu đã về đến ga Tuy Hòa, bà Trâm xuống tàu, gọi taxi về nhà, thì trời vừa sẩm tối. Bà Ba - chị của ông Tư, chạy ra sân, khóc òa:

-Các em đã về đến nhà, nhưng thằng Tư của chị, chỉ còn là... còn là...

Giọng bà Ba nghẹn ngào, không thốt ra lời, làm bà Trâm òa khóc theo.

Bà Trâm - giọng ngập ngừng:

-Chỉ là... chỉ là... một nắm tro tàn, chị ơi!

Hai chị em ôm nhau, khóc nức nở.

Ân - con trai của bà Ba, người đang ở ngôi nhà xưa kia của cha mẹ ông Tư, vội ra sân, cúi đầu chào bà Trâm:

-Cháu chào mợ! Cả ngày đi đường đã mệt, mợ vào nghỉ một lát cho khỏe, rồi ăn cơm. Ở nhà biết tin, đã chuẩn bị cả rồi.

Bà Trâm quay nhìn Ân, trùi mền:

-Cảm ơn cháu! - quay qua bà Ba, chị em mình vào nhà thôi chị.

Bà Trâm đặt hoa quả lên bàn thờ, mang cái túi xách đựng linh cốt chồng, nước mắt rung rung, chậm rãi mở, như sợ động đến ông. Hai tay bà ngập ngừng đặt hủ linh cốt ông Tư lên bàn thờ, cạnh tấm ảnh của ông đã được chung sẵn. Bà run run thắp ba nén hương, đôi mắt nhắm nghiền, cúi đầu, lâm râm khấn nguyện.

Vừa cắm hương vào lọ, bà Trâm bỗng khóc òa, khụy xuống sàn nhà. Bà Ba, và Ân vội vàng đỡ bà Trâm ngồi lên, rồi thay phiên thắp hương, bái lạy, thì thầm cầu nguyện. Tất cả đều nín lặng. Khi nhang gần tàn, bà Ba nói lớn: "*Thôi, đi ăn cơm, em!*".

Một bữa cơm hội ngộ chị em, mà nỗi buồn cứ trào dâng, nghẹn ngào, khiến ai cũng không nuốt nổi.

Bà Ba gấp bỏ cho em dậu miếng cá nướng, giọng nghẹn ngào:

-Ráng ăn đi em, cá rô nướng mùa này béo lắm. Chị nhớ hồi xưa, thằng Tư rất thích cá rô nướng, chấm với rau lang luộc.

Bà Trâm nghe chị nói, nước mắt rung rung như muốn chực chảy xuống. Ân liếc nhìn mẹ, nháy mắt, khóa lấp:

-Cá rô nướng chấm với rau lang luộc, ai mà chả thích. Con cũng thích nè!

Bà Ba cười già già:

-Ừ nhỉ! Món này quê mùa vậy mà ai cũng thích - quay nhìn em dâu, bà nhắc chừng, ăn đi em. Sáng mai chị em mình cùng đi chợ nhé!

Bà Trâm đưa tay quệt nước mắt:

-Dạ! Sáng mai chị em mình cùng đi chợ, sửa mâm cơm cúng ông bà và cúng linh cho anh Tư luôn nghen chị.

Ăn cơm xong một lát, Kim Lan và vợ chồng Cuội đến nhà, mừng chị gái đã trở về. Kim Lan chạy lại ôm chầm lấy chị, giọng sưng ướm:

-Chị ơi!

Hai chị em lại ôm nhau, khóc thút thít. Bà Trâm ngậm ngừng:

-Chị đã đưa anh Tư về nhà rồi, em ơi! Tụi em vào thắp hương cho anh đi!

Kim Lan khóc lớn:

-Tội nghiệp chị. Sao chị khổ thế này?

Cuội đưa tay quệt khóe mắt, giọng bình tĩnh:

-Có cái số hết chị à. Chị đã đưa được anh về nhà, là mừng lắm rồi. Chị ráng mà giữ sức khỏe, còn nhiều việc phải lo lắm đó. Ngày mai, chị cần đi đâu, em chở chị đi.

Bà Trâm buồn bã:

-Chị biết mà em. Sáng mai, chị nấu mâm cơm cúng ông bà, và cúng linh cho anh Tư, các em qua phụ giúp chị, nhé!

Vợ Cuội góp lời:

-Dạ! Sáng mai, em sẽ qua sớm, phụ nấu với chị.

Sáng sớm hôm sau, bà Ba cùng em dâu vô chợ, mua hoa quả, rau củ, nấm, đậu, về nấu mâm cơm chay cúng ông bà, cúng linh cho ông Tư. Vợ chồng Cuội, và Kim Lan cũng có mặt sớm, mỗi người, ai cũng giấu đi nỗi buồn, im lặng lật rau, rửa củ, nấu cúng, không ai dám nói gì, như sợ đánh thức nỗi buồn đang âm ỉ trong lòng mọi người, bật chảy. Bà Trâm vừa xào nấu, vừa niệm Phật. Bà nghĩ, chỉ có niệm Phật, mới có thể cứu độ vong linh chồng, khóa lấp nỗi buồn, đang dồn nén trong lòng mình, mà thôi. Từ bấy lâu nay, những lúc có việc buồn hay vui, cũng thế, bà luôn niệm hồng danh chư Phật. Đối với bà, đó là điều an ủi lớn, cần thiết nhất, trong lúc này.

Linh cốt ông Tư được đặt trên bàn thờ, bên cạnh tấm di ảnh của ông Tư và của cha mẹ ông. Bà Trâm cảm thấy đã an lòng phần nào, nhưng còn một nỗi lo, là đưa lọ linh cốt còn lại của ông Tư về chùa Khải Tâm nữa. Bà phân vân nghĩ, liệu sư cô Diệu Nhân có hoan hỷ cho phép không, có ảnh hưởng gì đến chùa không? Nhưng rồi, bà tự trả lời, chắc là không sao, sư cô sẽ vui lòng tụng kinh cầu siêu cho ông thôi; sư cô đã từng nói, sẽ rất vui

được ông đến thăm chùa còn gì? Bà Trâm ngã lưng xuống giường, an tâm ngủ một giấc dài,

Gần sáng, bà Trâm mơ thấy ông Tư về, chập chờn quanh nhà, như muốn tìm nói với bà điều gì. Môi ông mấp máy, không thành tiếng, làm bà không hiểu, hỏi lại, nhưng ông chỉ lắc đầu. Rồi bà bỗng thấy bé Uyên lúc sáu tuổi, thoát ần, thoát hiện, trước mắt bà, làm bà giật mình, gọi lớn: “*Uyên ơi! Con ơi!*”; nhưng chỉ có tiếng gọi con của bà vọng lại, trong đêm vắng. Tiếng chuông chùa bỗng ngân vang từ đâu, xa lắc, vọng về, làm dịu bớt nỗi buồn, và hình bóng một cô gái mờ mờ, ảo ảo, như đang đứng trong đám sương mù, vẫy gọi bà, thật khẩn thiết!. Bà đưa tay dụi mắt, mở mắt lớn hơn, người con gái kia rõ dần, rõ dần. Bà Trâm ngạc nhiên la lớn: “*Sư cô Diệu Nhân!*”.

Bà Trâm chợt tỉnh giấc, mồ hôi tuôn khắp người, nghe tim đập loạn xạ, lòng bà rối bời, không hiểu giấc mơ kia, đã mách cho bà điều gì, lành hay dữ?

Hôm sau, bà mang lọ linh cốt còn lại của chồng, lên chùa Khải Tâm.

Gặp lại sư cô Diệu Nhân, cô Hai và cô Út, ngay ở sân chùa, bà Trâm mừng lắm. Bà thưa với sư cô Diệu Nhân về việc chồng bà đã chết, xin phép sư cô được đặt linh cốt của chồng bà ở chùa Khải Tâm, và nhờ sư cô tụng kinh cầu siêu cho ông được giải thoát. Sư cô Diệu Nhân thoáng bàng hoàng xúc động, rồi giữ vẻ thản nhiên trả lời, đó là một việc cần nên làm cho ông Tư; ông được ở chùa, sẽ được nghe kinh, nương theo sự hộ trì của chư Phật mà nhẹ nhàng, siêu thoát.

Bà Trâm nghe sư cô đồng ý, gương mặt bừng sáng, nhưng giọng bà chùng thấp, buồn:

-Những ngày cuối cùng, anh ấy luôn ao ước được một lần về thăm chùa Khải Tâm và sư cô, dù chỉ mới nghe lời tôi nói về chùa, về sư cô thôi. Cảm ơn lòng từ bi của sư cô đã dành cho gia đình tôi!

Sư cô Diệu Nhân - giọng nhỏ nhẹ:

-Không có gì đâu cô. Coi như ông được thỏa nguyện về thăm chùa Khải Tâm rồi.

Bà Trâm mỉm cười, héo hắt:

-Dạ! Cảm ơn sư cô. Được nghe sư cô tụng kinh hằng ngày, thật là phước lành cho ông nhà tôi.

Bà Trâm xin phép sư cô, cho cô Út cùng đi chợ với bà, mua hoa quả về dâng lễ. Sư cô gọi cô Út lên cùng đi với bà Trâm.

Buổi lễ cầu siêu, đặt linh cốt ông Tư ở chùa Khải Tâm thật trang trọng. Bà Trâm quỳ chấp tay phía sau sư cô, lòng thành tâm cầu nguyện. Tiếng sư cô Diệu Nhân tụng kinh đều đều, trầm lắng, hòa cùng tiếng chuông mõ, làm cho bà Trâm cảm thấy an vui, nhẹ nhàng. Bà nghĩ, vậy là mình đã được toại nguyện phần nào về sự an nghỉ của chồng, còn việc tìm con gái, mong ông sẽ phụ giúp bà như lời ông đã hứa, trước lúc ra đi. Niềm hy vọng sẽ tìm được con lớn dần, rõ nét hơn trong lòng bà.

Ở lại chùa hơn tuần lễ để lo việc cúng thất cho ông Tư, bà Trâm bỗng thấy nhức đầu, mỏi mệt, như bị cảm sốt. Toàn thân bà đau nhức, cổ họng rất buốt, mắt mở không nổi, cứ muốn nhắm lại, rồi nóng sốt mê man, khiến sư cô rất lo lắng. Sư cô đưa bà Trâm vào nằm ở phòng mình, cho tiện việc chăm sóc, theo dõi ban đêm. Cô cho bà uống liều thuốc cảm, sau khi pha đưa bà ly sữa nóng. Uống sữa, uống thuốc xong, cơn buồn ngủ ập đến bất chợt; bà Trâm chìm dần vào giấc ngủ.

Sau khi tụng thời kinh công phu tối, sư cô Diệu Nhân vào phòng cởi y, treo lên móc, chuẩn bị đi ngủ. Cô đứng bên giường mình, quay lưng về phía bà Trâm, cởi y, thay luôn áo trong vì thấm đẫm mồ hôi. Bà Trâm chợt thức giấc, mở mắt, nhìn qua giường sư cô, thấy vết sẹo dài có hình con cá trên bả vai sư cô. Hình ảnh vết sẹo như ánh điện sáng lóa vào đôi mắt bà. Bà bật ngồi dậy như chiếc lò xo, không tin vào mắt mình, đưa tay dụi mắt, rồi mở mắt lớn hơn - giọng bà hoảng hốt: “*Con cá nâu của mẹ*”. Sư cô Diệu Nhân bàng hoàng, dừng tay mặc áo, cô nghe đâu đây giọng nói của người mẹ từ xa xưa mơ hồ vọng về, khiến cô sững sờ giây lát, rồi quay ngoác người lại.

Bà Trâm đang há hốc nhìn cô, gọi lớn: “*Uyên ơi! Con ơi!*”, - sư cô giật mình. Sư cô Diệu Nhân thoáng nhớ, cái tên này cô đã không còn nghe tới từ lâu lắm rồi, dường như từ ngày cô theo sư bà về chùa Khải Tâm. Nó như đã ngủ yên, sâu lắng trong lòng cô, để mỗi lúc, một mờ xa dần. Hôm nay, cái tên “*Uyên*” lại vang lên bên tai, như có mãnh lực màu nhiệm, sống dậy, rõ dần, cùng với cái vết sẹo trên bả vai hình con cá, mà mẹ cô thường nói yêu “*Con cá nâu của mẹ*”, réo gọi, dần vặt trong lòng cô. Đó là vết sẹo lồi, mà người mẹ sinh ra cô đã vô tình làm văng cái rựa khi chặt củi lúc cô đang ngồi chơi bên cạnh. Cô nhớ lại, thật rõ ràng, như mới vừa xảy ra trước mắt mình.

Sư cô Diệu Nhân thảng thốt:

-Cô vừa gọi Uyên nào? Là ai? “*Con cá nâu của mẹ*” là sao?

Bà Trâm bàng hoàng:

-Mô Phậ! Uyên là tên con gái tôi, đưa con gái đã thất lạc lúc vừa lên sáu tuổi, trong cuộc chạy loạn vào tháng Ba năm nào, tại tảng đá, nơi chiếc cầu dưới kia, trên con lộ Bảy này, mà tôi đã bao lần trở lại tìm kiếm tin con. “*Con cá nâu của mẹ*”, là lời nói yêu, mỗi khi nhìn thấy vết sẹo mà tôi vô tình, khi chẻ củi, văng cái rựa trúng con gái tôi.

Sư cô Diệu Nhân cảm thấy chũnh choáng như quay cuồng, trước mắt sư cô là người mẹ mà cô tưởng rằng đã lưu lạc tự phương trời nào, hay đã chết từ lâu. Hình ảnh mẹ và em trai nằm chết trên tảng đá năm xưa, đã khiến cô đau đớn khôn nguôi. Cô muốn tìm về nhà, tìm cha, nhưng trong trí nhớ ít oi, lò mờ của cô, chỉ biết đó là một làng quê nghèo, toàn là tre xanh, ngoài ra không nhớ gì hơn, ngay cả tên cha, tên mẹ, cô cũng không nhớ nổi sau phút hãi hùng. Người mẹ mà cô yên tâm rằng đã chết kia, hôm nay còn sống sò sò ngay trước mặt, đang gọi tên mình đây sao? Toàn thân cô rúng động, chực ngã quy xuống đất. Bà Trâm vội chạy lại đỡ sư cô đứng yên, rồi để nằm trên giường, cài cúc áo lại cho sư cô.

Bà Trâm gọi cô Hai vào phòng.

Bà Trâm cầm tay cô Hai, giọng run run:

-Cô Hai ơi! Cô đã từng nói với tôi, là cha mẹ của sư cô đã chết khi lên rẫy? Có đúng vậy không?

Cô Hai không hiểu bà Trâm muốn nói gì, liền gật đầu, kể:

-Cha mẹ của sư cô đã chết vì bị mìn khi phát rẫy. Ông bà Hà không có con, lượm được một bé gái trong cuộc chạy loạn ở chân cầu trên lộ Bảy. Lúc đó, ông ra sông coi người ta chạy loạn, nhìn thấy con bé khóc khàn cả tiếng, đói rã rời, bên một người mẹ và em đã chết. Ông thấy thương, tội nghiệp, bồng con bé về nhà nuôi. Cưới nhau đã hai mươi năm, không có mụn con nào, bà Hà mừng lắm, yêu thương con bé như con mình rút ruột đẻ ra vậy. Nhưng ông Trời lại bắt ông bà phải rời xa nó, bị trúng mìn khi cùng nhau lên rẫy, nên cô bé được sư bà đưa về chùa nuôi dạy. Là sư cô Diệu Nhân ngày nay, đó bà.

Bà Trâm bỗng khóc lớn hơn:

-Sao lâu nay cô Hai không nói rõ như thế, hử cô? Tôi đã đi tìm con gái mấy chục năm qua, không lúc nào là tôi thôi nhớ nó - cúi xuống sư cô Diệu Nhân đang nhắm nghiền đôi mắt, yên lặng; bà nức nở - Uyên ơi! Mẹ xin lỗi, đã không nhận ra con.

Bà Trâm bỗng giật mình khi gọi sư cô như vậy. Nhưng rồi, bà bắt kể, niềm thương nhớ, mừng vui, gặp lại đứa con sau bao năm xa cách, đang

dâng trào cảm xúc trong lòng bà. Bà cứ thôn thức, gọi tên Uyên - “*Uyên ơi! Con ơi! Con gái của mẹ!*”, nghẹn ngào.

Sư cô Diệu Nhân khẽ mở mắt, chồm dậy. Sư cô ôm chầm bà Trâm, nước nở:

-Mẹ ơi! Uyên của mẹ đây.

Hai mẹ con bà Trâm ôm nhau khóc, trước sự ngỡ ngàng của cô Hai và cô Út. Cô Hai chợt nghĩ, thảo nào bà Trâm thường lên đây có việc, lâu nay mình cứ thắc mắc bà Trâm có việc ở đây, là việc gì, nhưng không tiện hỏi. Phải chi mình hỏi bà, thì có lẽ, hai mẹ con bà đã nhận ra nhau sớm hơn.

Bà Trâm liên tưởng lại những mảnh ghép rời rạc, mà mình được biết - có lần, sư cô đã nhắc nhớ về một cái làng toàn tre là tre, mờ xa trong ký ức; một người mẹ, thường dắt cô về thăm mỗi dịp xuân về, hay những ngày giỗ kỵ. Đó là làng Gò Tre - thôn Phú Hiệp, xã Hòa Hiệp, nơi bà sinh ra và lớn lên, cũng là nơi Uyên được sinh ra. Bà nghĩ mà thương con gái, phải chịu bao khổ đau, chia ly, rồi bà cảm thấy an lòng, được mãn nguyện, vì đã tìm được Uyên - hôm nay là một sư cô nhân từ, đạo hạnh. Do chí thành, được duyên lành đưa đẩy, để bà đến được ngôi chùa này, gặp gỡ sư cô, sau bao nhiêu năm mỗi mắt kiếm tìm, thành tâm, cầu nguyện. Bà nghĩ, Uyên của bà, giờ là con của Phật - một sư cô tài đức vẹn toàn, được nhiều người kính mến, quý trọng. Cô đã nguyện hiến dâng cuộc đời cho việc thiện lành, ban vui cứu khổ cho người, thì còn gì cao quý hơn trên cõi tạm này? Đồng thời, bà cũng thấy được phước đức, ân huệ của mình, thật to lớn; càng yêu quý, kính trọng sư cô hơn. Bà cúi đầu tưởng nhớ, cảm ơn vợ chồng ông Hà, đã cứu sống và nuôi dưỡng con gái mình. Bà tự nguyện, từ nay sẽ trường chay, phụ giúp sư cô trong công việc Phật sự, sống bên con gái, làm những việc có ích cho mọi người; sẽ đến thăm, thắp hương cho hai phần mộ vợ chồng ông Hà.

Tất cả cùng vui mừng về cuộc hạnh ngộ này. Trên nét mặt già nua của cô Hai cũng tươi hẳn lên, nụ cười của cô Út cũng luôn rộng mở!

Sau khoảnh khắc bị dao động bất ngờ, sư cô Diệu Nhân, đã bình tâm trở lại, nhìn mẹ sững sờ. Sư cô khẽ nói:

-Con cảm ơn mẹ đã luôn tìm con trong suốt bao nhiêu năm. Từ nay, mẹ đã có con, con sẽ thay mặt ba, chăm sóc mẹ tuổi già. Mẹ yên tâm mà sống an vui, trong những năm còn lại của đời mình, mẹ nhé!

Bà Trâm cầm tay sư cô, nghẹn ngào:

-Mẹ cảm ơn con. Thăng Toàn em con, nay là một bác sĩ giỏi, đang làm việc tại một bệnh viện ở thành phố Houston. Mẹ sẽ điện báo cho nó biết đã tìm được con, và bảo nó thu xếp về quê một chuyến, để gặp con nhé.

-Da! Con cảm ơn mẹ! Con cũng rất mong gặp lại em! Con sẽ thiết lễ tri ân Chư Phật, ra mắt ba - con gái của ba đã trở về với gia đình.

Hai mẹ con bà đến thắp hương, quỳ trước bàn thờ linh cốt ông Tư. Sư cô Diệu Nhân tụng hồi kinh tán Phật; bà Trâm chấp tay khấn chồ, báo tin đã tìm được con gái - đó chính là sư cô Diệu Nhân mà lúc sinh thời ông rất muốn gặp. Bà vái bốn phương, cảm tạ chư Phật, chư Bồ Tát, chư hiền thánh đã cảm thông, hiển linh, đưa đẩy mẹ con bà gặp được nhau, trong niềm an vui, hạnh phúc.

Bà Trâm đã điện báo cho Toàn, anh hứa, sẽ thu xếp về Việt Nam sớm, để gặp lại chị - người chị, mà trong thâm tâm anh nghĩ là đã chết, dù mẹ anh luôn tin tưởng rằng, chị vẫn còn sống đâu đó, chưa tìm được mà thôi. Anh về, còn để thăm lại làng quê xưa, thăm lại những nơi chốn thân quen, thăm bạn bè tuổi nhỏ, thăm bà con láng giềng, sau bao năm sống ở xứ người, xa cách.

Sáng hôm sau, bà Trâm đưa sư cô Diệu Nhân trở lại bến sông, chỉ cho sư cô nơi bà đã lạc mất Uyên năm xưa. Cũng tảng đá ấy, cũng bến sông ấy, nhưng người mẹ giờ đây tóc đã bạc, da mồi; đứa con gái bé nhỏ năm xưa, giờ là một sư cô hiếu hạnh.

Sư cô Diệu Nhân bồi hồi, khi nghe mẹ kể lại chuyện xưa; những hình ảnh năm nào đã xa mờ, đang rõ dần trong trí nhớ. Sư cô ôm chầm lấy mẹ, gục đầu lên vai bà - những giọt nước mắt của hai mẹ con lăn dài trên má.

CHƯƠNG MƯỜI

NIỀM VUI CÒN LẠI VỚI ĐỜI

Tìm gặp được Uyên, cơn bệnh nóng sốt, nhức đầu, hôm trước của bà Trâm, tự nhiên biến mất - bà thấy lòng nhẹ hẫng, khỏe khoắn, như chưa bao giờ ngã bệnh. Đã hơn ba mươi năm qua, bà ao ước, tìm kiếm, mong có ngày được gặp lại đứa con gái bé nhỏ của mình; hôm nay, niềm hy vọng đó, đã trở thành hiện thực như một phép màu. Bà nghĩ, giá mình có chết cũng yên lòng rồi - nhất là Uyên bây giờ là một sư cô đạo hạnh, được mọi người kính trọng, có con đường đi an vui giữa đời.

Bà Trâm vui mừng đưa sư cô Diệu Nhân về thăm lại ngôi làng Gò Tre xưa, thăm mảnh đất con đã sinh ra, thăm bà con dòng họ, đốt cho ông bà nội ngoại nén hương, coi như báo tin vui cho ông bà, như lời bà đã hứa nguyện.

Trên đường về, bà Trâm rộn ràng nhắc cho sư cô nhớ lại từng nơi đang đi qua, những cái tên “*Ngã ba Cây Bàng*”, “*Lò Gốm*”, “*Trường Thịnh*”. Sư cô Diệu Nhân lắng tai nghe lời mẹ, nhưng vẫn cảm thấy lạ hoắc, lạ hươ, dù có cố gắng moi trong trí nhớ, sư cô cũng không thể nào nhớ nổi; nhưng lòng vẫn cảm thấy vui vui.

Đến dốc Dòi, rẽ vào nhà, bà Trâm kêu tài xế taxi dừng xe, mở ví trả tiền, rồi xuống xe, đi bộ về nhà; để có dịp nhắc con gái bà nhớ lại con đường tuổi thơ Uyên thường chạy rong chơi. Bà Trâm chỉ vào dốc Dòi, cười với con gái: “*chỗ này, khi xưa con cùng mấy bạn trong xóm thường hay chạy ra đây quay chong chóng nè*”; rồi bà nói cho sư cô biết, làng quê mình giờ đây không còn những lũy tre xanh dày bao quanh nữa; thay vào đó là nhà, vườn, những lò gạch ngói, khói lên ngui ngút ngày đêm.

Sư cô Diệu Nhân thoáng nhớ lại ngôi làng xưa đã mờ xa trong trí nhớ, chỉ còn loáng thoáng bóng tre xanh. Những lũy tre đã từng theo cô vào giấc ngủ, đã ru cô theo nỗi buồn, không biết đường về nhà, tìm kiếm người cha, người mẹ mà cô không còn nhớ tên. Hôm nay, sư cô đã bước đi trên con đường quê, được hít thở bầu không khí quê nhà, lòng cô cứ bồi hồi, lao xao một nỗi niềm, vừa vui, vừa buồn, khó tả.

Một cụ già từ trong dốc Dòi đi ra, thấy mẹ con bà Trâm, liền dừng lại neho mắt nhìn, cất tiếng hỏi, giọng khàn khàn:

-Đứa nào đấy bay?

Bà Trâm nhìn ông một lúc, rồi nhận ra là ông Bảy Hào, đội trưởng đội 2, hợp tác xã nông nghiệp, thường dẫn bà con xã viên đi làm khi xưa. Bà cúi chào, vui vẻ:

-Dạ, cháu chào bác Bảy! Con là Trâm, vợ Tư, dâu bà Chín đó. Bác đi đâu về vậy?

Ông Hào gật gật cái đầu, như đã nhớ ra, liền cười:

-Tao nhớ rồi. Cháu về khi nào đấy? Ở bên đó, nghe nói lạnh lắm hở cháu?

-Dạ, lạnh. Sống lâu, cũng quen dần, bác à!. Tiểu bang của cháu thường rất lạnh, nhưng có máy sưởi ấm, rồi thứ gì cũng quen hà - bà Trâm nhìn chậm lên gương mặt sạm nắng, nhăn neho của ông Bảy - bác khỏe không?

Ông Hào chép miệng:

-Khỏe gì đâu cháu ơi! Hễ trở trời là đau, là nhức, chịu không nổi. Tao đi tới, đi lui, cho thư giãn một chút - quay nhìn sư cô Diệu Nhân, giọng phân vân, còn sư cô nào đây cháu?

Bà Trâm cầm tay sư cô, giới thiệu:

-Dạ đây là sư cô Diệu Nhân, con gái cháu đó bác.

Sư cô Diệu Nhân mỉm cười, cúi chào ông Hào:

-Mô Phật! Chào ông.

Ông Hào nhướng mắt nhìn một lúc, rồi hỏi:

-Con gái nào? Tao nghe nói, hình như con gái cháu bị thất lạc trên đường Bảy rồi mà. Vậy là cháu tìm được con rồi hở?

Bà Trâm không nén được niềm vui, cười cười mở :

-Dạ! Nhờ chư Phật phù hộ, chỉ dẫn, cháu mới gặp được Uyên đó bác. Hôm nay cháu đưa con gái về thăm quê, thấp cho ông bà nén hương - quay qua sư cô, đây là ông Hào, đội trưởng đội sản xuất nông nghiệp, khi xưa ông dẫn mẹ cùng bà con xã viên đi làm đó, cô.

Sư cô Diệu Nhân cười tươi:

-Mô Phật, vậy sao mẹ?.

Đôi mắt ông Hào sáng quất lên, vẻ hào hứng:

-Phật ơi! Ông chúc mừng hai mẹ con cháu đã gặp được nhau. Còn thằng Tư, có về chơi không? Từ ngày qua bên đó, nó chưa về hở cháu?

Bà Trâm nghe ông Hào hỏi thăm chồng, lòng chột buồn, giọng bà bỗng trầm xuống:

-Dạ! Chồng cháu mất rồi bác Bảy à, nếu không, anh cũng về chơi đó bác.

Ông Hào ngạc nhiên:

-Trời ơi! Nó mất khi nào? Mấy tháng trước, tao có gặp con Ba về đây, tao hỏi, nó nói vợ chồng cháu mở cái xưởng may gì đó, làm ăn được lắm mà, có nghe nó nói bệnh gì đâu.

Bà Trâm, giọng đờm buồn:

-Dạ! Tụi cháu có mở xưởng may, làm ăn cũng được. Anh Tư bị bệnh phổi, lâu thành mãn tính, rồi chuyển sang K. Chắc do anh lao tâm, lao lực, với lại ngày trước lúc ở trong trại cải tạo, đến lúc về nhà cũng vậy, làm thì nhiều, mà ăn uống thiếu thốn, nên sức khỏe suy nhược dần; như cái cây khô thiếu nước vậy đó bác, có tưới bao nhiêu cũng không lại sức được.

Ông Hào chép miệng:

-Tội nghiệp! Thằng Tư nó hiền lành, dễ thương. Bác chia buồn cùng cháu nhé! Thôi mẹ con cháu về đi, tao đi à nghen.

-Dạ! Cháu cảm ơn bác Bảy. Bác đi ạ!

Mẹ con bà Trâm rẽ xuống con dốc, về nhà.

Ân nhìn thấy bà Trâm đưa về một sư cô, anh nghĩ, chắc bà mời sư cô về tụng kinh cầu an trong nhà, vội bước ra cúi đầu chào:

-Chào mợ! Mợ mời sư cô về tụng kinh hả mợ? - quay qua sư cô, Mô Phật. Chào sư cô!

Sư cô Diệu Nhân cúi đầu đáp lễ:

-Mô Phật. Chào anh!

Bà Trâm cười thật tươi, cầm tay sư cô, giới thiệu:

-Đây là sư cô Diệu Nhân, là con gái của mợ - bé Uyên đó, nhớ không? Mợ mới gặp được Uyên, đưa về thăm quê, đốt cho ông bà nén hương. Trời Phật độ trì, cuối cùng mợ cũng tìm được con gái - quay qua sư cô, đây là anh Ân, con của cô Ba con đó.

Ân reo lên, mừng rỡ:

-Mợ tìm được Uyên rồi sao? - quay nhìn sư cô, anh lúng túng - mời mợ và ... giọng ngập ngừng, mời sư cô vào nhà.

Sư cô Diệu Nhân, đỡ lời:

-Mô Phật. Cảm ơn anh! Anh gọi tôi là Uyên cũng được mà.

Ân cười hiền:

-Dạ! Cảm ơn sư cô!

Mọi người trong gia đình, hay tin bà Trâm đã tìm được Uyên, vội về để gặp mặt. Ai cũng vui mừng khi biết Uyên bây giờ là sư cô Diệu Nhân,

nguyên hiến dâng cuộc đời cho việc thiện lành, ban vui cứu khổ cho người, cho đời.

Kim Lan cười, mà nước mắt rung rung:

-Em chúc mừng chị đã tìm được Uyên. Giờ đây, chị hãy sống những ngày cuối đời thật vui vẻ, chị nhé! Em nghĩ, anh Tư ở cõi xa, cũng mong chị như vậy.

Bà Trâm nhìn em gái, trùi mền:

-Cảm ơn em gái! Chị sẽ làm một bữa tiệc chay, cảm tạ Trời Phật, đã phù hộ cho chị tìm được Uyên, sẽ mời bà con xóm giềng, bạn bè và người thân. Ngày chủ nhật này, Toàn sẽ về đây, mừng gia đình đoàn tụ.

Cuội vui vẻ:

-Mừng cho chị! - rồi đăm chiêu, hồng biết thằng Toàn nay ra sao? Chắc cũng ốm nhom như xưa, chứ gì?

Kim Lan nhìn Cuội, cười vui:

-Thì chủ nhật này cậu thấy nó, chứ thắc mắc gì. Đúng là Cuội, cứ ở trên cung trăng, hồng biết gì ráo tội.

Cuội cười, hồn nhiên:

-Cái bà chị này, lúc nào cũng chê em út. Thiệt là!

Mọi người cùng cười theo Kim Lan và Cuội.

Trong hai ngày chờ Toàn về, bà Trâm đưa sư cô Diệu Nhân về nhà mẹ đẻ của mình, thắp hương cho ông bà ngoại, rồi đi thăm từng nhà, quanh xóm. Bà giới thiệu cho sư cô biết, từng người quen trong xóm, đâu đâu bà cũng gọi lại tuổi thơ của cô. Sư cô Diệu Nhân xúc động, lòng bồi hồi theo từng lời giới thiệu của mẹ, cô biết, mẹ đã vui mừng biết ngần nào, khi tìm được mình; và cô thấy tự hào, có được một người mẹ nhân hậu như bà Trâm.

Bà Trâm nhờ Cuội thuê chiếc xe mười hai chỗ, cả nhà cùng đi đón Toàn về. Vừa ra khỏi cửa số ba, Toàn đã nhìn thấy mẹ, cùng mọi người đang chờ; anh vội kéo va li đi nhanh lại phía mẹ, cười vui vẻ:

-Con chào mẹ. Chào cô. Chào dì. Chào cậu - quay qua sư cô Diệu Nhân, anh rụt rè, mô Phật. Chào sư cô.

Sư cô Diệu Nhân cố moi trong trí nhớ ít ỏi, mờ mịt của mình, hình ảnh đứa em trai một tuổi, nhưng cô chẳng nhớ một chút nào. Trước mặt sư cô, là một thanh niên cao lớn, khỏe mạnh, lịch lãm. Sư cô chợt thấy lòng hân hoan, khi nghĩ chàng thanh niên kia là em trai của mình. Một sợi dây tình cảm thiêng liêng, ruột thịt, khiến sư cô cảm thấy gần gũi, thân thiện. Dòng máu đang chảy trong người của cô, cũng là dòng máu đang chảy trong cơ thể của Toàn.

Sư cô Diệu Nhân tươi cười, nhìn em trai thân thiện:

-Mô Phật. Chào Toàn. Chị không nghĩ, em trai của mình đẹp và trưởng thành như vậy.

Toàn cảm thấy tự nhiên hơn, dạn dĩ hơn:

-Dạ! Em nhờ “zen” của ba - cao, zen của má - đẹp, đó chị.

Cuội chen vào:

-Ba của cháu ốm nhom, như cây sậy, cao to gì mà zen ba, hở?

Toàn cười lớn:

-Cháu nhớ bà nội thường nói đùa, cháu sinh rớt trứng “*hầm chuồng heo*”.

Cả nhà cười “ồ” theo lời nói vui của Toàn, cùng nhau lên xe về lại Phú Hiệp.

Trên đường về, dù Toàn được xếp ngồi bên cạnh sư cô, nhưng anh cứ liếc nhìn trộm sư cô Diệu Nhân hoài. Dường như anh cố nhớ lại trong trí nhớ non nớt trẻ thơ, hình bóng của Uyên - người chị thân yêu mà anh không được gần gũi? Anh thấy chị gái của mình thật đoan trang, hiền thực - cái đẹp nhu mì, phúc hậu, nhìn là thấy mến, thấy quý; lại là một sư cô đã nguyện suốt đời học Phật, anh càng quý kính chị nhiều hơn. Anh nghĩ, gia đình mình có phước duyên lắm, mới có được người con, người chị, là một sư cô đạo hạnh như vậy.

Sau khi về đến nhà, bà Trâm đưa hai con đi thăm mộ ông bà nội ngoại, cùng thắp cúng ông bà nén hương, coi như báo cho ông bà biết mẹ con bà đã được đoàn tụ. Ngày hôm sau, bà làm một bữa tiệc chay, trước là cúng ông bà tổ tiên, sau là mời bà con, xóm giềng, chia vui cùng mẹ con bà đã về thăm quê, an lành, và cũng là để giới thiệu với mọi người, bà đã tìm được Uyên. Trong lòng bà xưa nay, luôn nghĩ đến ngày cúng tạ đền ơn, việc đoàn tụ hạnh phúc này.

Chính bà Trâm đi thăm, mời tất cả bà con trong làng, những người bạn cũ, anh chị em, con cháu trong nhà, đến chung vui cùng bà. Sư cô Diệu Nhân tụng hồi kinh cầu an, ghi ân chư Phật, đã độ trì cho mẹ con gặp nhau, gia đình sum họp.

Bà Trâm lại bên bàn ông Thái, người cậu đã từng giúp đỡ chồng bà, đi làm thợ xây, trong những ngày mới học tập cải tạo trở về. Nhìn đôi bàn tay xương xẩu, khô khốc, bà như thấy bóng hình người mẹ của mình, qua gương mặt sạm nắng, cháy đen của ông. Bà ôm vai ông, giọng xúc động:

-Cháu cảm ơn cậu nhiều. Mỗi lần về, mà còn gặp được cậu như thế này, là cháu mừng lắm.

Ông Thái cười, đôi má thêm hóp sâu:

-Trời Phật cho được ngày nào hay ngày nấy, khi nào gọi thì đi, cháu ơi! Cậu mừng mẹ con cháu đoàn tụ nghen.

-Dạ cháu cảm ơn cậu. Cậu giữ sức khỏe nghen.

Bà Trâm quay qua ông Hào ngồi cùng bàn, giọng ân cần:

-Cảm ơn bác Bảy đã tới chung vui cùng chúng cháu. Bác ăn chay thấy thế nào? Có thích không?

Ông Hào vui vẻ:

-Chay mặn gì bác cũng ăn được hết. Giờ lớn tuổi, ăn chay thấy nhẹ người hơn, cháu à!

Bà Hường góp lời:

-Trước kia, vô hợp tác xã, chỉ ăn rau củ trong vườn, mấy mặn, mấy chay, mà cũng qua hết. Có ăn là tốt rồi, phải không mọi người?

Khả - cháu nội bà Dư, thắc mắc:

-Tụi cháu có biết gì về hợp tác xã đâu, chỉ nghe nói, chớ hông thấy.

Bà Hường cười, chỉ vào ông Hào:

-Thì mà cứ hỏi ông Hào, sẽ rõ. Ông dẫn mọi người đi làm mà - bà cười lớn, muốn biết, ông ấy cho biết.

Ông Hào xua tay:

-Cái bà Hường này, tới giờ mà cũng hông chịu tha cho tui, thiệt là. Tui cũng làm theo....tiếng keng cơ mà!

Bà Hường cười hả hê:

-Ai biểu hồi đó ông chê tui chi, tui theo ông... tui sẽ xuống - giọng bà ngậm ngừng, xuống... xuống mồ luôn đó.

Ông Hào cũng không vừa:

-Bà theo xuống mồ mà làm gì, tui ở trên kia mà. Bà phải nói là, kiếp sau, ông đi đâu, tui đi đấy, thì mới gặp được tui chớ.

Cả bàn cùng cười theo lời ông Hào. Bà Hường cũng cười theo, rồi lớn giọng:

-Ông nhớ lời ông nói đấy nghen. Kiếp sau gặp tui mà bỏ chạy là chết.

Mọi người cười vui vẻ. Ông Tâm, con người chú họ của ông Tư, nâng ly, giọng rộn ràng:

-Mọi người cùng nâng ly chúc mừng đi nào! - rồi chép miệng, anh Tư mà còn sống, thì vui biết mấy!

Mọi người cùng nâng ly, nói cười vui vẻ.

Buổi tiệc đã kết thúc viên mãn.

Bà Trâm đưa Toàn lên thăm chùa Khải Tâm, cũng là đưa sư cô trở về chùa. Sau buổi gặp gỡ với mọi người, bà Trâm cảm thấy nhẹ tênh, lòng lâng lâng niềm vui. Một niềm hạnh phúc rộng lớn đã ập đến, như một giấc mơ, cứ xôn xao trong lòng; khiến bà cảm nhận được sự bình yên lâu dài.

Một buổi chiều, sau khi bà Trâm, Toàn, cùng sư cô hành lễ xong, ba mẹ con cùng đi dạo quanh chùa, yên vắng. Mỗi người, đều cảm nhận một niềm hạnh phúc riêng, sâu lắng, đang thấm đẫm trong lòng. Toàn nhận ra sự ấm áp, an bình, khi được sống trong tình thương yêu của mẹ, của chị, những ngày ở đây. Anh nghĩ, ngôi chùa Khải Tâm hẻo lánh, nhỏ bé này, sẽ luôn là nỗi nhớ, để anh trở về thăm lại, sau những tháng ngày tất bật, với công việc căng thẳng, mệt nhọc, ở xứ người.

Dừng trước Quan Âm Cát, sư cô Diệu Nhân chấp tay cúi lạy mẹ Quan Âm, rồi ngược lên nhìn Toàn, vui vẻ:

-Đây là công trình mẹ đã trợ góp chị mọi chi phí để thực hiện, đó em.

Toàn reo lên:

-Ồ! Hay quá! Em nghĩ, có sự dẫn dắt của chư Phật, chị à!

Bà Trâm mỉm cười:

-Đúng vậy. Mẹ nghĩ, đức Phật từ bi đã đưa mẹ về đây, theo tiếng chuông chiều của chùa Khải Tâm vang vọng, mấy năm trước. Từ đó, đi đâu thì đi, nhưng mẹ luôn về đây, trước khi trở qua Mỹ.

Sư cô Diệu Nhân nhìn mẹ âu yếm:

-Được mẹ chăm sóc trong lần nằm viện, con cứ ao ước, được làm con của mẹ, được mẹ thương yêu, an ủi. Không ngờ, niềm mơ ước đó lại thành sự thực. Con nghĩ, tất cả đều có sự sắp xếp mầu nhiệm của nhân duyên, mẹ ạ!

Toàn góp lời:

-Em đồng ý với chị. Tất cả đều là do duyên nghiệp hết hờ chị?

Bà Trâm nhìn con trai, giọng từ tốn:

-Mẹ sẽ ở lại đây với chị con, sẽ bên cạnh giúp sư cô làm công việc Phật sự. Mẹ nghĩ, đây mới là đời sống đích thực mà cuộc đời dành cho mẹ. Con cứ làm việc ở bên đó, mẹ sẽ sang thăm, sống với con vài tháng, rồi trở về đây vài tháng. Cứ vậy đi, con nhé!

Toàn càng thương mẹ nhiều hơn, khi nghe mẹ nói. Anh ôm chầm lấy mẹ, hôn - rưng rưng nước mắt:

-Mẹ ơi! Con đã lớn rồi, mẹ đừng lo gì hết, hãy sống theo ý muốn của mẹ, mẹ nhé! Mẹ phải bù đắp cho chị, bởi chị đã mất mát quá nhiều, mất tình

thương yêu của mẹ, của ba; còn con, đã có đủ. Con sẽ rất vui, được về đây thăm mẹ và chị.

Sư cô Diệu Nhân xúc động, giọng nghẹn ngào:

-Chị cảm ơn em! Gặp lại mẹ, chị vui lắm rồi. Cứ để mẹ muốn thế nào, tùy mẹ. Em về bên đó, nhớ giữ sức khỏe, có dịp về thăm chơi, em nhé!

-Dạ! Em sẽ rất nhớ mẹ và chị. Chị cũng giữ sức khỏe, trông chị gầy quá!

Hoàng hôn buông nhanh, chỉ còn vài vệt nắng vương vãi trong sân chùa, trên cành cây cao. Núi đồi một màu sẫm tối, yên lặng. Tiếng kêu của loài chim “*thương con, nhớ cậu*” vang lên trong ánh hoàng hôn sẫm màu.

Mẹ con bà Trâm nhìn lên bầu trời cao, dường như mặt trăng đã nhô lên từ hướng đông, cuối chân đồi. Ánh sáng dịu dàng tỏa xuống khắp vùng núi đồi, hoang vu, quạnh quẽ.

Tiền Toàn ra sân bay trở về Mỹ, bà Trâm và sư cô Diệu Nhân nhìn theo bóng dáng Toàn cúi bước lên cầu thang, lòng xúc động, bồi hồi. Toàn dừng ở cuối cầu thang, quay nhìn lại, vẫy tay chào mẹ và chị, rồi đi vào bên trong.

Chiếc máy bay hãng hàng không Airline American cất cánh bay lên cao, ghi những ánh đèn chớp màu đỏ giữa trời đêm mênh mông, khi thành phố Sài Gòn chưa thức giấc.

Bên dòng sông Tắc

Nha Trang, ngày 4/12/2019

TIỂU NGUYỆT